



Quách Hy (1001-90), *Cây mùa đông*

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | | |
|----|--------------------|--------------|
| 1 | Trẻ còn hơn không | Hoà Vân |
| 4 | Tin / Thời sự | |
| 9 | Kinh tế và dân chủ | Amartya Sen |
| 14 | 50 năm nhân quyền | Nguyễn Quang |

hồ sơ đặc biệt

- | | | |
|----|---------------------------|---------|
| 16 | Tài liệu mật của TƯ ĐCSVN | |
| 18 | Bút ký | Trần Độ |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | | |
|----|------------------------------------|---------------|
| 23 | Mâm mống yêu thương | Tini Trần |
| 24 | Lá thư Nantes | Kiến Văn |
| 25 | Xem phim Hải Nguyệt | Kiến Văn |
| 27 | Nghệ thuật cổ Trung Quốc | Vân Ngọc |
| 30 | Trên đất lạ (<i>truyện ngắn</i>) | Vũ Đình Giang |

Trẻ còn hơn không

Hoà Vân

Hai sự kiện nổi lên trong những thông tin chính trị đối nội của Việt Nam từ cuối tháng 11 lại đây : việc quốc hội thông qua Luật đất đai trái với ý kiến của trung ương đảng và quyết định công khai hoá ngân sách nhà nước các cấp. Cả hai là những “ premiere ” (sự việc xảy ra lần đầu, không có tiền lệ) trong chế độ. Đằng sau chúng, là một đợt sinh hoạt nội bộ của đảng cộng sản, do ban tư tưởng - văn hoá tổ chức trong hai tháng trước, về yêu cầu đấu tranh chống những “ quan điểm sai trái ” (những đòi hỏi dân chủ hoá !) đang được truyền bá rộng rãi trong và ngoài đảng.

Đạo Luật đất đai (sửa đổi) vừa được quốc hội thông qua trong những ngày cuối năm liệu có báo trước điều gì tốt lành cho chính trường Việt Nam năm sắp tới ? Câu hỏi đặt ra không phải vì nội dung tiến bộ gì của đạo luật (xem phần Tin tức trong số này) mà vì, như đã nói, người ta có thể ghi nhận một bước tiến chưa từng có trong chính thể cộng sản : một quốc hội “ đảng cử, dân bầu ” đã thảo luận thẳng thừng một dự luật của chính phủ đã được trung ương đảng thông qua, và cuối cùng bỏ phiếu những điều luật chủ chốt ngược lại với ý kiến của chính phủ và trung ương. Bản thân việc “ nổi loạn ” này (tương đối thời) dĩ nhiên là một điều tích cực, nhưng nhìn kỹ hơn vào nội dung những ý kiến của các đại biểu quốc hội (nhất là về thời hạn “ giao đất ” cho nông dân và về diện tích giới hạn cho mỗi hộ), người ta không khỏi giật mình thấy có điều chi không ổn. Dự luật của chính phủ, như *Diễn Đàn* đã đưa tin (số 79), nhằm tạo ra những điều kiện thoáng hơn trong kinh tế nông nghiệp, thích ứng hơn với những đòi hỏi của cạnh tranh trong khu vực và trên toàn cầu. Nhưng, mặc dầu đã có “ ý kiến của trên ” che chở, đa số đại biểu vẫn cảm thấy lo sợ trước viễn cảnh những đổi thay ở nông thôn và không tìm được biện pháp chống đỡ nào khác hơn biện

(xem tiếp trang 13)

Trà tỳ...

Trong lời tựa bản điều văn của giáo sư Cao Huy Thuần đọc trong lễ cầu siêu Hoà thượng Thích Thiện Châu, *Diễn Đàn* có lặp lại danh từ **trà tỳ** đã dùng trong thiệp báo tang của chùa Trúc Lâm gửi cho các Phật tử để chỉ lễ hoá táng.

Qua mấy thế kỷ, Ấn độ giáo có tục lệ hầu như bắt người goá phụ phải nhảy vào giàn lửa để tự thiêu chết theo chồng. Tục lệ ấy gọi là **sati** (xem *Dictionnaire de la Sagesse Orientale*, nxb Robert Laffont, và *ZEN, The Quantum Leap* của *Shree Rajesneest*, Rebel Publishing House, Cologne).

Tôi không rõ danh từ **trà tỳ** có phải phiên âm từ tiếng sanskrit **sati** không? Nếu phải thì tôi e là dùng không đúng vì **sati** chỉ dùng chỉ người goá phụ trong trường hợp nói trên.

Nguyễn Việt Tú (*Fosses*, Pháp)

📖 Theo *Từ điển Phật học Việt Nam* của Thích Minh Châu và Minh Chi (nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 712), **trà tỳ** phiên âm từ chữ **savya** tiếng sanskrit và được định nghĩa như sau: “*Lễ hoá táng. Ở Ấn độ, phần lớn khi chết, thân con người được đem thiêu, không có tục lệ chôn. Lễ thiêu gọi là lễ trà tỳ. Khi đức Phật mệnh chung ở Kusinara có làm lễ thiêu thân ngài gọi là lễ trà tỳ. Xưa Ấn độ có tục lệ, khi chồng chết thì vợ cũng tự thiêu trên giàn hoả chết theo chồng, lễ ấy gọi là lễ Sati, có thể cũng là chữ trà tỳ. đời nhà Trần, Huyền Trân công chúa được gả cho vua Chăm là Chế Mân (1306), khi vua chết, sợ công chúa Huyền Trân theo tục lệ Chiêm Thành phải hoả thiêu chết theo, vua Anh Tôn sai Trần Khắc Chung tìm kế mang được công chúa Huyền Trân về Việt Nam*”.

sách mới sách mới sách mới

Chúng tôi đã nhận được những sách mới, xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc:

Mùa đất thấp, tuyển tập những cây bút tại Hoà Lan, Cái Đình xuất bản (Den Uylstraat 36, 8015 DZ Zwolle, The Netherlands, e-mail: caidinh@freemail.nl), 1998, 256 tr.

The Mass Media in Vietnam, Edited by David G. Marr, Political and Social Change Monograph 25, ANU, Canberra, 1998, 166 tr.

L'économie vietnamienne en transition, Les facteurs de la réussite, par Cuong Le Van et Jacques Mazier (eds.), L'Harmattan, Paris 1988, 286 tr.

DIỄN ĐÀN FORUM

—
Chủ nhiệm: Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập: Hà Dương Tường
Ban chủ biên: Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc
Ban liên tập, kỹ thuật, quản lý:
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt: từ 1 đến 3 dòng: 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo: 1/8 trang: 180F, 1/4 trang: 300F, 1/2 trang: 550 F trang, 1 trang: 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo: lần thứ hai: bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi: bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải: sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....
.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số):

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM: 250 FF, tức là 40 €); Châu Âu ngoài Pháp: 280 FF = 45 €; Các nước ngoài châu Âu: 330 FF = 50 €).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về: DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt: số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W. Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1: xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto: N° 380 48 94 76: blz 752 500 00).

Thật hay giả...

Tôi đọc kỹ vài lần “*thư ngỏ của 4 đảng viên lão thành gửi Quốc hội*” đăng trên *Diễn Đàn* số 80. Tôi có cảm nhận rằng đây là một bức thư giả tạo dựng ở đâu đó trên Internet, không phải thư viết từ trong nước. Cảm nhận này dựa trên mấy điểm sau :

1. Đây không phải là ngôn từ văn phong của mấy người đảng viên già tại Hà Nội. Những người này ngay cả khi chất vấn mạnh hơn nữa theo tôi cũng dùng ngôn ngữ và cách viết khác (kể cả suy nghĩ). Vài thí dụ :

- “đáng bậc thầy của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta”.
- “khổ hạnh đang hùng hực và nồng nặc khắp xã hội”
- “cụ Tổng họ Đỗ” (dùng vài lần)
- “nhân dân hai nước [Indonesia và Việt Nam] cũng phải

Hommage à Frédéric CHOPIN à l'occasion du 150ème anniversaire de sa mort Récital ĐẶNG THÁI SƠN

Salle Gaveau

(45 rue La Boétie, M° Miromesnil)

Mardi 10 février 1999, à 20 h 30

Nocturne n° 8 en ré bémol majeur, op. 27 n°2

Trois Mazurkas op.59

Sonate n°3 en si mineur, op. 58

Vingt-quatre Préludes, op.28

Prix des places : de 90 à 240 F Location : Salle Gaveau
à partir de 11 h : ☎ 01 49 53 07

CALENDRIER DES CONCERTS EN EUROPE

Janvier 1999 :

7 : Oslo ; 12 : Ovideo (Espagne) ; 15 : Madrid

Mars 1999 :

19 (à 20h30) : Aix-en-Provence

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables

Heures d'ouvertures : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél 01 45 66 93 27

Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Bạn đọc và Diễn Đàn

chịu những ách thống trị tàn bạo của nền độc tài, dân chúng đều phải sống kiếp lầm than cơ cực”

- “tái thiết nước nhà”, “thăng tiến mạnh mẽ”

- “tất thủy số này đều quá già nua về tuổi tác, ốm yếu về sức lực, kém cỏi về năng lực và trí tuệ, xưa cũ và cằn cỗi về nếp nghĩ và tư duy” [về Ban cố vấn].

2. Nhiều chi tiết không chính xác :

- tặng bằng “toàn gia cách mạng” (ở Việt Nam theo tôi biết không có bằng này)

- tên bốn cụ ở bài nghe như tên trên hotmail : “Thúy Việt”, “Mạnh Nam”, “Dân Thức”, “Trí Tĩnh”. Điều quan trọng là người viết các thư chất vấn này ở Việt Nam đều ghi đủ, chính xác địa chỉ mình. Thêm nữa, Ô Cầu Giấy không thuộc Đống Đa, mà thuộc huyện Từ Liêm và từ 1997 thuộc quận Cầu Giấy. Cũng vậy, An Thành là một tên không rõ ở quận Ba Đình”.

T.N. (Tokyo, Nhật Bản)

☺☹☺ Xin thành thực cảm ơn anh đã nêu ra nghi vấn này với những suy xét sắc bén và cụ thể. Thư anh tới nơi vào đúng lúc chúng tôi cũng đặt ra nghi vấn tương tự.

Trước khi bàn thực chất vấn đề, chúng tôi xin tự phê và xin lỗi bạn đọc vì đã thiếu cẩn trọng trong việc công bố tài liệu này. Suốt 8 năm qua, *Diễn Đàn* bao giờ cũng phối kiểm xuất xứ trước khi công bố các tài liệu trong nước : khâu này không đơn giản vì nhiều khi, chúng tôi không thể / không tiện liên lạc trực tiếp với tác giả, vì vậy mà có trường hợp chúng tôi đăng chậm trễ hơn các báo khác, song đó là cái giá phải trả để bảo đảm cho sự trung thực trong thông tin.

Lần này, sự sơ xuất trong việc kiểm chứng là do chủ quan: những sự việc và vấn đề nêu lên trong thư đều là xác thực, nên chúng tôi đã mất “cảnh giác” trong khâu phối kiểm.

Rõ ràng là các tác giả lá thư không ký tên thực, song theo các nguồn tin đáng tin cậy ở Hà Nội mà chúng tôi nhận được, lá thư này thực sự đã được phổ biến ở trong nước (chính ông Lê Khả Phiêu cũng đã nhận được thư này), chứ không phải là sản phẩm từ bên ngoài (và như vậy, những nhận xét tình tế của anh lại đặt ra những câu hỏi cần được lý giải). Việc không ký tên thực làm cho việc kiểm chứng càng thêm khó khăn, song phần nào cũng có thể hiểu được khi ta biết rằng 11 cụ đảng viên lão thành viết thư tố cáo ông Phạm Thế Duyệt (ủy viên Bộ chính trị) đã bị công an, đảng ủy phường và cả ban kiểm tra, thanh tra Thành ủy đến tận nhà chất vấn, có một cụ bà bị công an xông vào nhà lúc cụ đi vắng, tạo cơ nhà có chứa thuốc phiện lậu (!) bắt hai cháu của cụ lên đồn ; hai người cháu phải nộp công an 100 000 đồng uống bia mới được thả về (tình tiết cụ thể này, ông Trần Độ đã cho tổng bí thư Lê Khả Phiêu biết trong cuộc gặp ngày 19.11.98).

Chúng tôi đưa thêm những thông tin trên để thấy thêm sự phức tạp của vấn đề. Điều này không hề cho phép một tờ báo như *Diễn Đàn* được quyền lơ là trong việc kiểm tra thông tin.

Tin Tức

Quốc hội : luật và thi hành luật

Kỳ họp thứ 4 của quốc hội (khoá X) đã bế mạc ngày 2.12 vừa qua, sau khi đã thông qua các đạo luật đất đai (xem bài trong số này), luật khiếu nại và tố cáo, luật giáo dục. Chúng tôi sẽ trở lại hai đạo luật này trong một số tới. Quốc hội cũng đã thảo luận về báo cáo của các cơ quan bảo vệ pháp luật và về dự thảo sửa đổi bộ luật hình sự. Nhiều ý kiến được nêu ra nhằm thu hẹp hình phạt tử hình trong bộ luật hình sự dự kiến sẽ được sửa đổi trong kỳ họp quốc hội vào tháng tư tới. Hiện nay, bộ luật hình sự Việt Nam có tới 44 điều luật có án tử hình, chiếm 20 % số tội danh.

Dưới đây, chúng tôi xin trích đăng hai đoạn trong bài tường thuật về cuộc thảo luận về thi hành pháp luật trên báo Tuổi Trẻ ngày 26.11.

Tại sao số người bị bắt không xử được lại không giảm ?

Thiếu tướng Trần Vinh Quang, chủ nhiệm chính trị quân khu 9 nói : “ *Chín tháng qua, số người bị bắt theo thủ tục hình sự nhưng chỉ xử lý hành chính chiếm tỷ lệ rất cao, 28,78 %, chưa kể những người bị khởi tố tạm giam nhưng sau đó bị đình chỉ điều tra vì họ không phạm tội* ”. Ông nói : “ *Tôi đồng ý với uỷ ban pháp luật, như thế là vi phạm quyền tự do dân chủ của công dân* ”. Đại biểu Hữu Thọ nhấn mạnh thêm : “ *Đọc lại báo cáo cũ, thấy phiên họp nào quốc hội cũng quan tâm đến vấn đề này, cũng phê phán để rồi số lượng người bị bắt không xử được lại không giảm. Tại sao lại để như thế ?* ”. Đại biểu Hữu Thọ nói tiếp : “ *Còn có những trót bắt rồi xử cho đúng ngày đã bắt để tha cho nó hợp pháp* ”. Ông ví dụ : “ *Có người bị bắt 1 năm 13 ngày, khi xử, xử 1 năm 13 ngày rồi tha luôn, rất buồn cười* ”. Ông nói tiếp : “ *Bắt rồi xử để tha cho nó hợp pháp là móc ngoặc với nhau, xã hội không làm sao yên tâm được* ”...

☒ Chắc bạn đọc đã nhận ra, ông Hữu Thọ nhắc chuyện xử nhả báo Nguyễn Hoàng Linh mà Diễn Đàn đã đưa số trước, với sự đồng ý của ban tư tưởng-văn hoá mà ông là trưởng ban !

Xử theo cách nhớ mang máng những quy định cũ

Khi thảo luận về chất lượng xét xử các vụ án, hội thẩm nhân dân là lực lượng đầu tiên bị các đại biểu quốc hội kêu ca. Chánh án toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, bà Nguyễn Thị Thanh Sơn nói : “ *Khi xét xử, hội thẩm cũng ngang quyền với thẩm phán, biểu quyết thì họ đa số (thẩm phán 1, hội thẩm 2), nhưng hiện cả nước có hơn một vạn hội thẩm, thế mà họ không được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, làm sao tránh sai sót được* ”... Tất nhiên chất lượng xét xử chủ yếu vẫn thuộc vào thẩm phán, mà theo bà Nguyễn Thị Thanh Sơn “ *chất lượng vẫn còn hạn chế* ”. Bộ trưởng tư pháp Nguyễn Đình Lộc cho biết một thực trạng rất đáng lo : “ *Một bộ phận thẩm phán được bổ nhiệm nhưng phải nợ tiêu chuẩn (bằng cử nhân luật).*

Có người đang có trong tay quyền tuyên án, có khi là tuyên án tử hình, nhưng không được đào tạo căn bản. Có chánh án được đưa sang do có công trong một lĩnh vực khác, đứng đầu một ngành khác hay một đoàn thể khác nhưng chưa được học luật ”. Bộ trưởng nói thêm : “ *Từ năm 1997 tới nay, bộ liên tục mở các lớp tập huấn, học ba tháng một để có chứng chỉ đại học. Nhưng cũng như bên ngân hàng, có thẩm phán nợ (chứng chỉ) mà không trả được, nợ khó đòi* ”. Chánh án toà án nhân dân tối cao Trịnh Hồng Dương cũng thừa nhận : “ *Năng lực của thẩm phán chưa được cao. Có những thẩm phán không nghiên cứu những quy định mới mà chỉ xử theo cách nhớ mang máng những quy định cũ !* ”...

Công chức ?

Ngày 17.11.1998, chính phủ đã ban hành một nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, theo đó công chức được phân ra 4 loại A, B, C, D theo trình độ đào tạo (A là công chức có trình độ đại học trở lên...), và việc tuyển dụng, nâng ngạch công chức phải thông qua thi tuyển theo qui chế. Theo nghị định, công chức (ngoài quân đội và công an) là những người được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc giao giữ một công vụ thường xuyên, được xếp vào một ngạch hành chính sự nghiệp, trong biên chế và hưởng lương nhà nước.

Nghị định còn có điều lệ dự trừ các “ *chế độ, chính sách* ” để bố trí công tác cho những công chức được bầu vào các cơ quan dân cử, và cả các trách nhiệm trong đảng và tổ chức chính trị của đảng, sau khi họ không còn đảm nhận những nhiệm vụ ấy nữa (báo Tuổi Trẻ 28.11). Sự lẩn lộn không thể chấp nhận được đó giữa nhà nước và đảng cầm quyền càng hiện rõ khi người ta biết rằng các cơ quan của đảng cũng được ăn trong ngân sách nhà nước. Thậm chí, còn được nhiều hơn các cơ quan nhà nước ngang cấp, như tin dưới đây cho thấy.

Mức chi ngân sách của cơ quan đảng bằng 1,5-2 lần cơ quan nhà nước

Theo báo Lao Động ngày 2.10.1998, một Thông tư liên bộ tài chính - ban tài chính quản trị trung ương (đề ngày 28.9.1998) qui định mức chi ngân sách bình quân làm căn cứ lập dự toán ngân sách của các tỉnh uỷ, thành uỷ được áp dụng bằng 2 lần mức chi ngân sách hiện hành của cơ quan hành chính sự nghiệp nhà nước cùng cấp quy định cho từng địa bàn. Đối với các huyện uỷ, quận uỷ và tương đương được áp dụng bằng 1,5 lần. Mức chi bình quân trên không bao gồm chi bù lỗ xuất bản báo, chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn tập trung của ngân sách nhà nước, chi đối ngoại, chi đào tạo lại cán bộ, chi nghiên cứu khoa học và chi cho các chương trình mục tiêu.

Công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước

Ngày 20.11.1998, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã ký quyết định số 225/1998/QĐ-TTg về việc ban hành quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước và các quỹ được thành lập theo quy định của pháp luật, có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân ; đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang, các tổ chức đảng và các đơn vị được giao

nhệm vụ quản lý hàng dự trữ quốc gia, phải công khai trong nội bộ những khoản thu, chi trong hoạt động thường xuyên của mình, trừ những số liệu về tài sản chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh...

Các hình thức công khai gồm có : trực tiếp báo cáo trong các kỳ họp trước cơ quan, tổ chức ; phát hành ấn phẩm ; niêm yết công khai tại trụ sở làm việc ; thông báo bằng văn bản. Thời hạn công khai : 60 ngày nếu bằng ấn phẩm, 30 ngày nếu là văn bản, 15 ngày nếu là niêm yết công khai, 5 ngày đối với hình thức báo cáo công khai trong kỳ họp đơn vị (tờ Lao Động đưa tin này không nói rõ cấp thẩm quyền nào sẽ chọn hình thức công khai cho mỗi đơn vị).

Đối với ngân sách nhà nước (NSNN), bộ trưởng tài chính công bố công khai các nội dung sau : tổng dự toán, quyết toán thu, chi NSNN hàng năm và nguồn bù đắp bội chi đã được quốc hội quyết định, phê chuẩn - trong đó công bố chi tiết cho một số lĩnh vực chi chủ yếu như đầu tư phát triển, giáo dục đào tạo, y tế, văn hoá thể thao và các chương trình mục tiêu quốc gia -, và tổng dự toán, tổng quyết toán thu, chi hàng năm của các bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được chính phủ giao, phê chuẩn, trừ các số liệu không được phép công bố theo quy định hiện hành. Chủ tịch uỷ ban nhân dân các cấp công bố công khai tổng dự toán, tổng quyết toán thu, chi ngân sách địa phương đã được hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, phê chuẩn, và ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình. Việc phân bổ và sử dụng kinh phí uỷ quyền của ngân sách trung ương tới các cấp cũng phải được công bố.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước, các nội dung phải công khai hoá gồm tình hình vốn, tài sản và tài chính của doanh nghiệp, kết quả hoạt động kinh doanh v.v... theo từng quý, năm. Đối với các quỹ có đóng góp của nhân dân, chủ tài khoản hoặc trưởng ban quản lý của quỹ phải công bố mục đích hoạt động và mục đích sử dụng các nguồn thu của quỹ, đối tượng và hình thức huy động, quy chế hoạt động của quỹ, quyền lợi và nghĩa vụ của những người được hưởng v.v... Ngày 23.11, trong cuộc gặp mặt nhằm giới thiệu về hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam - xem tin trong số này -, bộ trưởng kế hoạch - đầu tư Trần Xuân Giá nói rằng quyết định công khai hoá ngân sách nhà nước cả về đối nội và đối ngoại là một biểu hiện cụ thể việc thực hiện cam kết của chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế. (Tuổi Trẻ 21.11, Lao Động 21 và 27.11.1998)

Hội nghị thượng đỉnh ASEAN...

Tân tổng thống Philippin Joseph Estrada, tân tổng thống Indonexia B.J. Habibie, và các nguyên thủ 9 nước thuộc Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) đã tham dự hội nghị thượng đỉnh lần thứ 6 của hiệp hội lần đầu tiên được tổ chức tại Hà Nội trong hai ngày 15 và 16.12 vừa qua. Về phía khách mời, có phó chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào (Hu Jintao) thay vì chủ tịch Giang Trạch Dân, thủ tướng Nhật Keizo Obuchi và tổng thống Hàn Quốc Kim Dae Jung. Về phần mình, thủ tướng Cam Bốt Hun Sen, được mời sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam hai ngày trước, đã chỉ được mời dự hội nghị với tư cách quan sát viên mặc dầu cuộc khủng hoảng chính trị ở Cam Bốt đã được giải quyết hai tuần trước đó. Và mặc dầu nước chủ

nhà đã cố sức để thuyết phục các nước bạn sớm kết nạp Cam Bốt vào hiệp hội - mà nguyên tắc đã được thông qua năm ngoái. Các ngoại trưởng ASEAN trong cuộc họp chuẩn bị cho hội nghị đã không đạt được nhất trí về thời hạn tổ chức lễ kết nạp. Đặc biệt, Singapore đã rất cương quyết đòi chờ một thời gian để sinh hoạt chính trị của Cam Bốt bình thường hoá sau cơn khủng hoảng.

Về nội dung cuộc họp, dĩ nhiên nổi bật vẫn là những ý kiến khác nhau nhằm khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài trong khu vực, với những hậu quả chính trị không nhỏ như sự sụp đổ của chế độ Suharto ở Indonexia, hay cuộc tranh cãi ở hội nghị APEC tháng trước v.v... Thái Lan đề xuất ý kiến thiết lập một mối quan hệ mới cho phép các nước trong hiệp hội tác động lẫn nhau nhiều hơn, thay cho nguyên tắc “ không can thiệp vào nội bộ ”. Tuy được Philippin ủng hộ, ý này không được đa số - đặc biệt là nước chủ nhà ! - mặn mà lắm, và cuối cùng tuyên bố của hội nghị đã nhắc lại các nguyên tắc “ tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào nội bộ của nhau, nhất trí, đối thoại và tham khảo lẫn nhau ”, coi như nền tảng của các thành quả của ASEAN trong việc giữ gìn hoà bình và ổn định trong khu vực. Bên cạnh đó, bản tuyên bố không quên khẳng định sẽ đưa ASEAN tới một mặt bằng hợp tác cao hơn, nhằm “ tăng cường tính hiệu quả của ASEAN khi đáp ứng với các thách đố của sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn hơn, cũng như của sự hoà nhập vào nền kinh tế toàn cục của thế giới ”, và hứa sẽ đẩy mạnh các cải tổ kinh tế và tài chính ở mức quốc gia cũng như quốc tế, sẽ tiếp tục mở cửa thị trường của mình cho các nhà đầu tư... Về mặt chính trị, bản tuyên bố khẳng định những nỗ lực của ASEAN trong việc giải quyết các tranh chấp ở biển Nam Trung Quốc bằng các phương pháp hoà bình phù hợp với luật lệ quốc tế, trong đó có Quy ước 1982 của Liên hiệp quốc về Luật Biển và trong tinh thần của bản Tuyên bố của ASEAN năm 1992 về vấn đề này. Đây cũng là chủ đề chính trong cuộc thảo luận ngày 16.12 giữa các nhà lãnh đạo ASEAN với phó chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào về những vấn đề quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN.

Bên cạnh bản tuyên bố, hội nghị cũng đưa ra những biện pháp mà các nước hội viên sẽ phải áp dụng từ đầu năm 1999, nhằm lấy lại lòng tin của giới kinh doanh, đẩy mạnh sự phục hồi kinh tế và thúc đẩy phát triển. Đứng hàng đầu trong những biện pháp này là sự tăng tốc để thiết lập AFTA (Khu mậu dịch tự do ASEAN) : 6 nước hội viên sáng lập của ASEAN hứa sẽ hoàn thành AFTA vào năm 2002, thay vì 2003 như đã dự trù. Các nước hội viên mới cũng sẽ hạ hàng rào quan thuế xuống 0 % càng sớm càng tốt. Cụ thể hơn, Việt Nam sẽ dùng mức thuế dưới 5 % vào năm 2003, và bỏ quan thuế đối với các nước ASEAN vào năm 2006. Đối với Myanmar, các thời hạn tương ứng được định là 2005 và 2008. Về đầu tư, các nước ASEAN cũng thoả thuận dành những điều khoản ưu đãi cho các dự án đầu tư trong khu vực sản xuất hàng hoá nhận được trong hai năm 1999 - 2000...

Để chuẩn bị cho hội nghị cấp cao, một loạt các hoạt động chính thức của ASEAN đã được tổ chức tại Hà Nội từ tuần cuối tháng 11 như triển lãm Mỹ Thuật ASEAN, tuần lễ phim ASEAN, diễn đàn doanh nghiệp ASEAN... Bên cạnh đó, 7 hội nghị chuẩn bị văn kiện, từ cấp tổng giám đốc, thứ trưởng, bộ trưởng các bộ ngoại giao, kinh tế, tài chính, thương mại, cũng

được tiến hành. Hàng ngàn khách quốc tế gồm các quan chức chính phủ và 400 nhà báo đã tới HN trong dịp hội nghị.

... Và các cuộc gặp bên lề

Trong thời gian diễn ra hội nghị cấp cao, thủ tướng Cam Bốt Hun Sen, phó chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, thủ tướng Nhật Bản Keizo Obuchi, tổng thống Hàn Quốc Kim Dae Jong và tổng thống Philippin Joseph Estrada cũng đã là khách tới thăm chính thức Việt Nam.

Ngày 17.12, tổng thống Joseph Estrada đã cùng chủ tịch Trần Đức Lương dự lễ ký kết hai bị vong lục, một về việc miễn chiếu khán cho công dân hai nước mang hộ chiếu công vụ và đơn giản hoá thủ tục cấp chiếu khán cho công dân mang hộ chiếu thường, và một về hợp tác chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm buôn ma tuý và khủng bố. Ngoài các quan chức, 50 doanh nhân Philippin tháp tùng tổng thống trong chuyến đi.

Cùng ngày, thủ tướng Phan Văn Khải đã tiếp thủ tướng Nhật Keizo Obuchi và đã nhận được lời hứa Nhật sẽ mở rộng cho Việt Nam kế hoạch Miyazawa. Kế hoạch này do bộ trưởng tài chính Nhật Kiichi Miyazawa đưa ra hồi tháng 10 vừa qua, theo đó Nhật sẽ bỏ ra 30 tỉ đôla giúp 5 nước châu Á bị khủng hoảng nặng nhất là Indônexia, Thái Lan, Malaysia, Philipin và Hàn

Chuyện dài buôn lậu và chống buôn lậu

Tân Trường Sanh : mafia buôn lậu được hải quan, công an... “ bảo kê ”

LTS : Cuộc điều tra vụ án buôn lậu Tân Trường Sanh vừa kết thúc và trong 71 bị can do cơ quan an ninh đề nghị truy tố có tới 49 cán bộ của nhà nước, trong đó có 31 cán bộ hải quan. Kết luận điều tra cho thấy công ty Tân Trường Sanh đã tổ chức một mafia buôn lậu với mạng lưới “ bảo kê ” gồm cơ quan hải quan, cán bộ công an, kho hàng của quân đội, doanh nghiệp của nhà nước và của đảng cộng sản... Tóm lược ở dưới đây căn cứ lên hai loạt bài đăng trên báo Tuổi Trẻ (từ ngày 3 đến 12.11.98) và Lao Động (từ ngày 4 đến 9.11.98).

Trên thương trường công ty Tân Trường Sanh chẳng có tiếng tăm gì. Về pháp nhân, đó chỉ là công ty nhỏ bán hàng nông ngư cơ. Thế nhưng Tân Trường Sanh là ông vua không ngai của nhiều loại hàng nhà nước đánh thuế nhập khẩu cao hoặc camms nhập như : tivi, đầu máy video và CD, radio cassette, bộ loa ampli, máy lạnh, tủ lạnh, máy hút bụi, xe đạp, xe ô-tô... Giá bán hàng của Tân Trường Sanh thường chỉ bằng 2/3 hoặc phân nửa giá thị trường. Điều đó làm cho hàng loạt những nhà buôn hàng cùng loại phải phá sản. Ngay cả những tập đoàn nước ngoài đầu tư lắp ráp sản phẩm trực tiếp ở Việt Nam cũng phải chào thua. Chỉ tính từ tháng 10.1996 đến tháng 8.1997, Tân Trường Sanh đã tung vào thị trường Việt Nam một lượng hàng lậu trị giá trên 367 tỉ đồng.

Để nhập số hàng này, Tân Trường Sanh đã tổ chức mua pháp nhân của những công ty xuất nhập khẩu khác, tất cả đều là doanh nghiệp của nhà nước hay của đảng cộng sản ở tỉnh Thừa Thiên-Huế và ở đồng bằng Cửu Long : công ty thương nghiệp miền núi Thừa Thiên-Huế, công ty lâm đặc sản Thừa Thiên-Huế, Hueximco, Thái Hoà [Huế], Cataco [Cần Thơ], Betrexco [Bến Tre], Đông Hải Trà Vinh], Stapimex [Sóc Trăng] . Tính từ

Quốc phục hồi nền kinh tế. Theo ông Obuchi, Nhật đang nghiên cứu một phương án cùng với Ngân hàng Thế giới tài trợ cho Việt Nam ra khỏi khủng hoảng như trong kế hoạch Miyazawa. Và vốn tài trợ này sẽ không tính trong số 102,3 tỉ yen mà Nhật đã hứa cho Việt Nam ở hội nghị Paris vừa qua (xem tin trong số này). Về phần mình, ông Phan Văn Khải đã nói với thủ tướng Nhật là Việt Nam sẽ đẩy mạnh các cải tổ kinh tế và nỗ lực để đạt tốc độ tăng trưởng từ 5,5 tới 6 % trong năm tới. Ông Obuchi đã mời ông Khải sang thăm Nhật vào năm tới. Ngược lại, ông Khải đã mời Nhật hoàng sang thăm Việt Nam.

Theo một quan chức cao cấp Hàn Quốc có mặt trong bữa cơm tối do chủ tịch Trần Đức Lương tiếp riêng ngày 16.12, tổng thống Kim Dae Jung đã ngỡ ý hối tiếc về vai trò của nước ông trong chiến tranh Mỹ-Việt, và mong ước rằng hai bên sẽ cố gắng để vượt qua quá khứ không vui ấy. Tổng thống Hàn Quốc cũng thông báo nước ông sẽ cho Việt Nam vay 77 triệu đô la, trong đó một nửa là dành cho các dự án phát triển mới.

Thủ tướng Phan Văn Khải trong buổi họp báo cuối hội nghị cấp cao đã từ chối không bình luận về tuyên bố của ông Kim Dae Jung. Tuy nhiên, ông nói tiếp rằng Việt Nam muốn khép lại quá khứ để hướng tới tương lai, và do đó không đặt vấn đề đòi các nước đã tham gia vào chiến tranh ở Việt Nam phải xin

tháng 1.1996 đến tháng 8.1997, tám công ty này đã bán pháp nhân cho Tân Trường Sanh nhập 756 container hàng, và được trả 4 triệu đồng mỗi container. Hình thức nhập lậu là khai hàng thuế suất thấp hoặc bằng không [như máy nông cụ] trong khi thực tế đó là hàng có thuế suất cao hoặc cấm nhập [như tivi, máy lạnh hay ô-tô...].

Nơi chứa hàng lậu lại là các kho hàng của quân đội hay công an ở Thành Hồ Chí Minh như : kho của Bộ tư lệnh công binh, kho của Cục kỹ thuật không quân, kho của Hội cựu chiến binh quận 10, kho của công ty đầu tư Miền Đông thuộc Quận khu 7, kho của công ty Thái Sơn thuộc bộ quốc phòng, kho của các công ty Z 751 và 756, kho đường Ba Tháng Hai của Hậu cần công an TPHCM [ở sát vách cơ quan công an kinh tế TPHCM]. Tại các kho này, cán bộ hải quan, công an, thuế.. thường xuyên đến kiểm tra nhưng chẳng có ý kiến gì.

Ông trùm điều khiển các hoạt động buôn lậu của Tân Trường Sanh tên là Trần Đàm, 60 tuổi, quê ở làng Trường Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Nhân vật số hai là ông Trần Quang Vũ, con trai của ông Đàm. Như những bố già mafia khác, ông Trần Đàm chỉ sử dụng những người trong gia đình : vợ là Trần Thị Hảo [giám đốc công ty], con dâu là Trần Thị Quý Đông [phó giám đốc] và những người con khác là Trần Quang Bình, Trần Quang Hữu, Trần Thị Ngọc Lan.

Không ai trong công ty là cán bộ nhà nước, song khi cần ra nước ngoài, họ đều có hộ chiếu công vụ và khoác áo “ cán bộ một doanh nghiệp của tổng cục hậu cần ngành công an “. Công ty này có tên là Davimex là một doanh nghiệp xuất nhập khẩu trực thuộc bộ nội vụ và do một sĩ quan cấp tá, ông Lê Minh Xư, làm giám đốc. Qua những hợp đồng ký với ông Trần Đàm, ông Xư dùng danh nghĩa Davimex làm bình phong cho Tân Trường Sanh, đứng ra thuê kho chứa hàng lậu [như kho Z 756 đã chứa 154 container, trị giá trên 167 tỉ đồng] và cửa hàng tiêu thụ [cửa hàng đường Ba Tháng Hai mà doanh số có ngày lên đến 177 triệu đồng].

lỗi hay bồi thường chi cả. Còn chuyện mỗi nước nhìn nhận thấy lỗi lầm của mình trong quá khứ, theo ông Khải, là việc của nước ấy. (tổng hợp tin nhiều nguồn, từ 8 tới 17.12.1998)

Lũ lớn ở miền Trung

Trận lũ do cơn bão số 5 kết hợp với không khí lạnh từ phía bắc tràn về các tỉnh trung bộ và nam trung bộ từ ngày 18 đến 21.11 được ghi nhận là trận lũ lớn nhất trong vòng 32 năm qua, chỉ kém mức lũ năm 1964 khoảng 0,4 m. Tính đến ngày 23.11, đã có 115 người chết, 6 người và 56 tàu, thuyền bị mất tích, 1414 ngôi nhà bị sập hoặc bị lũ cuốn trôi hoàn toàn, gần 50 000 ngôi nhà khác đang bị ngập trong nước lũ. Bị nặng nhất là Quảng Nam, Đà Nẵng, rồi tới Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

Bốn ngày sau, trận bão số 6 lại đổ bộ vào Phú Yên, Bình Định, làm mực nước các sông Trà Khúc, sông Côn lên cao vượt mức báo động ba hơn 1m. Tính sơ bộ, đợt lũ này làm cho 10 người dân bị chết.

Một đoàn công tác đặc biệt của chính phủ do phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng dẫn đầu đã đi thị sát các vùng bị lũ lụt để tổ chức cứu trợ đồng bào bị nạn. Chính phủ đã quyết định dành 2,5 tỷ đồng để hỗ trợ Thừa Thiên - Huế khắc phục

Còn những đoàn xe container của Tân Trường Sanh thì có cảnh sát hộ còi dẫn đường, và một cán bộ cảnh sát ở đội tuần tra giao thông TPHCM, ông Bùi Văn Chét, được ông Trần Đàm trả lương hẳn hoi với nhiệm vụ xử lý nhanh các sự cố. Từ tháng 2 đến tháng 6.1997, ông Chét đã 12 lần giải toả cho xe chở hàng lậu của Tân Trường Sanh bị cảnh sát giao thông kiểm tra.

Nhưng trước tiên, hàng hoá phải trót lọt khâu hải quan, và Tân Trường Sanh đã tổ chức mua tất cả những cơ quan liên hệ gồm : Phòng điều tra chống buôn lậu của cục hải quan Thành phố Hồ Chí Minh mà nhiệm vụ là kiểm tra sơ bộ các container hàng hoá đến cảng TPHCM, và những cục hải quan Cần Thơ, Thừa Thiên-Huế là nơi kết thúc việc kiểm hoá. “ Giá “ để cơ quan hải quan làm ngõ cho hàng lậu lọt qua là 1 triệu đồng/container ngán và 2 triệu đồng/container dài ở cảng TPHCM, rồi từ 5 đến 10 triệu đồng/container ngán và từ 10 đến 20 triệu đồng/container dài ở Cần Thơ hay Thừa Thiên-Huế.

Tại hải quan Cần Thơ, cục trưởng Văn Ngọc Thơm và hai cục phó Trần Minh Thuận, Nguyễn Hiền Triết đã ký duyệt 420 lần cho Cataco giải toả hàng lậu của Tân Trường Sanh. Có lần hàng lậu bị phát hiện, ông Trần Đàm đã phải hối lộ 5 tỉ đồng [trong đó ông Thơm được 309 triệu đồng, ông Thuận được 554 triệu đồng, ông Triết được 296 triệu] để hải quan không lập biên bản. Cả ban lãnh đạo cục và 14 cán bộ hải quan đang bị truy tố.

Tại hải quan Thừa Thiên-Huế, nơi Tân Trường Sanh đã đưa trót lọt 155 container hàng lậu, cơ chế ăn hối lộ có tính công khai và tập thể. Việc phân phối tiền hối lộ trong mỗi đợt hàng được qui định như sau : trích 10% cho quỹ phúc lợi ; dành 10% cho quỹ dự phòng ; bồi dương cho những cán bộ không trực tiếp làm công tác kiểm hoá từ 200 nghìn đồng đến 2 triệu đồng ; còn lại là chia đều cho 5 người gồm có cục trưởng Nguyễn Ngọc Thắng Lợi, cục phó Trần Đình Nhi, trưởng phòng giám sát Lê Tiến Hùng và hai cán bộ kiểm hoá đợt hàng.

Tại cửa khẩu TPHCM, giữa tháng 6.1996 và tháng 8.1997, 26 cán bộ thuộc phòng điều tra chống buôn lậu đã chia nhau

hậu quả lũ lụt, 2,5 tỷ cho Bình Định, 2 tỷ cho Đà Nẵng, 1 tỷ cho Phú Yên (cùng với 2 tỷ kinh phí dự phòng trước đó)... Mặt khác, phó thủ tướng cũng cho biết sắp tới chính phủ sẽ có chính sách khoan nợ đối với vốn nhà nước đã cho các tỉnh bị nạn vay, và đồng thời sẽ cho các tỉnh này vay thêm với lãi suất ưu đãi để khôi phục sản xuất. (Tuổi Trẻ 23 - 28.11.1998)

* Một hội nghị các nhà tài trợ quốc tế, họp tại Paris ngày 8.12.1998 dưới sự chủ trì của Ngân hàng Thế giới, đã nhận cho Việt Nam vay 2,2 tỉ đô la cho năm 1999, ít hơn năm ngoái 0,2 tỉ. Tuy nhiên, các nhà tài trợ cũng hứa thêm 500 triệu đô la, nếu các cải tổ về khu vực kinh tế nhà nước, về ngân hàng và chế độ mậu dịch được thực hiện.

* Nhạc sĩ Lê Yên, tác giả nhiều bản nhạc nổi tiếng như Vườn xuân, Nghệ sĩ hành khúc, Bể bàng (trước Cách mạng tháng tám), Đoàn kỵ binh Việt Nam (còn gọi là Ngựa phi đường xa), Bộ đội về làng (phổ thơ Hoàng Trung Thông).... đã từ trần ngày 15.11.1998, thọ 82 tuổi.

* Theo thông tấn xã DPA, bộ văn hoá-thông tin đã đề nghị bãi bỏ lệnh cấm đốt pháo Tết năm nay, thay vào đó là một quy định cho phép đốt pháo giới hạn (về lượng pháo bán cho từng gia đình, và về kích thước pháo), với sự kiểm soát của bộ quốc phòng.

hơn 3 tỉ đồng của Tân Trường Sanh và năm chủ hàng buôn lậu khác, riêng trưởng phòng Phùng Long Thái đã lãnh 600 triệu đồng. Cuộc điều tra còn phát hiện ông Phùng Long Thái có một số lượng tài sản - mà hầu hết do người khác đứng tên - trị giá trên 4000 lượng vàng, tương đương 19 tỉ đồng [khoảng 1,5 triệu đô la], trong đó có 6 biệt thự - cái cao nhất giá 790 lượng vàng, cái thấp nhất cũng tới 340 lượng -, và hơn 17 nghìn m2 đất trị giá 600 lượng vàng...

Được hải quan và công an “ bao kê “, ông Trần Đàm dân dân đã khống chế các hoạt động buôn lậu của những tay trùm khác : Võ Thành Cứ, Hà Cao, Ngọc Lam, Mỹ Phượng.. Muốn tồn tại, ông, bà trùm này phải qui hàng Trần Đàm, tránh những mặt hàng độc quyền của Tân Trường Sanh và nhờ Tân Trường Sanh làm “ dịch vụ hải quan “. Với “ cây gậy “ hải quan này trong tay, Trần Đàm đã thật sự trở thành “ bố già “ của những ông trùm buôn lậu.

Cuộc điều tra vụ án Tân Trường Sanh cũng làm rõ một số điều không bình thường về phía chính quyền: :

Từ năm 1996, Tân Trường Sanh xây dựng mạng lưới buôn lậu với pháp nhân của những doanh nghiệp nhà nước và của đảng, sự bao bọc khá lộ liễu của nhiều cán bộ công an và sự đồng lõa hầu như công khai của những cơ quan hải quan. Vậy mà tổng cục hải quan hay công an kinh tế đều tuyên bố không hay biết gì hết. Người phát hiện vụ việc lại là dân, và những lực lượng chống buôn lậu chỉ “ lập công “ sau khi thủ tướng chính phủ - khi ấy là ông Võ Văn Kiệt - ra lệnh tổng kiểm tra các container tại cảng Sài Gòn.

Vụ án được khởi tố điều tra từ tháng 7.1997, song do có “ nội gián “, Tân Trường Sanh đã được thông tin về mọi cử động của cơ quan điều tra để có thể đối phó. Nhờ đó mà ông Trần Đàm đã kịp thủ tiêu gần hết tài liệu, sổ sách liên quan đến hoạt động buôn lậu. Còn bị cáo số 2, ông Trần Quang Vũ, cùng bảy người khác thì kịp tẩu thoát...

Sửa đổi luật đất đai : trói buộc thêm thay vì cởi mở hơn...

Kỳ họp quốc hội tháng 11 vừa qua đã chứng kiến sự kiện các đại biểu quốc hội bác bỏ nội dung chính yếu của dự thảo sửa đổi luật đất đai do chính phủ đề nghị, mặc dầu dự luật này đã được hội nghị ban chấp hành trung ương đảng cộng sản tháng 10 trước đó thông qua sau những cuộc tranh luận kéo dài. Trên nhiều điểm quan trọng, đa số tại quốc hội đã biểu quyết sửa luật đất đai 1993 theo hướng trói buộc hơn so với thực tiễn hiện hành, thay vì cởi mở hơn như chính phủ chủ trương [xem DD số 79].

Về thời hạn nhà nước giao đất nông nghiệp cho các hộ nông dân, 61 % đại biểu đã biểu quyết không tăng lên mức 50 năm như chính phủ đề nghị mà giữ lại mức 20 năm ghi trong luật 1993.

Trong trường hợp hộ nông dân sử dụng một diện tích đất vượt hạn điền [qui định từ 2 đến 3 ha trong luật 1993], chính sách hiện hành [nghị định số 64 năm 1993] qui định nhà nước thu thuế bổ sung [20%]. Bác bỏ đề nghị duy trì chế độ này, luật đất đai sửa đổi qui định rằng : đối với đất vượt hạn điền trước ngày luật đất đai sửa đổi có hiệu lực thì phần vượt tiếp tục nộp thuế bổ sung, nhưng đối với diện tích vượt mức có sau ngày luật này có hiệu lực thì sẽ phải chuyển sang chế độ thuê đất.

Đối với những doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, chính phủ có đưa ra đề nghị cho phép họ mua lại quyền sử dụng đất của những hộ nông dân được nhà nước giao đất, mà không phải chuyển sang chế độ thuê đất như trước đây. Luật đất đai sửa đổi xác định các doanh nghiệp được hưởng các quyền sử dụng đất [gồm cả những quyền thế chấp, góp vốn kinh doanh, cho thuê lại, chuyển nhượng quyền sử dụng] nhưng chỉ được phép thuê đất chứ không được nhà nước giao đất như các hộ nông dân [trừ những doanh nghiệp được nhà nước giao đất trước khi luật này ban hành].

Luật đất đai sửa đổi còn đưa vào một qui định khác là việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được nhà nước cho phép. Người muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có một trong ba điều kiện được uỷ ban nhân dân phường, xã chứng thực là : không còn nhu cầu sử dụng đất, không còn khả năng canh tác, chuyển đi nơi khác.

Tính gay gắt của những cuộc tranh cãi tại hội nghị trung ương đảng rồi tại quốc hội phản ánh, trước hết, đặc điểm sử dụng đất đai ở các vùng khác nhau của đất nước. Các tỉnh phía nam, nói chung, có thái độ thuận lợi đối với dự luật của chính phủ hơn là các tỉnh phía bắc. Song, vượt qua những khác biệt về địa phương, những quan điểm khác nhau thể hiện hai cách đặt vấn đề trái ngược nhau. Sửa đổi luật đất đai để mọi nông dân đều có đất hay để nông nghiệp sử dụng đất đai hiệu quả hơn ?

Theo quan điểm thứ nhất, sở dĩ luật đất đai qui định thời hạn giao đất là vì yêu cầu thu hồi đất và chia lại có định kỳ hầu giải quyết vấn đề nhân khẩu ở nông thôn. Chủ tịch một hợp tác xã ở tỉnh Quang Nam, ông Trần Văn Mai lập luận :

“ Số nông dân chưa có đất đang trong chờ cho hết thời điểm 20 năm, bây giờ đã được 5 năm, còn 15 năm nữa họ sẽ được chia. Nếu ta tăng thời hạn lên 50 năm thì sẽ là một sự hụt hẫng lớn của nhân dân đối với đảng ”. Chủ tịch hội hoá học Hà Nội, ông Quách Đăng Triều cho rằng : “ 50 năm là quá lâu, một thanh niên 15 tuổi lần này chưa được phân đất, phải chờ 50 năm sau, sắp chết mới được phân, tôi nghĩ không hợp lý ”. Còn chủ tịch một hợp tác xã ở tỉnh Thái Bình, ông Bùi Văn Khà thì đưa ra đề nghị : “ Nên rút ngắn thời hạn giao đất xuống còn 10 hoặc 15 năm ”.

Trên vấn đề hạn điền, phó chủ tịch quốc hội Mai Thúc Lân cho rằng : “ Không nghiêm việc này nên mới có tình trạng nông dân mất đất quá nhiều, một số người đi làm thuê trong khi một số người khác trở thành tư bản ở nông thôn ”. Trung tướng Nguyễn Quốc Thước cảnh báo : “ Cuối cùng đất sẽ rơi vào tay một đại tư bản nông nghiệp, nó sẽ khống chế tất cả nền kinh tế nông thôn ”. Còn cựu bộ trưởng văn hoá Văn Phác thì khẳng định : “ Sửa luật đất đai vẫn phải bảo đảm nguyên tắc người cày có ruộng ”.

Trong khi đó, theo chính phủ, luật đất đai sửa đổi phải tháo gỡ những ách tắc đang làm cho người dân không yên tâm đầu tư vào nông nghiệp, đang hạn chế sự phát triển của kinh tế trang trại trong khi sự phát triển của kinh tế hộ đã đung trăn. Chính phủ nhắc lại rằng luật 1993 không đặt vấn đề thu hồi đất để chia lại mà qui định rằng : hết hạn 20 năm, nếu hộ nông dân yêu cầu thì được tiếp tục sử dụng đất. Còn vấn đề nông dân thiếu ruộng đất thì không thể giải quyết bằng cách phân chia lại ruộng đất mà phải đẩy mạnh phân công lao động ở nông thôn, bằng cách phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ.

Với quan điểm này, bí thư tỉnh uỷ Quảng Trị Nguyễn Đức Hoàn chất vấn quốc hội : “ Đừng lo cho 20 năm sau không có đất để phân phối lại. Bây giờ ở ta 80% dân số làm nông nghiệp. Không lẽ 20 năm sau cũng 80 % ? ”. Chủ tịch hội nông dân tỉnh Đồng Tháp Trương Minh Thái lập luận : “ Đừng nghĩ chúng ta chỉ có thể điều phối ruộng đất ở nông thôn bằng cách thu hồi rồi chia lại. Chúng ta đã giao cho người dân nắm quyền sử dụng đất, họ có thể để thừa kế hoặc sang nhượng lại cho người chưa có đất ”. Còn giám đốc sở khoa học, công nghệ và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Thiện Nhân thì cho rằng : “ Quan hệ thuê mướn lao động là điều chắc chắn sẽ diễn ra ở nông thôn. Một chính sách tiến bộ là phải làm cho quan hệ chủ thợ tốt hơn bằng những qui định của luật pháp về lao động làm thuê trong nông nghiệp ”.

Về vấn đề hạn điền, một trạm trưởng bảo vệ thực vật ở tỉnh An Giang, ông Nguyễn Sĩ Lâm, giải trình : “ Nông dân Việt Nam nay đã thay đổi nhiều so với trước đây. Có biết bao nông dân đã tự rời bỏ đất để chuyển sang buôn bán hoặc làm nghề thủ công, hay đến làm ăn ở các công trường, xí nghiệp. Họ vẫn hiện diện tại làng xóm của mình nhưng không nhất thiết phải sinh sống bằng mảnh đất. Những người dân này đang có nhu cầu chuyển quyền sử dụng đất cho những hộ nông dân có điều kiện sản xuất. Qui định về hạn điền hiện

nay như sợi dây vô hình ràng buộc, người không cần đất lại có đất, còn người cần đất lại không được tích tụ thêm đất”. Đối với diện tích đất vượt hạn điền, đại biểu Khánh Hoà Đỗ Thanh Liêm kêu gọi quốc hội “*manh dạn điều tiết việc này qua thuế, không nên dùng bất kỳ một biện pháp hành chính nào*”. Ông Trương Minh Thái lưu ý quốc hội: “*Sửa luật là để kích thích sản xuất trong nông nghiệp chứ đâu phải nhằm làm cho mọi người trong xã hội phải có đất*”. Mà muốn kích thích sản xuất thì, theo ông Nguyễn Đức Hoàn, phải “*huy động được những người có tiền, những người có kỹ năng sử dụng đất hiệu quả hơn hiện nay*”.

Phản đối việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai phải được nhà nước cho phép, phó giám đốc sở tư pháp TPHCM Nguyễn Đức Chính cảnh báo: “*Chúng tôi đề nghị về nguyên tắc chính phủ qui định người sử dụng đất tự định đoạt các quyền của mình, nhà nước không đứng ra làm trung gian trong giao dịch dân sự. Còn nếu tiếp tục đi theo hướng hiện hành thì người sử dụng đất sẽ ngấm ngấm chuyển dịch mà nhà nước không kiểm soát được. Việc sửa đổi luật lần này có phát huy được hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào việc có để ra được các thủ tục thông thoáng cho người dân thực hiện các quyền về đất đai hay không*”. Một số đại biểu quốc hội cũng phản đối qui định đòi hỏi phải trình luận chứng khi thuê đất: “*Đó là một qui định mang tính hình thức, gây phiền hà và biến những người sử dụng đất trở thành những người nói dối*”.

Những mâu thuẫn của luật 1993 cũng như của luật sửa đổi xuất phát từ chỗ không chính danh như một số đại biểu quốc hội đã nêu lên:

- đại biểu TPHCM Huỳnh Đám: “*Đất thuê cũng như đất giao đều có đủ 5 quyền, vậy thì cần gì phải dùng hai khái niệm khác nhau để ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư trong nông nghiệp?*”

- đại biểu An Giang Nguyễn Sĩ Lâm: “*Nói rằng đất đai thuộc sở hữu của toàn dân, nhưng thực ra đất do chính nông dân tạo lập ra nó từ lâu đời. Nhà nước có thể cho thuê, có thể giao cái đang ở trong tay của nông dân?*”

- chủ tịch UBND Hà Nội Hoàng Văn Nghiên: “*Chúng ta cứ nghĩ tới chuyện ban phát, nhà nước giao đất, nhà nước cho thuê đất nhưng không nói nhà nước lấy đất ở đâu mà giao, mà cho thuê. Thưa quốc hội, đừng tới đất bây giờ là phải thương lượng, phải đền bù cho dân!*”.

Lời đáp của tổng cục trưởng địa chính Bùi Xuân Sơn:

“*Đúng là có tình trạng như vậy, nhưng phải nói thế, nhà nước giao, nhà nước cho thuê, nó mới thể hiện tinh thần đất đai thuộc sở hữu toàn dân*”.

“*Hiện nay tinh thần của các nghị quyết chưa thừa nhận có thị trường đất đai. Nhà nước đưa ra những qui định nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển dịch quyền sử dụng đất của người dân, nhưng không có ý định thừa nhận nó như là một thị trường tự do*”. [Tuổi trẻ 10, 17, 22, 24 và 28.11; Thời báo kinh tế Sài Gòn 19.11.98]

Không có kinh tế lành mạnh nếu không dân chủ thật sự *

Amartya Sen

Amartya Sen giải Nobel kinh tế 1998 sinh ở Ấn Độ cách đây sáu mươi lăm năm. Khi lên chín ông được chứng kiến trận đói khủng khiếp ở Bengale năm 1943 làm chết 3 triệu con người. Ông theo học đại học tại Trinity College ở Cambridge, Anh Quốc, mà ông hiện nay là hiệu trưởng (master); hiệu trưởng Trinity College là một chức do thủ tướng Anh đề nghị và nữ hoàng Anh chính thức phong tặng.

Amartya Sen có nghiên cứu về kinh tế nạn đói, nhưng giải Nobel là trao tặng cho công trình khoa học của ông “ lý thuyết về lựa chọn xã hội ”. Ông dùng phương pháp khoa học để nghiên cứu tình trạng nghèo khổ và đo lường chính xác tình trạng ấy.

Ông cho rằng biết số lượng người sống dưới mức nghèo là chưa đủ, còn phải tìm hiểu chính xác tình hình phân bố người nghèo như thế nào, khoảng cách giữa họ với ngưỡng nghèo nàn là bao nhiêu. Ông đi đến kết luận rằng số thu nhập không đủ để ước lượng tình trạng nghèo khổ, còn phải tính đến trình độ học thức, tình trạng sức khoẻ, vv... Ông lưu ý rằng người da đen Hoa Kỳ thu nhập có cao hơn nhưng tuổi thọ trung bình lại thấp hơn người dân Trung Quốc, Sri Lanka và cả dân một số bang Ấn Độ. Chỉ số phát triển con người tổ chức Liên hiệp quốc dùng để đo tình trạng nghèo khổ là của ông làm ra.

Amartya Sen không tán thành triệt để tư bản chủ nghĩa, ông từng nói “Trong sự thành công của tư bản chủ nghĩa vai trò của nhà nước quan trọng ngang với vai trò của thị trường. Ý kiến cho rằng từ nay không cần tới nhà nước nữa đang lui bước”

Chính vì thế mà chúng ta nên chú ý cách nhìn của ông về dân chủ và kinh tế Diễn Đàn giới thiệu trong kỳ này.

Những năm gần đây người ta được thấy một tư tưởng gia bất ngờ, thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu trình bày một thứ “ lý thuyết tổng quát ” về mối quan hệ giữa tự do chính trị và trù phú kinh tế. Ông ta không phải là người duy nhất đã nêu ý này lên. Tán dương những lợi ích gán cho một Nhà nước mạnh có cả một quá khứ dài trong thư mục về phát triển. Người ta đã từng đi đến chỗ phán - một cách khá bất công - rằng ở châu Á, một người sáng suốt như Gunnar Murdal mà tỏ lòng nghi kỵ gay gắt đối với “ Nhà nước mềm dẻo ” trong kịch bản của ông thì phải xem đó là một cách tán thành đường lối chính trị cứng rắn có lợi ích cho một nền kinh tế lành mạnh.

Đúng là một số quốc gia khá độc đoán (như ở Singapore, Nam Triều Tiên thời quân đội nắm chính quyền và, gần đây

hơn ở Trung Quốc) phát triển kinh tế đạt được những tỷ suất cao hơn ở những nước ít chuyên chế (như Ấn Độ, Costa-Rica hay là Jamaïque). Nhưng nếu nhìn toàn diện thì lại thấy tình trạng phức tạp vô cùng so với cái mà nhận xét cục bộ cách này hay cách khác gợi ra.

Nghiên cứu thống kê một cách có hệ thống không hề đem lại bằng chứng làm chỗ dựa cho giả thuyết có đối chọi về bản chất nhau giữa quyền công dân với hiệu năng kinh tế. Thật ra, có những nhà nghiên cứu như Partha Dasgupta, Abbas Pourgerami và Surjit Bhalla đã đem lại nhiều bằng cứ gợi ý rằng quyền công dân và quyền chính trị có tác động tích cực trên tiến triển kinh tế. Có những nhà nghiên cứu khác thấy rằng nhịp tiến triển của quyền công dân và của kinh tế là những nhịp phân kỳ. Lại có những người khác nữa bảo vệ ý kiến, nói theo cách của John Hilliwell, là trên cơ sở thông tin hiện có, thì “*diễn giải một cách lạc quan kết quả tổng quát cho phép kết luận rằng dân chủ - mà giá trị xem ra độc lập với hiệu ứng trên kinh tế - có thể đạt được không mấy tốn kém, với cái giá phải trả về sau là phát triển chậm hơn*”.

Những giải đáp nói trên không gia cố cho giả thuyết của Lý Quang Diệu cho rằng có xung khắc trong bản chất giữa quyền tự do chính trị và hiệu năng kinh tế. Nhiều chứng cứ đưa ra là phản ví dụ cho luận thuyết tổng quát tâng bốc một Nhà nước cứng rắn không gì lay chuyển nổi, chưa kể luận thuyết này lại có yếu kém trong phân tích khái niệm. Vì rằng có nhiều thứ quyền công dân và quyền chính trị cũng như có nhiều hình thức độc đoán, lấn áp khác nhau. Nên chi sẽ phạm sai lầm nếu ta đem đồng hoá lối phủ nhận quyền chính trị đang hoành hành tại Bắc Triều Tiên với cách làm của Nam Triều Tiên, dù rằng cả hai nơi đều chà đạp quyền chính trị.

Sự kiện Bắc Triều Tiên hoàn toàn cấm đoán mọi đảng phái đối lập chẳng phải là trấn áp dữ dội hơn so với cách đối xử tàn bạo với các đảng phái đối lập ở phía Nam hay sao? Có nhiều chế độ độc đoán, “tả” cũng như “hữu” - Zaia, Soudan, Ethiopia hay là Campuchia của Khờ Me đỏ - tỏ ra thù nghịch quyền chính trị cao độ hơn nhiều chế độ khác cũng đáng được mệnh danh là độc đoán.

Cũng cần thiết xét vào chi tiết cái liên hệ nhân quả được đem ra làm cơ sở đại cương cho tác động của chính sách độc đoán trên trù phú kinh tế. Ngày nay, ta biết khá rõ tiến trình đưa đến thành công kinh tế ở Nam Triều Tiên chẳng hạn. Nhiều yếu tố đóng vai trò tích cực, trong đó phải kể tới việc sử dụng thị trường thế giới, sự mở cửa cho cạnh tranh, tỷ suất người biết đọc cao, sự thành công trong cải cách điền địa, việc chọn lựa những biện pháp thuận lợi cho phát triển và xuất khẩu. Không có gì cho phép nghĩ rằng các chiến lược xã hội và kinh tế đó không thể đi cùng với dân chủ rộng rãi hơn, hay là các chiến lược ấy bắt buộc phải dựa trên những cung cách độc đoán mà Nam Triều Tiên đã áp dụng trong thực tế.

Như vậy, tầm quan trọng cơ bản của quyền chính trị không hề bị phủ nhận bởi một tác động gọi là tiêu cực nào đối với hiệu năng kinh tế. Trong thực tế, các quyền chính trị được sử dụng như những công cụ có thể đóng một vai trò rất tích cực trong trường hợp khốn cùng về vật chất. Vì sự kiện một chính quyền có thể đáp ứng hay không, và đáp ứng cách nào trước

những nhu cầu và những nỗi cơ cực dữ dội tùy thuộc vào sự thực thi các quyền chính trị, như quyền bầu cử, quyền phê bình và phản đối.

Chúng ta hãy xét vấn đề nạn đói. Tôi đã từng chứng minh rằng có các quyền tự do và quyền chính trị trong lý thuyết và trong thực hành là điều kiện thuận lợi để tránh thảm họa kinh tế như nạn đói. Trong thực tế, một điểm nổi bật trong lịch sử gớm ghê của nạn đói là chưa từng thấy nó xảy ra ở một nước có chính quyền dân chủ và có báo chí tự do. Chỉ thấy đói ở các vương quốc thời cổ và các xã hội độc đoán đương đại, tại các cộng đồng bộ lạc nguyên thủy và các chế độ độc tài kỹ trị hiện đại, tại các nền kinh tế thuộc địa nằm trong tay đế quốc và các nước chậm tiến mới độc lập cai trị bởi các nhà độc tài bản xứ hoặc đảng độc quyền của họ. Nạn đói có bao giờ thấy xảy ra ở các quốc gia độc lập, bầu cử được tổ chức đều đặn, có chính đảng đối lập phê bình và báo chí được tự do điều tra tranh luận những điểm khôn ngoan trong chiến lược của chính quyền mà không sợ bị tuyệt đối kiểm duyệt.

Sự kết hợp giữa sự kiện không có nạn đói với sự thực thi tự do chính trị thấy trong lịch sử là một mối liên hệ nhân quả hay chỉ là ngẫu nhiên? Chấp nối quyền chính trị dân chủ với không có nạn đói xem dường như giả tạo nếu ta nghĩ rằng các nước dân chủ thường là giàu có và nhờ vậy mà tránh được nạn đói. Thế nhưng cũng có những quốc gia dân chủ mà lại nghèo: Ấn Độ, Bostwana và Zimbabwe, nhưng cũng chẳng bị đói kém.

Ấn Độ bị đói mãi cho tới thời độc lập vào năm 1947; trận đói cuối cùng, và cũng là một trong những trận lớn nhất, xảy ra ở vùng Bengale năm 1943, ước có từ 2 đến 3 triệu người chết. Từ ngày độc lập và thiết lập chế độ đa đảng rồi thì không còn thấy đói lớn nữa, mặc dù mùa màng bị thất bát nặng nhiều phen và thiếu ăn luôn (các năm 1968, 1973, 1979 và 1987).

Tại sao lại phải giả thiết là có một mối liên hệ nhân quả giữa dân chủ với không - có - nạn - đói - xảy ra? Trả lời rất dễ. Đói kém đã giết hại hàng triệu con người trong nhiều nước trên địa cầu, nhưng không hề giết chủ nhân ông các nước đó. Các ông vua và các ông tổng thống, các quan chức và các ông xếp, các sĩ quan và các chỉ huy chẳng bao giờ bị chết đói cả. Và miễn là không có tuyển cử, không đảng đối lập, không có không gian dành cho phê bình công khai tự do thì chính quyền không phải gánh chịu hậu quả chính trị về việc nó bắt tài bất lực không ngăn chặn nổi nạn đói. Trái lại, dân chủ trải cái giá phải trả cho nạn đói ra đến các nhóm cầm quyền và các nhà chính trị.

Ngoài ra còn phải đặt vấn đề thông tin. Báo chí tự do, và nói một cách tổng quát hơn, thực thi dân chủ đóng góp lớn vào việc phổ biến thông tin này hay thông tin nọ có tính cách quyết định trong chiến lược ngăn chặn nạn đói, trong đó phải kể các sự kiện liên quan đến các hậu quả đầu tiên khi có hạn hán, lũ lụt hoặc các sự kiện về tính chất và tác động của nạn thất nghiệp. Nguồn cơ bản về tin tức nạn đói sắp xảy ra chính là báo chí thông tin, nhất là khi nào có kích động - được dân chủ đảm bảo - tiết lộ các sự kiện làm cho chính quyền bối rối và các chế độ chuyên chính lâm le kiểm duyệt. Tôi cho rằng tự do báo chí và đối lập chính trị tích cực là phương cách báo

động hay nhất trong một nước bị nạn đói đe dọa.

Nghĩ lại, những trận đói to mà Trung Quốc phải trải qua trong những năm từ 1956 đến 1961 là một minh họa cho mối liên hệ giữa quyền chính trị và nhu cầu kinh tế trong bối cảnh phòng chống nạn đói. Trước các cuộc cải cách kinh tế gần đây, Trung Quốc đã thành công trong phát triển kinh tế, hơn Ấn Độ nhiều. Vậy mà Trung Quốc đã bắt lức, không ngăn nổi nạn đói. Ngày nay người ta ước lượng rằng các trận đói từ 1958 đến 1961 đã giết ngót 30 triệu nhân mạng.

Phong trào nhảy vọt nổi tiếng bắt đầu vào những năm cuối thập kỷ 50 là một thất bại vĩ đại nhưng chính quyền Trung Quốc không chịu chấp nhận, và còn tiếp tục cái chính sách giáo điều tai hại ấy thêm ba năm nữa. Làm sao mà tin được rằng chính sách đó có thể áp dụng trong một nước có bầu cử thường kỳ và có báo chí độc lập. Suốt thời gian thảm họa ghê gớm ấy xảy ra, chế độ đã chẳng phải đối phó với một áp lực nào đến từ báo chí - bị khớp miệng - hay từ đảng phái đối lập - hoàn toàn vắng bóng.

Đến cả chính phủ cũng bị lừa dối vì không có một hệ thống tin tự do. Chính quyền đã cả tin vào lời tuyên truyền của chính mình và vào những báo cáo các cấp địa phương tô điểm để mong lấy lòng cấp lãnh đạo trung ương ở Bắc Kinh. Quả thế, ngày nay ta biết rằng đúng vào lúc nạn đói lên tới cao điểm tột cùng, chính quyền cứ lầm tưởng rằng mình đang nắm trong tay một lượng lúa gạo cao hơn số lượng thực có 100 triệu tấn. Chẳng phải không lý thú mà ghi nhận rằng chính bản thân Mao Trạch Đông, mà tính giáo điều triệt để là nguồn gốc của phong trào nhảy vọt và việc duy trì nó mãi, nhận ra vai trò quyết định của thông tin dân chủ khi đã chịu nhìn nhận cái tai họa phong trào gây ra. Năm 1962, ông ta tuyên bố những lời nhận định sau đây trước một hội trường 7 000 cán bộ :
“ Không có dân chủ thì anh không hiểu được chuyện gì đang xảy ra ở cấp dưới ; tình hình không rõ ràng ; anh không thể thu thập đầy đủ được ý kiến khắp nơi ; liên lạc giữa cơ sở và lãnh đạo tối cao không thông suốt ; các cơ quan quyết định dựa trên những thông tin thiên lệch và sai lầm, anh khó tránh được thái độ chủ quan ; không sao đạt được đồng nhất tri thức và đồng nhất hành động, không sao đạt tới chế độ tập trung dân chủ thật sự. ”

Đây là bảo vệ dân chủ một cách hẹp hòi. Chỉ nhấn mạnh riêng mặt phổ biến thông tin, còn vai trò của chế độ dân chủ trong tác dụng kích thích thông tin thì không nói tới, cũng như không đả động gì tới giá trị tự thân của dân chủ. Dù sao cũng đáng lưu ý đến chuyện chính Mao cũng phải chấp nhận cái tai họa vô cùng to lớn gây ra bởi chính sách thiếu mất mất xích thông tin mà một chế độ dân chủ hơn sẽ tự nhiên tiếp nhận được.

Vấn đề này giữ nguyên tính thời sự của nó với Trung Quốc ngày nay. Từ những cuộc cải cách năm 1979, các sách lược chính thống đều được xây dựng trên trọng tâm đặt vào biện pháp kích thích kinh tế và xem nhẹ kích thích chính trị. Ngày nào công việc còn trôi chảy thì còn không thấy thiếu thốn chi cho lắm cái vai trò điều hoà của dân chủ ; trái lại, trong trường hợp có sai lầm chính trị nghiêm trọng, thiếu dân chủ khi ấy có cơ trở nên tai hại. Chính là phải nhìn vai trò của các phong trào

dân chủ Trung Quốc dưới khía cạnh này.

Có một loạt ví dụ khác trong vùng quanh sa mạc Sahara, liên miên bị đói từ những năm 70. Rất nhiều yếu tố làm cho khu vực ấy dễ mắc nạn đói, kể từ những tác động của các biến đổi khí hậu vào môi trường - mùa màng trở nên bấp bênh - cho đến các hệ quả tiêu cực của chiến cuộc và các cuộc tranh chấp liên miên không dứt. Tuy nhiên, tính cách hoàn toàn độc đoán của rất nhiều chính phủ các nước Phi châu quanh sa mạc Sahara không phải là không có ảnh hưởng đến nhịp độ của nạn đói cứ liên tiếp trở đi trở lại mãi.

Không thể chối cãi rằng có nhiều chính phủ Phi châu, dù không biết chế độ đa đảng là gì, biết lo toan ngăn chặn các tai họa và nạn đói. Có thể kể từ quốc gia Cap-Vert bé xíu cho đến dân tộc Tanzania dày dặn kinh nghiệm chính trị. Tuy nhiên, thường thường các sự kiện vắng bóng đối lập chính trị và báo chí bị kiểm duyệt bảo đảm cho chính quyền được miễn trừ không phải bị xã hội phê bình và chịu áp lực chính trị, được miễn trừ như thế cho nên các chính quyền ấy tỏ ra tàn bạo và đứng đưng trước mọi đau khổ.

Một thời gian dài, người ta chấp nhận nạn đói xem đó là định mệnh không tránh được và thường đổ trách nhiệm cho sức mạnh thiên nhiên hoặc do hành động nham hiểm của nước khác. Nhưng, các nước Soudan, Ethiopie, Ouganda, Tchad và nhiều quốc gia ở vùng Sahel bằng những cách khác nhau minh họa rõ ràng tình hình đi đến suy sụp là vì các đảng phái đối lập và các phương tiện thông tin không áp đặt được một phong cách chính trị có quy củ. Con đường dẫn đến cuộc khủng hoảng tại vùng Somalie trong mấy thập kỷ liên tiếp đầy cố chấp, độc đoán và phá hoại toàn diện mọi tiến trình chính trị nghiêm chỉnh.

Vấn đề không phải là phủ nhận sự kiện nạn đói ở các nước nói trên thường liên hệ với mùa màng thất bát. Mất mùa không chỉ làm tổn hại lượng lương thực dự trữ, mà còn phá hoại công ăn việc làm và phương tiện sinh sống. Tuy nhiên, nếu mất mùa mà xảy ra thì cũng có liên quan với chính sách và chiến lược của nhà nước (trong đó phải kể chính sách giá cả của chính quyền, chính sách thủy lợi, nghiên cứu nông nghiệp, v. v...). Và lại, trong trường hợp mất mùa, một chính sách phân phối khôn khéo có thể tránh được đói kém.

Chắc chắn là lý luận kiểu này không khỏi có cơ khuếch đại hiệu năng của dân chủ. Các quyền và các tự do chính trị là những lợi thế mở ra nhiều khả năng, nhưng tác động có hữu hiệu hay không còn tùy thuộc vào việc thực hiện ra sao trong thực tế. Hẳn là các chế độ dân chủ có thành công trong công cuộc ngăn chặn những tai họa mà nguyên nhân dễ hiểu, và cũng là những trường hợp làm động lòng trắc ẩn. Nhưng còn nhiều vấn đề khác không hiển nhiên như vậy. Nên chỉ sự thành công của Ấn Độ trong việc diệt trừ nạn đói không hàm nghĩa rằng thắng lợi cũng sẽ y như thế trong công cuộc chống suy dinh dưỡng, chống mù chữ hay chống nam nữ không bình đẳng. Nếu những người mắc nạn đói thành đối tượng chính trị một cách tự nhiên, các tình trạng thiếu sót khác nói trên đòi hỏi phải có phân tích sâu sắc hơn, sử dụng thông tin đại chúng và dân chúng tham gia vào chính trị rộng rãi hơn hữu hiệu hơn. Tóm lại, phải tăng gia sử dụng dân chủ hơn nữa.

Cũng cần lưu ý khi các chế độ dân chủ toan tính đúng mức giải quyết một vài loại thiếu sót thì gặp khó khăn khác thường, nhất là trong trường hợp các nhu cầu của thiểu số. Mỗi khi mà thiểu số lập thành một nhóm rất khác biệt, thì lại càng thêm khó mà được cảm tình của đa số ; chính những khi ấy việc thể hiện vai trò bảo vệ của dân chủ trở nên đặc biệt tế nhị.

Chỉ cần nghĩ đến chính sách bầu cử đã vô hiệu như thế nào mỗi khi phải lưu ý mọi người đến quyền lợi và đời sống của các nhóm chủ trương tách ra khỏi cộng đồng chung, nhất là đối với các nhóm đã dùng đến phương tiện khủng bố hoặc nhận viện trợ của nước ngoài. Ví dụ đây rầy ở Ấn Độ, chẳng hạn như vấn đề Cachemire, nhân nhân những bằng cố công an và quân đội Ấn Độ chà đạp quyền công dân và tự do cá nhân. Nổi bất bình của người Cachemire dường như không làm thay đổi thái độ chính trị của đa số dân Ấn Độ. Dân chúng theo đạo Hồi Hồi, đông đảo tại Ấn Độ, kể ra lên tới trên 100 triệu người, có vẻ không lưu tâm đến chuyện bảo vệ quyền lợi cho thiểu số theo Hồi giáo, tương đối chẳng là bao, ở Cachemire. Thật ra thì cũng có một mâu thuẫn căn bản giữa chủ trương phân ly của những người theo Hồi giáo hoạt động tích cực ở Cachemire với ý muốn hội nhập sâu sắc của dân Hồi giáo đông đảo hơn nhiều đang sinh sống ở những nơi khác trên đất nước Ấn Độ.

Thật cũng khó mà bắt chui vào cái rọ cứng nhắc của lý thuyết được mệnh danh là chọn lựa thuần lý - vốn dựa trên tiền đề con người chỉ tính toán cho cái lợi vị kỷ của mình - cái ý muốn đáp ứng nhu cầu của thiểu số thông qua phiếu thuận của đa số. Lòng hoài nghi này phần nào cũng có cơ sở. Nổi khổ của người da đen Hoa Kỳ một phần cũng do họ chỉ là một thiểu số trong dân chúng Mỹ. Tuy nhiên, chính trị không phải lúc nào cũng theo hướng vị kỷ của đa số. Nhiều chuyện tùy thuộc vào cách vấn đề được kiểm kê, chính trị hoá, đặt thành câu hỏi khi đem trình bày cho những người không có liên hệ trực tiếp với vấn đề.

Nạn nhân những trận đói có thể xảy ra cũng vậy, chỉ là một thiểu số trong bất cứ nước nào (không mấy khi số nạn nhân bị đói cao hơn 5% dân số, nhiều lắm là 10 %), và hiệu năng của dân chủ trong công cuộc phòng ngừa tai hoạ ấy dựa trên cách chuyển nỗi khổ của nạn nhân thành vấn đề chính trị, đem ra bàn đi bàn lại trong các cuộc thảo luận công cộng sẽ gây nên một luồng tương trợ chính trị. Lòng bất nhẫn thấy người chết đói huy động được những quần chúng không bị nạn đói hăm dọa chút nào.

Ở Hoa Kỳ cũng thế, nổi bất hạnh của những kẻ không có bảo hiểm xã hội, thật ra là một thiểu số túng thiếu, dường như đã được chính trị lưu ý tới, và có hy vọng rằng bộ máy dân chủ sẽ tìm ra những giải pháp mong chờ từ bấy lâu nay.

Trong các quốc gia trên đường phát triển, Trung Quốc nổi bật khác người về cách dùng biện pháp cưỡng bức để giảm tỷ suất gia tăng dân số, áp đặt “ chính sách một đứa con duy nhất ”, nói chung là buộc có tuân thủ thể lệ của chính phủ về số con mới được hưởng bảo hiểm xã hội và quyền lợi kinh tế (trong đó có quyền được cấp nhà ở), không đếm xỉa đến số phận tồi tệ các trẻ em sinh trong gia đình đông con. Chiến lược cứng rắn ấy được nhiều người ngưỡng mộ. Tỷ suất sinh đẻ ở

Trung Quốc quả có hạ xuống thật ; tỷ suất vào lần kiểm tra dân số cuối cùng trờm trờm 21⁰/00 thấp hơn nhiều tỷ suất 30⁰/00 của Ấn Độ hay con số trung bình 38⁰/00 tại các nước chậm tiến khác.

Vì lý do ấy mà mỗi khi một chính phủ đặt ưu tiên vào những chính sách khác hơn là chính sách bảo vệ gia đình thì rắp ranh muốn áp đặt ngay chính sách cưỡng bách kiểm soát sinh đẻ. Sự trái ngược trong các chính sách ấy có thể đem lại những hậu quả nghiêm trọng. Thật vậy, Trung Quốc quả đạt được tỷ suất sinh đẻ tương đương với bang Kerala của Ấn Độ, nhưng một trong những tác dụng của chính sách cưỡng bức là làm tăng tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh gái Trung Quốc, không so sánh được với tình thế ở Kerala. Truyền thống “ trọng nam khinh nữ ” dường như đã gây ra những phản ứng cực cực trước các biện pháp cưỡng bách kiểm soát sinh đẻ, trong đó phải kể tình trạng gia tăng giết con gái sơ sinh hay bỏ bê không giáo dục con gái. Những sự việc ghê rợn ấy là do xã hội bị đóng kín, giảm tỷ suất sinh đẻ đạt đầy nhưng không thông qua thảo luận cởi mở, văn minh về các yêu cầu cá nhân và kinh tế.

Các quyền chính trị không chỉ quan trọng cho sự thoả mãn các yêu cầu mà còn cho cả việc biểu lộ các yêu cầu ấy. Phân tích đến tận cùng ý này đưa chúng ta trở về với lòng tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng con người trong mỗi chúng ta. Trong tác phẩm **Cáo từ** (Taking Leave), William Cobbett nhà văn và cũng là một yếu nhân từng nhận xét rằng “*khi nói tới giới thợ thuyền người ta hay dùng chữ “quần chúng” cũng như dùng chữ “bầy gia súc” để chỉ thú vật trong nông trại*”. Rốt cuộc, quyền chính trị mà có tầm quan trọng cho sự thông hiểu yêu cầu kinh tế chính là do ta nhìn con người như thế nào, nhìn như những cá nhân sử dụng quyền hành của mình, chứ chẳng phải chỉ là những đơn vị trong “ bầy gia súc ” hay trong “ quần chúng ” sống thụ động cần phải chú tâm đến. Thật ra, cái đáng kể chính là cái nhìn chúng ta người nọ nhìn người kia.

Amartya Sen

* *Pas de bonne économie sans vraie démocratie*, Le Monde 28/10/98, bản dịch của Nguyễn Thắng

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước*
- ♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyến
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

trẻ còn hơn không (tiếp theo trang 1)

pháp hành chính. Làm như, cứ nắm trong tay quyền phân phối ruộng đất, theo một định kỳ càng ngắn hạn càng tốt, là các đại biểu ấy - cũng là người nắm chính quyền ở các địa phương - có thể sử dụng quyền đó để giải quyết những “ yêu-cầu-có-ruộng-không-thể-chờ-lâu-hơn ” của thanh niên nông thôn (bất chấp các yêu cầu kinh tế khác). Như thế, theo lời phát biểu của một đại biểu, rằng 20 năm nữa thì nông dân Việt Nam vẫn cứ chiếm tỷ lệ 80 % dân số như bây giờ ! Và, trong trường hợp ấy, biện pháp hành chính lấy đất của A chia bớt cho B vẫn cứ mãi mãi được coi là biện pháp công bằng nhất, khả thi (?) và khả dĩ giúp nhà nước nhiều nhất làm nhẹ bớt những căng thẳng xã hội ở nông thôn, v.v... Điều gì cất nghĩa cuộc bỏ phiếu không bình thường ấy ?

Vấn đề trình độ của những con người cụ thể trong bộ máy nhà nước, như báo chí trong nước đã từng cho thấy khi tường thuật về các cuộc thảo luận ở cấp này hay cấp khác ?

Người theo dõi tình hình có thể đưa thêm một giả thuyết nữa, không nhất thiết mâu thuẫn với giả thuyết trên. Dự thảo luật đất đai đã từng được viết đi viết lại tới 15 lần trước khi được trung ương đảng thông qua sau những cuộc tranh cãi gay gắt. Phải chăng, đa số ấy là quá ít ỏi và nhất là không đủ sức nắm chặt quyền kiểm soát bộ máy, nên mới bị “ phản thùng ” khi đưa ra quốc hội ? Cuộc tranh chấp quyền lực trong chuyện bầu tổng bí thư năm ngoái chưa thật ngã ngũ, và qua sự kiện nói trên người ta có thể nghi ngờ về thực quyền của tổng bí thư Lê Khả Phiêu, như nhà báo Faith Keenan đã nêu ra trên *Tạp chí Kinh tế Viễn Đông (FEER)*, số đề ngày 10.12.1998 ? Tính chính xác của giả thuyết này dĩ nhiên cần được phối kiểm, vì ê-kíp chính phủ của ông Phan Văn Khải mới là người đề xuất những sửa đổi luật đất đai theo chiều hướng cởi mở hơn trước và có rất ít thông tin cho biết tới chừng mức nào ông Phiêu là người thực tình ủng hộ những cải cách (hụt) ấy. Song, đúng là những tranh cãi trong đảng về yêu cầu và nhịp độ đổi mới vẫn chưa ngã ngũ... Và không phải chỉ qua sự kiện Luật đất đai người ta mới thấy bàn tay ngăn chặn của những lực lượng bảo thủ.

Việc ông Phiêu mới đây lại “ thân mật ” tiếp tướng Trần Độ liệu có ngăn cản được công an tiếp tục những biện pháp giám sát và hù dọa ông cùng những đảng viên khác có ý kiến đòi dân chủ hoá (như trường hợp của 11 cụ ký “ huyết tâm thư ” tố cáo uỷ viên bộ chính trị Phạm Thế Duyệt tham nhũng, bị công an đến tận nhà những nhiều) ? Người ta còn nhớ, đầu năm 98, sau khi nhậm chức tổng bí thư, ông Phiêu đã tới nhà thăm và chúc Tết tướng Trần Độ, nhưng chỉ hơn một tháng sau, một đợt tấn công những quan điểm của vị tướng lão thành này được đưa ra râm rộ trên báo chí của đảng, phần lớn với giọng lưỡi đầu tố nhiều hơn tranh luận và tất nhiên đương sự không hề được quyền trả lời. Có khác chăng, là lần này cuộc gặp đã được tổ chức ba tháng sau khi hội nghị trung ương lần thứ 5 (tháng 8.1998) đã “ kết luận ” không những về tính chất “ sai trái ” của những quan điểm của ông Độ và của nhiều người khác, mà còn về yêu cầu tổ chức trong các chi bộ đảng một đợt sinh hoạt để thấm nhuần các “ kết luận ” đó. Đợt sinh hoạt đã được ban tư tưởng - văn hoá tổ chức trong hai tháng 9 và 10, và theo nhiều nguồn tin, đã thất bại cay đắng : phần lớn các chi bộ không tổ chức thảo luận, hoặc chỉ thảo luận lấy lệ,

có nhiều nơi đảng viên yêu cầu được đọc những tài liệu chứa các “ quan điểm sai trái ” ấy để biết rõ hơn thực chất nó ra sao (mặc dầu bản “ kết luận ” đã tóm tắt khá trung thực một số “ quan điểm sai trái ” như “ cho rằng giữ vai trò độc tôn của chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ đưa tới sự trì trệ về trí tuệ ”, “ cho rằng sự lãnh đạo của đảng hiện nay là đảng trị, là nguồn gốc của sự lạm quyền, tham nhũng...”, và tuyên bố rõ ràng “ hoàn toàn bác bỏ ” chúng). Rõ, nhưng không đủ sức thuyết phục nữa như ngày xưa ! Không những thế, đợt sinh hoạt cũng đã là dịp để bản “ kết luận ” *mật* ấy của hội nghị trung ương 5 được “ tán phát ” rộng rãi ra ngoài đảng và ra cả nước ngoài ! Ông Phiêu đã lợi dụng, hoặc tính tới thất bại của đợt sinh hoạt để lấy quyết định tiếp tướng Trần Độ lần thứ hai ? Thời gian và thực tiễn sẽ trả lời, dù người ta cũng có thể đoán trước rằng sẽ chẳng dễ gì mà những lực lượng bảo thủ trong đảng chịu để yên cho ông Độ và những người dân chủ khác trong và ngoài đảng có điều kiện hoạt động, thậm chí chỉ là sinh sống bình thường. Về mặt này, sự cảnh giác không bao giờ là quá đáng.

Song, về một khía cạnh khác, một câu hỏi tương tự cũng có thể được đặt ra, liên quan tới thời điểm của quyết định công khai hoá ngân sách nhà nước các cấp (xem trang Tin tức). Một quyết định cần thiết đã được dư luận đòi hỏi từ lâu nhưng hoàn toàn đi ngược lại những giáo điều của đảng, và nhất là chất chứa nhiều hiểm nguy tiềm tàng cho rất nhiều tầng lớp cán bộ, quan chức của đảng ! Ai cũng biết, điều cuối cùng này mới là lý do chính, chứ không phải là vì một điều khoản giáo lý nào của chủ nghĩa Mác-Lênin khiến cho, giống như việc bỏ phiếu ngược trên kia, đây cũng là lần đầu tiên có sự công khai hoá ngân sách nhà nước trong một chế độ “ xã hội chủ nghĩa ”. Sau 23 năm hoà bình đã trở về trên đất nước. Trẻ, quá trẻ, nhưng trẻ còn hơn không !

Thực ra, quyết định còn khá nhiều hạn chế, và trong thực tiễn nó sẽ được thi hành ra sao cũng còn là một câu hỏi. Nhưng, quyết định đã được báo chí trong nước đăng tải, được quốc hội chấp thuận, và hẳn là sẽ được những người quan tâm tới vận mệnh chung của đất nước sử dụng đích đáng để hỗ trợ những quyết định cải cách tiến bộ, thúc đẩy quá trình dân chủ hoá. Ví dụ nhỏ, việc chi ngân sách nhà nước cho các cơ quan của đảng (một sự ăn cắp của công cho một tổ chức tư, không hơn không kém) khó còn có thể được che giấu... Phải chăng, trái với sự kiện luật đất đai kia, cái “ premiere ” này mới là dấu hiệu nói rằng, ít nhất là đối với một bộ phận trong giới lãnh đạo đảng, và ít nhất là về phương diện kinh tế, Việt Nam đang không lùi bước vào năm mới ? Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế trong khu vực không còn có thể chối cãi nữa khi những con số chính thức về tăng trưởng chỉ là từ 5 đến 6 % (theo các ước lượng của Ngân hàng Thế giới thì con số thực chỉ đạt 3 tới 4 %), thay vì hơn 8 % như năm ngoái. Trong điều kiện đó, không đi lùi chỉ là một điều kiện tối thiểu để sống còn. Mạnh bước tiến vào tương lai lại là chuyện khác. Chuyện có tên mọi người đều biết : dân chủ hoá. Ít ra là để có được một quốc hội thật sự, do dân cử chứ không phải đảng cử. Và để những chuyện bình thường trong một nước bình thường, như việc ngân sách nhà nước được công khai thảo luận trên các diễn đàn tự do của công dân, không còn là những sự kiện đặc biệt “ lần đầu ”...

Trẻ còn hơn không.

Hoà Văn

Nguyễn Quang

50 năm Nhân quyền

1948-98

Bản Tuyên ngôn phổ quát (1) về nhân quyền (10-12-1948) ra đời cách đây vừa đúng nửa thế kỷ. Lễ kỷ niệm lần thứ 50 đã được tổ chức long trọng tại Paris như để nhắc khéo rằng sinh quán của nhân quyền chính là nước Pháp. Sinh quán chứ không phải thiên đường như một vài “ sự cố ngoài chương trình ” đã nhắc nhở : việc phủ tổng thống do dự “ mời hay không mời ” Đạt lai Lạt ma, việc những người bảo vệ những người không giấy cư trú công khai cất vấn trường ban tổ chức (Robert Badinter), việc đại diện một tổ chức phi chính quyền lên diễn đàn lớn tiếng lên án tinh thần xynic vụ lợi của các nhà nước... Trong những năm tháng cuối cùng của một thế kỷ đã nếm mùi hai cuộc chiến tranh thế giới, hai chủ nghĩa toàn trị và ba cuộc diệt chủng, chẳng ai nở bất độc giả phải đọc lại bảng danh sách những sự vi phạm quyền con người trên thế giới : bạn đọc chỉ cần nhìn vào tám bản đồ do tổ chức Amnesty International công bố, loang lổ những mảng từ đỏ tươi đến nâu sậm, tùy theo mức độ đàn áp từ “ phổ biến ” qua “ có tính hệ thống ” đến “ tuyệt đối ” (2). Độc giả cũng có thể đọc lại một số điều khoản của bản tuyên ngôn (3) để thấy ngay cả những nước dân chủ cũng không tránh khỏi vi phạm nhân quyền - tất nhiên cũng không thể đánh đồng những vi phạm “ bất thân ” với những vi phạm “ có tính hệ thống ” - bởi vì nếu chế độ dân chủ trên nguyên tắc bảo đảm được các quyền dân sự và chính trị, thì ngược lại, nó bất lực trong việc bảo vệ các quyền lợi xã hội và kinh tế đã được ghi rành rành trong Tuyên ngôn. Sự thật là từ khi hệ thống cộng sản sụp đổ, thế quân bình quốc tế bị mất đối trọng, cục diện thế giới ngày càng giống ván bài Monopoly trên đó người ta đua nhau mua, bán, kiếm tìm lợi nhuận tối đa, không còn chỗ cho tình người nữa.

Quyền con người và những “ giá trị ” giá

Nhưng trước khi ca cẩm giai điệu bi quan đang thịnh hành ở thời điểm kết thúc thế kỷ, để đo cho chính xác đoạn đường đã qua, chúng ta cũng nên nhìn lại tư trào đã sản sinh ra bản Tuyên ngôn nhân quyền (3). Sau bi kịch thế chiến lần thứ hai và trên đà hai toà án Nuremberg và Đông Kinh, đã nảy ra ý tạo ra một khuôn khổ chuẩn tắc và lý thuyết nhằm củng cố và triển khai khái niệm “ nhân phẩm ” và các quyền con người gắn liền với nó, trên cơ sở một bản Tuyên ngôn phổ quát và những hiệp ước quốc tế. Cũng cần nhấn mạnh là lúc đó mặc dầu những tội ác ghê gớm của chế độ nazi và phatxit còn nguyên trong trí nhớ của mọi người, cao vọng ấy không nằm trong tư tưởng thời thượng : trong những năm 50-60, người macxit-lêninit phủ nhận tính chất phổ quát của mọi “ giá trị tư sản ” (4) ; còn trong giới xã hội dân chủ, nhiều người cho rằng phải ưu tiên phát triển kinh tế, rồi các quyền cá nhân sẽ là những hệ quả ít nhiều đương nhiên. Trong hai thập niên 60-70,

những người ủng hộ cách mạng ở thế giới thứ ba đua nhau giương cao “ quyền con người Hồi giáo ” , “ quyền con người Phi châu ” ... mà mặc nhiên hay hiển thị, họ đối lập với những giá trị “ Tây phương ” làm nền tảng cho bản Tuyên ngôn nhân quyền (4). Gần đây, “ phép màu kinh tế châu Á ” (trước khi phép màu hết thiêng) đã là dịp để mấy vị *gourou* - mà cụ thể tướng Singapore Lý Quang Diệu là một ví dụ tiêu biểu, tiêu biểu đến mức biếm họa - mang ba cái “ giá trị châu Á ” ra xào đi xào lại, đối địch với khái niệm nhân quyền. Cách đây không lâu, chúng tôi còn mất thời giờ phản bác những trò bịp đó. “ May ” thay, cuộc khủng hoảng châu Á đã xảy ra, và “ con người châu Á ” ở Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia... đã tự phát xuống đường, chúng tỏ nó cũng khao khát nhân quyền y hệt “ con người châu Phi ” , “ con người phương Tây ” , nghĩa là, tóm lại một chữ đơn giản : con người.

Nếu ta nhìn lại lịch sử 50 năm qua bằng con mắt không định kiến, thì phải thừa nhận rằng, bất chấp tất cả những người chủ trương *realpolitik* (chính sách thực tiễn), nhờ công lao kiên trì của những người đấu tranh cho nhân quyền, nhờ sự kháng cự ngoan cường của biết bao “ phần tử ly khai ”, không những họ đã giành được những thắng lợi trong một cuộc trường chiến mà nhiều người tưởng đã nắm chắc phần thua, mà họ còn buộc được thế giới phải thừa nhận lý tưởng nhân quyền là “ chân trời đạo lý của thời đại ” (chữ của ông Robert Badinter). Họ đã mang lại chất men cuối cùng làm tan rã những nhà nước toàn trị. Họ đã động viên thế giới chống lại chế độ apartheid ở Nam Phi và cuộc xâm lược của Mỹ ở Việt

Nhân quyền : những năm đáng ghi nhớ

1689 : đạo luật *Bill of Rights* của Anh đặt nền tảng cho chủ quyền của Quốc hội, cho quyền đầu phiếu, quyền tự do cá nhân và những bảo đảm pháp lý (riêng luật *habeas corpus* có từ năm 1679)

1776 : trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ, khẳng định “quyền sống” và nguyên tắc chính quyền dựa trên sự đồng thuận của người dân

1789 : Tuyên ngôn về quyền con người và quyền công dân, nhân danh nhân dân Pháp, kiến lập một chế độ đại nghị và tuyên cáo mọi người bình đẳng trước pháp luật và khẳng định các quyền cơ bản của mỗi người (tự do lương tri, tự do ý kiến, quyền chống lại sự đàn áp...)

1945 : Hiến chương Liên Hiệp Quốc

1948 : Đại hội đồng LHQ thông qua Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người (văn bản này đã được một uỷ ban tập hợp chung quanh ông René Cassin, người Pháp, soạn thảo từ hai năm trước).

1950 : Hội đồng Âu châu thông qua Công ước Âu châu về quyền con người.

1966 : Hiệp ước quốc tế liên quan đến các quyền dân sự và chính trị và Hiệp ước quốc tế liên quan đến các quyền kinh tế xác định và cụ thể hoá bản Tuyên ngôn phổ quát.

1998 : Sau khi thành lập Toà hình sự cho Nam Tư cũ (TPI, 1993), và Toà hình sự cho Rwanda (TPR, 1994), Đại hội đồng LHQ thông qua văn kiện dự trù thành lập Toà án hình sự quốc tế thường trực. Tháng 11-1998 : Augusto Pinochet bị bắt giữ ở London chờ ngày (có thể bị dẫn độ sang Tây Ban Nha).

TUYÊN NGÔN PHỔ QUÁT VỀ NHÂN QUYỀN

(trích)

Điều 1 :

Mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền. Họ có lý trí và lương tri, và phải hành xử với nhau trong tình anh em.

Điều 2 :

Ai cũng có thể sử dụng tất cả các quyền và tự do công bố trong bản Tuyên ngôn này, mà hoàn toàn không có sự phân biệt nào hết, đặc biệt là phân biệt về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay bất luận ý kiến nào khác (...).

Điều 5 :

Không một ai có thể bị tra tấn hay phải chịu những hình phạt hoặc đối xử tàn ác, vô nhân đạo hay xúc phạm tới nhân phẩm.

Điều 9 :

Không một ai có thể bị bắt bớ, giam cầm hay lưu đày một cách độc đoán.

Điều 13 :

Mọi người đều có quyền tự do đi lại, tự do chọn nơi cư trú trong mỗi nước. Mọi người đều có quyền rời khỏi bất cứ nước nào, kể cả nước mình, và có quyền trở về nước mình.

Điều 18 :

Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tri, tự do tín ngưỡng (...)

Điều 19 :

Mỗi cá nhân đều có quyền tự do hội họp và quyền hoạt động hội đoàn một cách hoà bình (...)

Điều 21 :

Mọi người đều có quyền tham gia vào sự lãnh đạo công việc của đất nước mình, hoặc một cách trực tiếp, hoặc thông qua những đại diện được chọn lựa một cách tự do (...). Ý chí của nhân dân là nền tảng quyền hành của các cơ quan công quyền, ý chí đó phải được thể hiện bằng những cuộc bầu cử trung thực được tổ chức theo định kỳ, qua đầu phiếu phổ thông và bình đẳng và bỏ phiếu kín (...).

Điều 23 :

Mọi người đều có quyền có công ăn việc làm, có quyền tự do chọn lựa việc làm, có quyền được hưởng những điều kiện lao động công bằng và thoả đáng, và được bảo hộ chống nạn thất nghiệp (...).

Điều 25 : Mọi người đều có quyền hưởng một mức sống đủ để bảo đảm sức khoẻ và phúc lợi của mình cũng như của gia đình mình (...).

Nam (đúng như thế đó !). Thông qua sức ép của dư luận quốc tế, họ đã góp phần làm sụp đổ các chế độ độc tài Marcos ở Philippines, Somoza ở Nicaragua, Suharto ở Indonesia... Từ nay, có thể nói là các nhà độc tài sẽ phải sống dưới con mắt nhìn của cả hành tinh, và vụ Pinochet mới đây chứng tỏ rằng họ không còn ở trong tình trạng bất khả trừng trị nữa. Vào những năm tháng cuối của thế kỷ thứ 20 này, ta chứng kiến sự xuất hiện một sự đồng thuận mới dựa trên sự thừa nhận quyền của các công dân giám sát hành động của các nhà nước. Về mặt đạo lý, ý thức hệ và động lực lịch sử, thế kỷ 21 có thể sẽ là thế kỷ của nhân quyền, nhất là cuộc đấu tranh cho quyền con người lại chuyển chỗ cả ý tưởng dân chủ -- không chỉ đơn thuần là một thể chế chính quyền, mà còn là một không gian mở ra cho con người sử dụng các quyền tự do cơ bản.

Trước những tiến bộ to lớn ấy, tại sao ta lại cảm thấy có một sự mong manh bất ổn ? Là tại sự bất lực của dân chủ đứng trước sự “toàn cầu hoá” như đã nói ở trên, trước sự ngênh ngang của thị trường lấn át mọi sự điều tiết xã hội, lấn át vai trò của nhà nước, trước ưu thế của năng suất và quy luật cạnh tranh đối với sự công bằng xã hội, trước sự suy yếu của các nhà nước dân tộc (nhiều khi là nạn nhân của những sự thoả hiệp do chính chúng gây ra). Long trọng kỷ niệm 50 năm

Tuyên ngôn nhân quyền và trải thảm đỏ nghênh tiếp Laurent Désiré Kabila, là biến chính trị thành món nộm sống sả. Cuộc chiến đấu sắp tới cho nhân quyền, có lẽ sẽ phải tiến hành trong lòng những xã hội mà thoạt trông nhân quyền được bảo vệ tốt nhất.

Nguyễn Quang

(1) Chúng tôi dùng từ *phổ quát* để dịch chữ *universal(le)*, chính xác hơn là từ *quốc tế* trong những bản dịch thông dụng.

(2) Amnesty International xếp Việt Nam vào các nước mà sự đàn áp có “tính hệ thống”, thậm chí có tra tấn (1997-98).

(3) Xem khung trích Tuyên ngôn nhân quyền ở trên.

(4) Có lần (trước chiến tranh Afghanistan), một đảng viên cộng sản Pháp, trước mặt người viết bài này, đã khăng khăng bênh vực quyền của người Mali (và một số nước Hồi giáo) được làm *excision*, nghĩa là cắt xẻo âm hạch, màng đóc (*clitoris*) của trẻ em gái (hủ tục khinh nữ của tín đồ phản động Hồi giáo là không cho phụ nữ được cảm khoái trong quan hệ tính dục). Một lần khác (trước vụ Thiên An Môn), một ông bạn tả khuynh thú thực với chúng tôi là chỉ nghe thấy hai tiếng nhân quyền cũng đủ làm anh ta “nổi mẹn” lên rồi.

(5) Một cách giản lược, có thể định nghĩa dân chủ là chế độ trong đó người dân *ít sợ* nhất. Nếu quyền con người trước hết là quyền của công dân đối diện với nhà nước, thì đương nhiên nhân quyền và dân chủ đi đôi với nhau.

Hai tài liệu **MẬT**

của Ban chấp hành trung ương ĐCSVN

Số 01 KL/TW

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 1998

MẬT

KẾT LUẬN

Hội nghị lần thứ năm

Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII
về đấu tranh chống các quan điểm sai trái,
bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối của Đảng

Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII hoàn toàn tán thành nội dung bản báo cáo của Bộ Chính trị về một số quan điểm sai trái trong thời gian gần đây, Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh thêm một số điểm sau :

1 - Xuất phát từ nguyên tắc : đảng viên khi có những ý kiến, quan điểm khác với các quan điểm, đường lối của Đảng, được phép phát biểu trong tổ chức Đảng, có quyền bảo lưu ý kiến của mình, nhưng khi ý kiến cá nhân chưa được Đảng chấp thuận thì vẫn phải nói và làm theo Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII nghiêm khắc phê phán một số đảng viên gần đây đã vi phạm nguyên tắc đó của Đảng, vi phạm kỷ luật đảng, tự ý tán phát tài liệu và truyền bá rộng rãi các quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối của Đảng.

2 - Ban Chấp hành Trung ương một lần nữa khẳng định tính đúng đắn của Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng và hoàn toàn bác bỏ những quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam, nhất là những luận điểm : bài bác chủ nghĩa Mác - Lênin, nền tảng tư tưởng của Đảng, cho rằng “giữ vai trò độc tôn của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ đưa đến sự trì trệ về trí tuệ” ; phủ nhận định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, cho rằng định hướng xã hội chủ nghĩa “là thất bại, là ngõ cụt”, “kinh tế thị trường theo định hướng xhcn, giữa hai cái phải chọn lấy một”, “không thể bắt cá hai tay” ; bài bác vai trò chủ đạo của kinh

Trong hồ sơ đặc biệt của số này, chúng tôi đăng toàn văn hai văn kiện của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, của Ban Tư tưởng và Văn hoá Trung ương, và trích đăng bút ký *Một cái nhìn trở lại* của ông Trần Độ.

Ba tài liệu này liên quan với nhau : “quan điểm sai trái”, mà TƯ ĐCS VN muốn đấu tranh chống lại, chủ yếu là quan điểm của ông Độ. Bút ký mà chúng tôi trích đăng được viết sau hai tài liệu của Trung ương.

Hai tài liệu này là mẫu mực về văn bia, ngôn ngữ gọn, không cần phải bình luận gì thêm.

tế quốc doanh, coi kinh tế tư nhân là “thành phần kinh tế chủ lực trong nền kinh tế thị trường” ; phủ nhận sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, cho rằng sự lãnh đạo của Đảng hiện nay là “Đảng trị”, là “nguồn gốc của sự lạm quyền, tham nhũng”... phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, cho rằng với nguyên tắc ấy thì “nhiều lắm dân chủ chỉ trở thành đồ rơm”, “chỉ có tác dụng trang trí cho sự tập trung quyền lực”...

3 - Ban chấp hành Trung ương không chấp nhận kiến nghị của một số người về hình thức tổ chức “một cuộc thảo luận chính trị lớn”. Lâu nay đối với những vấn đề trọng đại của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đều tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các lão thành cách mạng, các nhân sĩ trí thức, các tầng lớp nhân dân trong nước và cả người Việt Nam yêu nước sống ở nước ngoài và việc làm này đã được tiến hành thành nề nếp thường xuyên; Đây thật sự là một hình thức phát huy dân chủ, tập hợp trí tuệ toàn dân giúp Đảng, Nhà nước xây dựng, bổ sung, hoàn thiện đường lối chính sách về mọi mặt không cần phải có hình thức tổ chức “một cuộc thảo luận chính trị lớn” như một số người đã đề nghị.

Ban Chấp hành Trung ương cũng bác bỏ khuynh hướng tự do dân chủ tư sản, bác bỏ việc kêu gọi tự do ra báo tư nhân và nhà xuất bản tư nhân, “tự do” bầu cử theo kiểu tư sản, trái với Hiến pháp và luật pháp hiện hành, làm tổn hại khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định chính trị và xã hội.

4 - Ban chấp hành Trung ương biểu dương các cơ quan thông tin đại chúng trong thời gian qua đã kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm trái với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng yêu cầu báo chí, các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân nâng cao tính chủ động, tiếp tục đấu tranh kịp thời, sắc bén, chống các quan điểm sai trái, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ Nhà nước xhcn, làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hoà bình” của các lực lượng thù địch.

5 - Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu tổ chức đảng các cấp thực hiện tốt kết luận này cũng như kết luận của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII về “Bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, đấu tranh chống các luận điệu sai trái và chống đối của những người cơ hội về chính trị và phản động” và Chỉ thị 25-CT/TW ngày 26-12-1997 của Bộ Chính trị về việc giữ đúng nguyên tắc trong nói và viết những vấn đề liên quan đến lịch sử Đảng. Ai cố tình vi phạm sẽ bị xử lý thích đáng.

Kết luận này được phổ biến đến tất cả các tổ chức cơ sở đảng.

T/M Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Tổng bí thư

Đã ký : Lê Khả Phiêu

Hà Nội, ngày 7 tháng 9 năm 1998

Số : 633/HD-TTVH

Hướng dẫn thực hiện Kết luận
của Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ Đảng Khoá VIII
về đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ
đường lối, Cương lĩnh, điều lệ Đảng

Sau kết luận của Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Khoá VIII về “Bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, đấu tranh chống các luận điệu sai trái và chống đối của những người cơ hội về chính trị và phản động”, từ cuối năm 1997, đặc biệt trước và sau Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương, trước những khó khăn của nền kinh tế và tình hình phức tạp ở một số vùng nông thôn, đã xuất hiện một số thư kiến nghị, trả lời phỏng vấn... của một số người, trong đó có một số đảng viên, gửi đến các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đồng thời được tán phát nhiều nơi, dưới dạng gửi các bạn quan tâm.

Nội dung các tài liệu này chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau :

- Bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng. Họ cho rằng “giữ vai trò độc tôn của chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ đưa tới sự trì trệ về trí tuệ”.

- Bác bỏ định hướng xhcn ở nước ta, cho rằng định hướng xhcn “là thất bại, là ngõ cụt”.

- Bác bỏ sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, cho rằng sự lãnh đạo của Đảng hiện nay là “Đảng trị”, “Đảng chỉ nên lãnh đạo về chính trị”, “sự lãnh đạo của Đảng là nguồn gốc của sự lạm quyền, tham nhũng”...

- Bác bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, cho rằng vì thế mà “nhiều lầm dân chủ chỉ trở thành đồ rơm”, chỉ có tác dụng trang trí cho sự tập trung quyền lực...

- Bác bỏ vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, cho rằng kinh tế quốc doanh “trở thành tham ô, lãng phí ghê gớm”, kinh tế quốc doanh thành chủ đạo thì chỉ có nghĩa là triệt tiêu hoặc làm suy yếu các thành phần kinh tế khác, nhất là kinh tế tư nhân. Họ hô hào phát triển kinh tế tư nhân, cho đó là “thành phần kinh tế chủ lực trong nền kinh tế thị trường”...

- Hô hào dân chủ vô giới hạn, “trong quan niệm về dân chủ, không nên cứng nhắc đưa ra dân chủ tư sản và dân chủ vô sản”. Họ đề nghị cho tư nhân có quyền ra báo chí, lập nhà xuất bản mà không cần xin phép ai...

Họ còn đề nghị cho tổ chức một “Tiểu Diên Hồng - bàn tròn”, mở “Hội nghị chính trị” như kiểu Tiểu Diên Hồng...

Đây là những quan điểm hoàn toàn trái Cương lĩnh, điều lệ về đường lối của Đảng, nhưng đã được những người này phát tán, truyền bá rộng rãi, trái với điều lệ Đảng.

Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá VIII đã xem xét tất cả các tài liệu đó. Trên cơ sở bản trình bày của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương đã bỏ phiếu thống nhất 100 % tán thành kết luận “Về đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ Cương lĩnh, điều lệ và đường lối của Đảng” số 01KL/TW ngày 16/7/1988.

Để triển khai thực hiện tốt Kết Luận này, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương yêu cầu Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các tổ chức cơ sở Đảng một số vấn đề sau đây [bình luận của người đánh máy :

“yêu cầu (...) một số vấn đề” : thật đúng là văn chương khẩu khí đậm đà mùi sắc dân tộc của Ban TT VH !!!] :

1 - Tổ chức phổ biến toàn văn Kết Luận đến tất cả các tổ chức cơ sở Đảng, các chi bộ Đảng và toàn thể đảng viên thông qua sinh hoạt chi bộ thường kỳ trong tháng 9 và 10 năm 1998.

2 - Tổ chức trao đổi ý kiến ở chi bộ Đảng về các điểm 1, 2, 3 của Kết Luận này, làm rõ một số vấn đề sau đây :

- Biểu thị thái độ của đảng viên trong chi bộ trước việc một số đảng viên vi phạm nguyên tắc, kỷ luật Đảng, tự ý phát tán tài liệu và truyền bá các quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng, tự ý trả lời phỏng vấn về các quan điểm sai trái đó không đúng với quy định tại Chỉ thị số 25 CT/TW ngày 25-12-1997 của Bộ Chính trị. Xem xét lại trong chi bộ có những trường hợp nào vi phạm các nguyên tắc, kỷ luật đảng, nhất là kỷ luật trong phát ngôn hoặc truyền bá các quan điểm, chủ trương sai trái với quan điểm của Đảng, với nghị quyết của các tổ chức Đảng, đưa ra chi bộ kiểm điểm, phân tích để thấy rõ thiếu sót, hoặc xem xét để có các hình thức xử lý thích hợp với các sai phạm.

- Phân tích rõ những sai lầm, làm rõ những tác hại của việc vi phạm đối với sự đoàn kết thống nhất tư tưởng - chính trị trong Đảng và đối với việc giữ vững ổn định chính trị xã hội hiện nay.

- Bày tỏ thái độ đối với Kết luận của Ban Chấp hành Trung Ương khoá VIII.

- Kiến nghị các biện pháp nhằm ngăn chặn những hiện tượng sai trái tương tự xảy ra trong tương lai.

- Xây dựng quy chế của chi bộ, đảng bộ cơ sở về việc quản lý đảng viên, về việc giữ vững kỷ luật Đảng, về việc tổ chức thực hiện tốt Kết luận này cũng như Kết luận của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII về “Bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, đấu tranh chống các luận điệu sai trái và chống đối của những người cơ hội chính trị và phản động”, và Chỉ thị 25-CT/TW ngày 25-12-1997 của Bộ Chính trị về việc giữ đúng nguyên tắc trong nói và viết những vấn đề liên quan đến lịch sử Đảng.

4- Cần có kế hoạch nâng cao hiểu biết của cán bộ, đảng viên trong chi bộ, đảng bộ về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; kiên quyết đấu tranh chống lại những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật trong Đảng, đặc biệt là trong nói, viết ; phát hiện việc tổ chức truyền bá, phát tán các tài liệu sai trái để thu hồi và báo cáo với cấp trên và các cơ quan có trách nhiệm để có biện pháp xử lý đúng đắn ; nâng cao cảnh giác với các âm mưu phá hoại, chia rẽ, gây tâm lí nghi ngờ, mất đoàn kết trong nội bộ Đảng, giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với quân đội và công an...

5- Sau đợt sinh hoạt này, các chi bộ, đảng bộ cần làm biên bản báo cáo lên cấp uỷ cấp trên. Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương tập hợp ý kiến báo cáo về Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương trong tháng 10 năm 1998.

K/T Trưởng Ban
Phó Trưởng ban
(ký tên và đóng dấu)
Hà Học Hợi

Nơi nhận :

- Đ/c Nguyễn Đức Bình (để b/c)
- Đ/c Nguyễn Phú Trọng (để b/c)
- Văn phòng Trung ương
- Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành, các đảng uỷ trực thuộc TƯ
- Lưu VT, VTT

Trần Độ

Một cái nhìn trở lại bút ký

“*Đây không phải là một luận văn, mà là một thiên bút ký thổ lộ nỗi niềm của một người 76 tuổi đời, 58 tuổi Đảng*”, trung tướng Trần Độ đã mở đầu bài bút ký **Một cái nhìn trở lại** (bài 1) của ông như vậy. Bài này viết xong vào ngày 23.9.98 nhân dịp sinh nhật 75 tuổi. Hai tháng sau, ông viết tiếp bài 2. Tổng cộng hai bài dài 18 trang khổ báo *Diễn Đàn*, vì vậy chúng tôi chỉ có thể công bố toàn văn trên trang chủ của Diễn Đàn trên Internet (<http://perso.wanadoo.fr/diendan>). Trong khuôn khổ tờ báo này, chúng tôi xin trích đăng những đoạn chính trong phần hai của bài 1.

Nhân đây, xin cung cấp hai thông tin :

1. Tác giả cho biết : “*Kể viết những dòng này trong năm 1998, từ 25 tháng 7 vào ngôi nhà của con trai út số nhà 116/ 33 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Ở đó dự định cho đến hết tháng 10. Trong hơn 100 ngày đó, trước ngôi nhà này luôn luôn từ sáng đến tối, mỗi ngày đều có từ một đến ba nhân viên an ninh mặc thường phục, hóa trang làm người chữa xe đạp, lái xe ôm, lái xe tắc xi... coi chừng, giám sát, ghi chép, và cả chụp ảnh nữa. Khi kể này đi chơi ở Huế cũng có những nhân viên an ninh từ Hà Nội bay vào Huế ở cùng khách sạn để theo dõi những người quen đến thăm kể này*”.

2. Ngày 19.11, tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã gặp ông Trần Độ trong hai giờ đồng hồ. Khi ông Độ kể lại việc trên, ông Phiêu nói không biết và “sẽ làm việc với các cơ quan liên hệ” (nếu tướng Phiêu chưa liên hệ được với cơ quan đó, chúng tôi xin mách nước : Tổng cục 2 của Bộ quốc phòng). Nói về “bản kết luận” của Hội nghị trung ương V do ông Phiêu ký ngày 16.7.98 về “đấu tranh chống các quan điểm sai trái” (chủ yếu là quan điểm của ông Trần Độ), ông Phiêu nói đó là do “hội nghị yêu cầu” và “đó là kết luận của Trung ương chứ không phải kết luận của tôi” (sic).

Tôi được kết nạp vào Đảng cộng sản hai lần. Lần thứ nhất vào năm 1940, lúc tôi 17 tuổi. Lần thứ hai vào năm 1943, trong nhà tù Sơn La. Lúc ấy tôi được chỉ bộ nhà tù Sơn La kết nạp lại, sau khi theo dõi, thử thách. Anh Lê Đức Thọ là người giới thiệu tôi để kết nạp.

Từ bấy đến nay đã 58 năm, trải qua nhiều sự kiện lịch sử khác nhau :

* Những năm tháng vận động quần chúng bí mật để xây dựng lực lượng tổng khởi nghĩa, giành chính quyền.

* Những năm tháng kháng chiến chống Pháp với những chiến dịch và kết thúc bằng chiến dịch lớn Điện Biên Phủ.

* Những năm tháng đất nước bị chia cắt, tôi sống trong hoàn cảnh hòa bình ở miền Bắc với những sự kiện : cải cách ruộng đất, hợp tác hóa nông nghiệp, quân đội học tập và tập luyện.

* Tôi lại được tham gia kháng chiến ở miền Nam khoảng 10 năm (1965-1974).

* Rồi tôi lại được sống trong thắng lợi và hòa bình, tiếp xúc nhiều với văn nghệ sĩ, học tập được nhiều ở giới trí thức văn hóa, văn nghệ.

* Suốt từ năm 1960 đến năm 1992 tôi liên tục là ủy viên trung ương Đảng 4 khóa.

Do đó, tôi tự cho rằng tôi có đủ điều kiện để nhận biết sự biến động, sự chuyển biến vận mệnh của Đảng, và có thể có một nhận xét về những sự chuyển biến đó.

Rõ ràng, Đảng từ những năm 1940 chỉ có mấy nghìn đảng viên, nhưng Đảng có ảnh hưởng rất lớn và rất rộng trong nhân dân. Nhân dân ai cũng biết có Đảng cộng sản. Hướng về Đảng cộng sản. Những lời kêu gọi và ý kiến lãnh đạo của Đảng đều hết sức đơn giản, dễ hiểu, nhưng đều lay động lòng người sâu sắc (cả trực tiếp lẫn gián tiếp). Đảng đã có nhiều ý kiến lãnh đạo đưa đất nước vượt qua được nhiều thử thách và bước ngoặt hiểm nguy, đi tới thắng lợi ngày nay : độc lập, thống nhất đất nước.

Có một nhận xét của không ít người là mỗi khi Đảng gắn với nhân dân, gắn với dân tộc, suy nghĩ và hành động phù hợp với suy nghĩ và nguyện vọng của nhân dân thì Đảng thắng lợi rất vẻ vang. Ngược lại, khi Đảng làm theo, học tập theo một “Đảng anh em” nào đó, mà kinh nghiệm du nhập không phù hợp với hoàn cảnh dân tộc và đất nước thì đều có những bài học cay đắng. Cuộc cải cách ruộng đất và một số vụ trấn áp trong Đảng đã để lại nhiều vết thương sâu và chắc còn hậu quả lâu dài nếu không có cách nào thanh toán đi được.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là một lịch sử thắng lợi vẻ vang. Nhưng không phải chỉ có thắng lợi vẻ vang, mà có những lúc, những việc, gây tổn thất và đau xót trong Đảng và nhất là trong nhân dân. Có những sự kiện mà có lẽ hàng trăm năm sau những nhà làm sử sẽ đánh giá lại. Khoảng cách thời gian có thể cho ta cái nhìn khách quan hơn và đúng đắn hơn. Không thể nóng vội hơn được. Nhưng không thể vì thế mà đi đến chỗ coi Đảng cộng sản chỉ là một lực lượng tàn bạo, chỉ có đàn áp và làm hại nhân dân, làm hại dân tộc, cần phải đánh đổ và thay bằng lực lượng khác. Cách nhìn nhận như thế là của những đầu óc thù địch, thiên lệch, không thể chấp nhận được.

Thực tế hiện nay không có lực lượng nào thay thế được Đảng cộng sản. Lịch sử của Đảng gắn liền với lịch sử dân tộc. Ai nhìn lịch sử dân tộc mà tách khỏi lịch sử Đảng cộng sản là không được. Đến nay có thể thấy hình ảnh Đảng cộng sản là hình ảnh một cây cổ thụ xum xuê, thân hình lực lưỡng, gốc rễ sâu chắc. Vì Đảng có đã hơn hai triệu đảng viên. Đảng có những tổ chức quần chúng : công, nông, thanh, phụ, bao gồm nhiều chục triệu hội viên tích cực ủng hộ Đảng và sẵn sàng nghe theo Đảng.

Nhưng cũng có thể có một nhận xét là Đảng ngày nay tuy đông và mạnh như thế, nhưng nhân dân nói chung không gần Đảng hơn mà lại xa hơn. Lòng tin đối với Đảng giảm sút nghiêm trọng, nếu không muốn nói là lòng tin ấy đã mất hẳn.

Vì vậy có thể nói tuy cây Đảng bây giờ to lớn xum xuê về số lượng, nhưng thân cây và gốc cây có mang các bệnh hoạn nào đó mà chưa được chẩn đoán đúng để chữa trị.

Ngay từ khi gia nhập Đảng, tôi đã thấm nhuần những nguyên lý về việc xây dựng một Đảng kiểu mới - một đảng chiến đấu, là đội quân tiên phong và đội quân chiến đấu của giai cấp công nhân. Đảng cộng sản vừa là của giai cấp công nhân, vừa là của toàn dân tộc. Đảng cộng sản là một đảng kiểu mới so với những đảng chính trị trước năm 1930, trong đó có Quốc Dân Đảng của anh hùng Nguyễn Thái Học. Những đảng ấy không thiếu tinh thần yêu nước và đức hy sinh, nhưng có nhiều nhược điểm về tổ chức đảng, không thể trở thành một sức mạnh lớn đưa cách mạng tới thành công.

Đảng cộng sản là một đảng chiến đấu, cho nên mỗi đảng viên phải là một chiến sĩ, một người cách mạng chuyên nghiệp. Điều đó vừa là vinh dự lớn vừa là trách nhiệm nặng nề.

Ngày nay Đảng đang lãnh đạo sự nghiệp phát triển đất nước và lãnh đạo một bộ máy nhà nước và một bộ máy xã hội khổng lồ. Việc thảo luận và phân tích tính chất chính trị của Đảng có một ý nghĩa to lớn. Không thể cho rằng tính chất của Đảng vẫn y nguyên như những năm trước năm 1945 và trong hai cuộc chiến tranh được. Nếu cứ giữ cái quán tính trong suy ngẫm từ mấy chục năm cho đến bây giờ để xử lý các vấn đề hiện tại về xây dựng Đảng thì chắc chắn sẽ có sai lầm, hoặc ít nhất là không có hiệu quả.

Nguyên tắc **tập trung dân chủ** là một nguyên tắc cơ bản của Đảng cộng sản. Nguyên tắc này làm nên sức mạnh của Đảng. Nó có những nguyên tắc chính yếu như sau:

- * Thiếu số phục tùng đa số.
- * Cấp dưới phục tùng cấp trên.
- * Toàn Đảng phục tùng Đại hội và Ban chấp hành trung ương.

Tất cả đều xoay quanh chữ “phục tùng”. Sự phục tùng này đáp ứng yêu cầu thống nhất ý chí, thống nhất tư tưởng và thống nhất hành động. Sự thống nhất này tạo nên sức mạnh to lớn. Vì vậy sự phục tùng này phải là vô điều kiện. Trong mấy chục năm tôi là người thực hiện sự phục tùng này rất tự nguyện và luôn phấn khởi. Tôi cũng là người đòi hỏi cấp dưới phục tùng vô điều kiện. Sự phục tùng vô điều kiện này trong chiến tranh tạo nên một sự thông suốt tốt đẹp trong sự chỉ đạo và chỉ huy và mỗi ý tưởng chỉ đạo lập tức biến thành sức mạnh

hành động trong toàn đơn vị, hay toàn Đảng. Vì vậy, nguyên tắc này không thể chấp nhận bất cứ một sự phản đối nào, một sự phê phán nào, thậm chí một sự nhận xét nào. Và như thế ý kiến cấp trên bao giờ cũng đúng, luôn luôn đúng, và chỉ có đúng mà thôi ! Điều này có hệ quả tất yếu của nó là sinh hoạt trong Đảng về thực chất chỉ là sự quán triệt và phục tùng ý kiến cấp trên. Trong chiến tranh, do điều kiện đất nước và điều kiện xã hội có những đặc thù của nó, nguyên tắc nói trên là chấp nhận được.

Nhưng ngày nay, khi tình hình đất nước và xã hội đã biến đổi, hoàn toàn khác xa hoàn cảnh thời chiến, do vậy khi sự quán triệt nói trên gặp phải những nội dung mơ hồ và cũ kỹ thì sinh hoạt trong Đảng không thể có chất lượng được. Có gì buồn hơn khi giá trị một ý kiến không phụ thuộc vào chất lượng ý kiến đó mà phụ thuộc vào người phát biểu ý kiến đó là ai, thuộc cấp bậc nào, và ý kiến đó phục tùng ý kiến nào. Một nhà trí thức văn hóa nói với tôi nhận xét của mình một cách thẳng thắn như sau : “*Hôm trước anh chưa là ủy viên trung ương thì anh không biết cái gì hết. Hôm nay anh đã là ủy viên trung ương rồi thì anh biết rất nhiều, rất nhiều người phải hỏi anh, xin ý kiến anh, và thế là tự nhiên anh cũng có rất nhiều ý kiến chỉ đạo để mà phân phát, anh buộc phải có nhiều ý kiến để mà cho*”.

Tôi thấm cái câu ấy lắm, càng ngày càng thấm thía. Nhiều phen tôi rất ngượng và tự xấu hổ với mình vì những lời khen tặng, về những ý kiến “rất sâu sắc”, “sáng rõ” của mình.

Thực hiện điều nói trên thì tự nhiên nảy sinh mặt trái của nó. Mặt trái này lại tiếp tục phát triển và ta thấy những kết quả tất yếu như sau :

Một tình trạng bao cấp về tư duy, tư tưởng (như một văn nghệ sĩ quá cố đã nói).

Mỗi người đều không phải là một chủ thể tư duy, vì đã có cấp trên tư duy hộ, vì cấp trên bao giờ cũng đúng, cấp dưới chỉ cần chờ ý kiến chỉ đạo, hết ý kiến này cấp trên lại cấp cho ý kiến khác. Cấp dưới có tư duy thì chỉ là tư duy để chấp hành. Mọi ý nghĩa sáng tạo trong tư duy hầu như bị triệt tiêu. Các văn nghệ sĩ chân chính thấy đều bất bình và không chấp nhận sự bao cấp về tư duy và tư tưởng. Vì mọi người chỉ cần nghĩ và nói theo một khuôn, một kiểu, một câu là được rồi, là để sống hơn rồi, thì còn cần gì đến văn học nghệ thuật nữa.

Tình trạng này mâu thuẫn với tình trạng bình thường của cuộc sống. Vì cuộc sống vốn có bản chất sinh động và phong phú. Hiện nay, cả người trẻ lẫn người già đều gấy đến tận cổ những cuộc họp có những diễn văn nhắc đi nhắc lại nhiều lần một số khẩu hiệu cũ kỹ. Tình trạng này làm tê liệt mọi sự sinh động và hào hứng trong sinh hoạt. Trước đây, trong cách mạng và chiến tranh, mỗi lần hội họp nhau lại là có những vấn đề mới phải giải quyết, nhiệm vụ mới phải hoàn thành. Ngày nay không có điều đó nữa.

Tình trạng nói trên tất yếu dẫn đến một câu trả lời tiêu cực (một cách không thể tránh được câu hỏi: “Đảng là ai?”, mỗi khi người ta nói “**ý Đảng**” là thế này, “**chủ trương của Đảng**” là thế nọ, “**Đảng muốn**” như vậy... Trong thực tế câu trả lời hiển nhiên là : Đảng là một nhóm người quan trọng trong cấp ủy và tập trung hơn nữa, là ông Bí thư. Việc gì mà

ông Bí thư hoặc một nhóm người trong cấp ủy muốn, tức là Đảng muốn. Chẳng lẽ nói cái gì của Đảng cũng có nghĩa là có ý kiến của hơn hai triệu đảng viên ?! Mỗi đảng viên bình thường phải làm theo ý kiến và mệnh lệnh của Đảng thể hiện qua các nghị quyết, và không được tự coi mình là Đảng. Nhưng vì là tập trung dân chủ, cho nên vai trò của bí thư và cấp ủy tất nhiên là quan trọng, không thể khác được. Thế mà ở một số cấp có một số đồng chí bất cứ lúc nào cũng nói năng và hành động như thể các đồng chí ấy **thay mặt Đảng và nhân danh Đảng**. Vậy Đảng là các đồng chí ấy rồi còn gì, "lògích" quá rồi còn gì ?! Còn phải **Đảng là ai** làm gì nữa !

- Tình trạng nói trên cũng đưa tới **một hệ quả hiển nhiên là sùng bái cá nhân**. Sùng bái cá nhân không phải chỉ là một tệ nạn tạm thời và của riêng Đảng cộng sản Liên Xô. Nó là kết quả tất yếu của tập trung dân chủ. Vì bí thư và một số đồng chí chủ chốt là quan trọng nên hàng ngày phải đề cao vai trò của các đồng chí ấy, phải ca ngợi các đồng chí ấy, phải coi từng câu nói của các đồng chí ấy như ánh sáng soi đường, phải trích dẫn những câu ấy để thêm sức nặng cho các văn kiện. Phải bảo vệ uy tín cho các đồng chí ấy, phải khôn khéo dập tắt những nhận xét có hại cho các đồng chí ấy. Cũng vì lẽ đó mà một cán bộ quan trọng về tư tưởng - văn hóa của Đảng đã phê phán việc các báo đưa tin về chuyện đời tư của tổng thống Mỹ. Cán bộ này lo cho tổng thống Mỹ mất uy tín hơn cả nhân dân Mỹ, vì nhân dân Mỹ được thông báo nhiều chi tiết gấp trăm lần báo chí ta. Chuyện cứ như đùa mà có thật.

(...)

- Nói tóm lại, tập trung dân chủ có có nhiều ưu điểm trong đấu tranh cách mạng và trong chiến tranh. Nhưng cứ kéo dài mãi thì nó sẽ phát triển biến dạng từ mặt trái của nó về phía bệnh hoạn. Sự biến dạng ấy dẫn đến những hệ quả tai hại lớn : tạo nên một chế độ tập trung quan liêu, triệt tiêu dân chủ, triệt tiêu tính tích cực sáng tạo của các chủ thể cá nhân, tạo điều kiện cho sự phát triển đặc quyền, đặc lợi, và đó là nguyên nhân dẫn đến tệ nạn tham nhũng.

- Mỗi nguyên tắc đều có ý nghĩa tích cực trong môi trường của tình thế và giai đoạn. Không có nguyên tắc hoặc nguyên lý nào luôn luôn đúng và mãi mãi đúng. Nhu cầu phân tích và thảo luận lại vấn đề tập trung dân chủ là cần thiết. Đó không phải là yêu cầu "phủ nhận" hay "phản động" như có một số kẻ dốt nát thường nói. Không ai tán thành dân chủ vô chính phủ, nhưng cũng không ai chịu được sự tập trung quan liêu. Tôi rất ngán những người nói lăng nhăng về vấn đề này.



Về phương thức lãnh đạo Đảng.

Ta hãy xem lại phương thức "**lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, triệt để**", cả về tư tưởng và tổ chức, xem phương thức ấy phát sinh thế nào và trong điều kiện nào ?

Tôi nhớ lại thì phương thức ấy ta học của Đảng cộng sản Trung Quốc. Đảng cộng sản Trung Quốc nêu lên phương thức đó, nhấn mạnh tới việc Đảng xây dựng và lãnh đạo lực lượng vũ trang. Đảng phải trực tiếp nắm chặt lực lượng vũ trang cách mạng, không thể để cho một lực lượng chính trị nào có ảnh

hưởng trong các lực lượng vũ trang cách mạng mà Đảng cộng sản xây dựng và lãnh đạo.

Tuy từ năm 1945, khi chính phủ ban sắc lệnh 71 về xây dựng lực lượng quân đội quốc gia, tôi đã tích cực đóng góp vào việc đấu tranh cho chế độ công tác chính uỷ trong quân đội, nhưng tôi chỉ mới nhận thức sơ lược và đơn giản là quân đội thì phải có công tác chính trị, thế thôi. Đó là nhờ đọc được về điều đó trong vài cuốn sách mỏng mà anh Văn (đồng chí Võ Nguyên Giáp) trao cho tôi. Mãi tới năm 1950, tôi được làm việc trực tiếp với quân giải phóng nhân dân Trung Hoa ở chiến dịch biên giới, và sau đó nhiều năm làm việc với các đồng chí cố vấn Trung Quốc, nhận thức của tôi mới được bồi bổ và nâng cao thêm. Viết đến đây, tôi thấy cần phải nói rằng bất luận là thế nào, tôi cũng vẫn biết ơn Đảng cộng sản Trung Quốc, giải phóng quân Trung Quốc trong sự nâng cao nhận thức quân sự và chính trị.

Như vậy rõ ràng là phương thức (hay nguyên tắc) lãnh đạo này đã phát sinh trong việc lãnh đạo quân đội. Nó đã tồn tại và phát triển suốt trong hàng chục năm chiến tranh. Mà trong chiến tranh thì lãnh đạo chiến tranh và lãnh đạo quân đội cũng là một mà thôi.

Từ phương thức này mà Đảng trở thành Đảng của quyền lực tối cao. Đảng ta vẫn phê phán và chống lại ách "Đảng trị", nhưng trong thực tiễn thì Đảng thực hành triệt để nhất sự Đảng trị.

Đảng là nơi quyền lực tối cao, mà nơi thay mặt Đảng và nhân danh Đảng là Bộ Chính trị và một số nhỏ đồng chí trong Bộ Chính trị. Bộ Chính trị quyết định mọi việc của chính phủ, của Quốc Hội, phê duyệt mọi việc của các tổ chức xã hội, quyết định tất cả nhân sự của tất cả các cơ quan, kể cả cơ quan dân cử. Chẳng thế mà trong dân gian có câu "Đảng cử, dân bầu".

Ấy là vì Đảng đã thực hành nguyên tắc lãnh đạo tuyệt đối cả về tư tưởng và tổ chức. Cho nên các cơ quan của Đảng, đặc biệt là các cơ quan tuyên huấn và tổ chức, mới trở thành cơ quan quyền lực đứng trên toàn xã hội. Cơ quan tuyên huấn trước đây chỉ làm việc tuyên truyền và huấn luyện trong Đảng, tạo điều kiện cho các đảng viên hoạt động trong nhân dân, thì nay là cơ quan tư tưởng - văn hóa nắm và chi phối toàn bộ các tổ chức thông tin, báo chí, các tổ chức văn nghệ. Tình hình này đã xóa bỏ nhiều điều trong Hiến pháp, mà Hiến pháp ở nước ta thì đã được chính Đảng cộng sản, chứ không phải ai khác, chỉ đạo và quyết định trước khi đưa ra Quốc Hội.

Vậy thì rõ ràng **ta không có dân chủ**.

Tuy thế, vẫn có người nói rằng nhân dân ta hơn 90 % đi bầu Quốc Hội, ứng cử viên và đại biểu Quốc Hội đi gặp gỡ cử tri trước và sau khi họp Quốc Hội... rồi lớn tiếng tự hào : Liệu trên thế giới này có nơi nào dân chủ bằng Việt Nam ???

Khi tôi hoạt động ở Quốc Hội, tôi có dịp thấy rõ lòng dân. Đoàn đại biểu của Ủy ban Văn hóa - Giáo dục của Quốc Hội do tôi làm chủ nhiệm khi đi các địa phương thường được giới thiệu rất trang trọng. Cán bộ giúp việc chúng tôi ở Văn phòng Quốc Hội khi đến các địa phương thường rất tự hào và tự tin giới thiệu tôi với chức danh ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng. Khi tôi hết nhiệm kỳ khóa VI của Đảng, không còn ở



trong Trung ương nữa, thì khi công tác các đồng chí giúp việc hết sức băn khoăn là trong đoàn không có ủy viên trung ương thì liệu địa phương có thêm tiếp hay không? Thế có nghĩa là người ta mặc nhiên thừa nhận chế độ Đảng trị.

Tôi thấy lòng dân thế này : khi chúng tôi tiếp xúc với cử tri, được người ta giới thiệu với các chức danh: chủ tịch, chủ nhiệm, ủy viên... thì cử tọa vỗ tay let đẹt, tỏ vẻ lịch sự một cách lạnh lùng. Nhưng khi trong đoàn chúng tôi có những văn nghệ sĩ có tác phẩm nổi tiếng, tôi tranh thủ giới thiệu bổ sung : đây là tác giả "Điều Tàn", đây là tác giả "Bão Biển", tác giả "Nổi Gió", tác giả "Nổi Lửa Lên Em" và nói đùa rằng trong đoàn chúng tôi toàn những gió, bão và lửa thì cử tri tỏ rõ một nhiệt tình hết sức nồng nàn, và những đại biểu đó được mọi người đón tiếp, tìm gặp về sau rất lâu. Mới thấy là nhân dân biết rất rõ giá trị của từng đại biểu, họ rất hoan nghênh và yêu mến những người mang đến cho họ một giá trị nào đó, chứ còn chức vụ chỉ làm cho họ ngán ngại mà thôi. Phải đáp ứng trúng lòng dân mới gọi là dân chủ, gọi là để dân làm chủ. Còn chỉ hô khẩu hiệu và cổ động rầm rộ cái gọi là xã hội hóa, coi đó là để dân làm chủ thì hiệu quả ắt ngược lại. Càng xã hội hóa nhiều thì dân càng phải đóng góp nhiều hơn : nào là giáo dục, y tế, văn hóa, nào là đền ơn đáp nghĩa, chống tệ nạn này tệ nạn khác vv...

Nước ta chưa thể coi là nước có dân chủ, mà là **một nước không dân chủ**. Phương thức lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối đi ngược lại với xu thế dân chủ hóa là nguyên nhân sâu xa của tình trạng không có dân chủ. Phương châm toàn diện tuyệt đối ấy còn liên quan tới một phương châm khác là phương châm "chính trị là thống soái". Phương châm này do Mao Trạch Đông đề xướng, Đảng ta cũng tiếp nhận phương châm này một cách sâu sắc. Vì yêu cầu giành thắng lợi cho cách mạng là yêu cầu lớn và bức thiết, yêu cầu "tất cả cho chiến thắng" của chiến tranh cũng vậy. **Mục tiêu của chiến tranh cách mạng là mục tiêu chính trị**, tất yếu chính trị là cực kỳ quan trọng. Tất cả mọi hoạt động đều phải nhằm vào mục tiêu đó. Cái gì quan trọng đều có ý nghĩa chính trị. Nhiệm vụ nào quan trọng, hành động nào quan trọng đều là nhiệm vụ chính trị, hành động chính trị hoặc hành động cách mạng. Những điều đó đã là những nội dung giáo dục và động viên rất lớn và là một sự thật rõ ràng, được lịch sử ghi nhận.

Ngày nay lịch sử đã sang trang. Vậy mà cái phương châm được áp dụng trong thời chiến ấy vẫn không hề thay đổi. Tuy không có sự xác nhận chính thức và công khai phương châm "chính trị là thống soái" nhưng chỉ cần theo dõi sinh hoạt xã hội những năm trước đây cho đến bây giờ thì thấy rành rành ý tưởng tuyệt đối hóa chính trị, chính trị hóa mọi sinh hoạt xã hội. Như vậy, mọi ngôn từ, mọi hành xử đều phải tuân theo yêu cầu chính trị, đáp ứng yêu cầu chính trị, chứ không được tự nhiên, nhi nhiên nữa.

(...)

Tôi không muốn bàn đến khái niệm "thế nào là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng". Tôi là người biết rõ vai trò của Đảng từ 1940-1975, và tôi cũng thấy rõ sự vẻ vang của Đảng, và chính tôi cũng được hưởng sự vẻ vang đó. Nhưng ngày nay tôi đã tận mắt thấy rõ ràng tình hình thế giới và trong nước đã

khác xưa nhiều, vì kể từ 1975 đến nay thì cũng đã hơn 20 năm rồi, lý tưởng và nhiệm vụ của đất nước, của dân tộc cũng đã khác xưa nhiều lắm. Do vậy, sự lãnh đạo của Đảng cứ giữ nguyên như xưa thì không được nữa. Và từ đó tôi tưởng tượng ra sự lãnh đạo của Đảng phải như sau :

- Đảng không nên và không thể đi sâu giải quyết các vấn đề cụ thể của tất cả các lãnh vực như kinh tế, văn hóa, giáo dục... Mỗi lĩnh vực đã có nhiều cơ quan khoa học chuyên ngành chăm lo. Các cơ quan ấy là nơi tập trung thông tin và kiến thức để làm cơ sở giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực ấy. Các cấp uỷ của Đảng (kể cả Trung ương) chỉ nên tập trung tinh lực để bàn và quyết định những vấn đề đường lối và chủ trương chính sách, sao cho những chủ trương chính sách làm chuyển động được tình hình xã hội nói chung và từng lĩnh vực nói riêng. Rồi cấp uỷ Đảng giám sát xem các cơ quan chính phủ, các tổ chức xã hội có thực hiện đúng chủ trương ấy không. Những chủ trương chính sách được quyết định phải thiết thực và tạo hiệu quả rõ rệt, chứ không nên chỉ có những phương châm và thành ngữ cho hay, cho kêu để chứng tỏ sự quan tâm của Đảng và chứng tỏ "Đảng đã có ý kiến".

Ví dụ về giáo dục : Đảng chỉ nên quyết định những chính sách có tính mục tiêu như :

- Xóa nạn mù chữ.
- Phổ cập tiểu học.
- Bảo đảm đời sống giáo viên.
- Bảo đảm chất lượng học tập.
- Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục nhằm huy động nhiều sức lực cả tiền của và trí tuệ của các tầng lớp nhân dân.

Còn chương trình học tập, tổ chức thi cử, soạn sách giáo khoa, đào tạo bồi dưỡng cán bộ ra sao...thì do các cơ quan chuyên môn bàn bạc và quyết định.

Ví dụ về văn hóa. Có những vấn đề chuyên môn về văn hóa như vấn đề bản sắc dân tộc, vấn đề văn nghệ truyền thống...thì nên để cho các cơ quan có các học giả bàn và giải quyết về lý thuyết cũng như về thực tiễn. Những vấn đề đó Ban chấp hành Trung ương có bàn cũng không bàn được, mà cái cần phải bàn là những chủ trương chính sách về tự do sáng tác và tự do phê bình, chính sách tôn trọng nhân cách các văn nghệ sĩ. Còn không nên bàn chuyện sáng tác thế nào, phê bình thế nào. Việc chuyên môn đó các văn nghệ sĩ đủ sức giải quyết, và họ giải quyết tốt hơn bất cứ cấp uỷ nào, chỉ cần họ được tự do, được độc lập chịu trách nhiệm về công việc của mình. Không nên để cho các thứ tổ chức của Đảng tăng tầng lớp lớp kiểm tra, kiểm soát, bịt hết mọi đường tự do.

Văn hóa mà không có tự do là văn hóa chết.

Văn hóa mà chỉ còn có một thứ văn hóa tuyên truyền cũng là văn hóa chết.

Như thế, càng tăng cường lãnh đạo bao nhiêu, càng bóp chết văn hóa bấy nhiêu, càng hiếm có những giá trị văn hóa và những nhà văn hóa cao đẹp, nếu không nói là không thể có được.

Về tổ chức Đảng, tôi cũng lưu ý tới tổ chức các Đảng đoàn và Đảng ủy khối. Tổ chức này cũng dựa vào lý thuyết : "Đảng phải lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối" ở các cơ quan chuyên

môn, cho nên ở các cơ quan này nhất thiết phải có Đảng đoàn. Đảng đoàn thì lại do các cơ quan giúp việc của Đảng chỉ đạo và chỉ phối. Tình hình này để ra nghịch lý : những người không làm được thủ trưởng cơ quan thì làm bí thư Đảng đoàn và bí thư Đảng ủy khối. Kết quả là người kém lãnh đạo người giỏi. Lại nữa, khi có điều tranh luận về chủ trương công tác hoặc nhân sự thì ý kiến của cơ quan Đảng bao giờ cũng là ý kiến mà mọi người phải tôn trọng. Kết quả là những người kém hiểu biết về chuyên môn và về những con người làm việc trong chuyên môn thì lại quyết định những vấn đề chuyên môn và số phận của con người chuyên môn. Ở nhiều cơ quan có chuyện nhân sự kèn cựa, tranh chấp nhau, và nhiều trường hợp người thắng thế chiếm ghế lãnh đạo là những người trình độ thấp nhưng được lòng các cấp ủy Đảng. Các cấp ủy Đảng trở thành nơi tiếp nhận các tranh chấp, vô tình khuyến khích các sự xu nịnh tôn hót, chạy chọt. Thế là khó thực hiện việc xếp người đúng việc, đúng chỗ, khó từ bỏ được tình trạng mất đoàn kết, bất công... Phải nói rằng nguyên nhân sâu xa của các hiện tượng tiêu cực trong Đảng và phần nào trong xã hội là ở cơ chế "lãnh đạo toàn diện tuyệt đối" của Đảng.

(...)

Trình độ nhận thức của loài người ngày nay đã cao và càng ngày càng cao, không thể dùng bất cứ một hay hai học thuyết nào thay thế được. Nhìn vào thực trạng đất nước ta hiện nay tôi thấy Đảng cộng sản không phải là nơi tập trung và thu hút được tinh hoa trí tuệ của dân tộc và cũng không có một cá nhân kiệt xuất nào có thể đủ hiểu biết và sáng suốt để giải quyết vấn đề vận mệnh của dân tộc. Đáng lẽ Đảng cộng sản có thể làm được một sự nghiệp vẻ vang là quy tụ, tập hợp và phát huy được hết trí tuệ và tài năng của cả dân tộc. Làm được việc đó thì mới thật xứng đáng với vai trò và lịch sử của Đảng. Còn nếu cứ loay hoay hô hào và dùng mọi thủ đoạn "kể cả dối trá và lừa bịp" để tăng cường và củng cố hoặc giữ vững vai trò của mình thì đều là không được.

Muốn vậy, Đảng cộng sản có thể làm được một việc rất vĩ đại là xây dựng một đất nước, một xã hội dân chủ mà Đảng là một thành viên trong đó. Đảng có thể làm được điều đó và Đảng sẽ vẻ vang.

Dân chủ, dân chủ và dân chủ !!

Mỗi người trong xã hội đều có quyền tự do ngôn luận và tự do mưu cầu hạnh phúc.

Đảng cần phải khắc phục những nhận thức máy móc và sai lầm như: "dân chủ phải có lãnh đạo". Câu nói đó có nghĩa là dân chủ phải "không dân chủ". Lãnh đạo giỏi nhất là đảm bảo được dân chủ cho mọi người. Không phải Đảng là người có sẵn cái dân chủ trong túi rồi thì nay Đảng ban phát cho mọi người. Cũng không phải là dân thì phải quy lụy xin xỏ từng tí dân chủ một ở Đảng.

Đảng chỉ là một bộ phận nhỏ của nhân dân, của dân tộc. Đảng tự nguyện lãnh đạo để đảm bảo và mang đến lợi ích cho nhân dân và dân tộc, Đảng là công bộc của nhân dân, như Hồ Chí Minh đã nói. Vì vậy không thể bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu Đảng cũng tự nhận là người thay mặt nhân dân. Bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu Đảng cũng không được nhân danh nhân dân mà cai trị nhân dân. Như thế mới là phát huy truyền thống

anh hùng của Đảng và của dân tộc.

Cho đến nay Đảng đã có những lời nói hết sức tốt đẹp về dân chủ:

- * Nhà nước của dân, do dân, vì dân.
 - * Dân biết dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.
 - * Dân làm chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.
 - * Việt nam muốn làm bạn với tất cả các nước.
- vân vân ...và vân vân...

Nhưng nhìn vào trong thực tiễn thì thực tiễn diễn ra luôn ngược lại với những lời nói hay, đẹp đó. Rất nhiều việc làm đối trá, tàn bạo, ngang ngược, ngu dốt của một số cán bộ Đảng viên mà không thể được coi là thuộc về bản chất của Đảng. Nhưng Đảng có lỗi là không có những cơ chế giám sát và bó buộc các hành vi ứng xử của tổ chức Đảng đối với dân phải tuân thủ chủ trương của Đảng, để đến nỗi Đảng mất dần lòng tin của dân và dân càng ngày càng xa Đảng. Đảng đã để cho những kẻ có quyền lực nhân danh Đảng làm bậy. Bây giờ Đảng đang kêu gọi "tự phê bình". Tôi rất tán thành. Nhưng trước hết phải tiến hành tự phê bình chung đã. Nội dung của tự phê bình đó là : Đảng đã làm những gì để thực hiện những khẩu hiệu tốt đẹp đã được Đảng đề ra. Đảng đã phạm khuyết điểm thế nào để đến nỗi những lời đẹp đề đó không được thực hiện. Cuộc tự phê bình này không những phát động trong Đảng mà còn phải yêu cầu toàn dân phát biểu ý kiến rộng rãi và công khai. Đảng vẫn tự thấy mình là của nhân dân, của dân tộc kia mà. Việc mỗi Đảng viên tự phê bình ít có ý nghĩa lắm. Nhiều người bạn tôi nói họ chẳng có khuyết điểm gì cả nên không biết tự phê bình thế nào và để làm gì. Hãy thực hiện một cuộc tự phê bình chung hết sức nghiêm túc, sâu sắc và nhất là hết sức dân chủ.

Dân chủ, dân chủ và dân chủ !

Tiếng thét của lương tri cộng sản và lương tri dân tộc là như vậy đó. Nếu có cuộc tự phê bình chung thì thiên bút ký này của tôi là ý kiến phát biểu trong cuộc tự phê bình đó.

Càng nghĩ đến thế kỷ 21 sắp tới và đến thực trạng Đảng ta, tôi càng lo lắng bồn chồn, đến nỗi nhiều lúc phải chống bút mà ứa nước mắt, không cầm được. Hình như có tờ báo nào đó ở nước ngoài có viết rằng : " Trần Độ chẳng qua là một con ngựa già đang ra sức đem sức tàn ra bảo vệ Đảng của mình". Té ra người ngoài Đảng, lại ở ngoài nước mà lại có những nhận xét thông minh hơn những kẻ gọi là người trong Đảng.

(...)

Cần phải thấy rõ nguy cơ tụt hậu.

Đất nước thì tụt hậu với thế giới, còn Đảng thì tụt hậu với xã hội và dân tộc.

Phải vượt qua nguy cơ đó bằng quan niệm : đổi mới là dân chủ hoá trong Đảng cũng như dân chủ hóa toàn xã hội. Phải quan niệm như vậy và hành động đúng như vậy.

Viết xong trong ngày kỷ niệm sinh nhật lần thứ 76.

23-9-1998

Trần Độ

Mầm mống yêu thương

phóng sự của **Tini Trần**,
Thời báo Los Angeles, thứ bảy 28/11/1998

*“ Những điều chúng tôi làm sẽ đổi cuộc đời các em ”,
một người trong đoàn y tế khoa nhi.*

Vừa qua, một nhóm các bác sĩ và y tá do bác sĩ nhi khoa Quỳnh Kiều, thuộc bệnh viện Fountain Valley (nằm gần khu “ tiểu Sài Gòn ” thuộc quận Cam, bang California, người dịch chú thích) dẫn đầu, đã trở về sau một chuyến công tác y tế tại Việt Nam. Trong ký ức họ rực rỡ kỷ niệm các bệnh nhân biểu lộ ân tình. Trong đoàn có nhiều người Mỹ gốc Việt, họ đã mang về những khả năng chủ yếu của một phòng giải phẫu hiện đại để giải phẫu chỉnh hình cho các em có gương mặt dị dạng. Nhưng họ cũng biết trước những gì chờ đợi họ khi trở lại quận Cam : sự chỉ trích. Ngay từ trước khi đi, Quỳnh Kiều nói, “ họ đã chỉ trích chúng tôi trên đài phát thanh, cho rằng chúng tôi đã tự lừa dối mình nếu chúng tôi tưởng rằng có thể làm thay đổi Cộng Sản. Nhưng chúng tôi đâu muốn thế. Chúng tôi chỉ đi để đem lại một nguồn vui mới tới cuộc đời 52 em nhỏ. Cuộc đời của một đứa trẻ đủ làm người ta chịu đựng những tranh cãi vất vảnh. ”

Viện trợ nhân đạo cho Việt Nam vẫn là một đề tài dễ sinh sự trong cộng đồng người Việt nhập cư tại Mỹ, nơi mà sự cay đắng của thời chiến trước chính quyền Cộng Sản còn gay gắt. Nhưng một thế hệ mới những người Mỹ gốc Việt đã bất chấp mọi dè bủ để về trợ giúp tại vùng đất mà cha mẹ họ đã rời bỏ. “ Đã tới lúc những người tại nơi đây nên biết rằng thế hệ trẻ vẫn mang trong lòng một mầm mống yêu thương đối với quê hương ” Kiều nói, “ điều ấy đáng được khuyến khích, thay vì bị bóp chết ”. Trước khi Hoa Kỳ bỏ cấm vận năm 1994, những người chủ trương bình thường hoá quan hệ với Việt Nam bị phản đối tới tận cổng. Những nhà kinh doanh có quan hệ với Việt Nam bị tẩy chay. Mặc dù tình hình có dịu dần đi, những người ủng hộ sự giúp đỡ đất nước vẫn dễ bị chụp mũ là thân Cộng. Tinh thần chống đối căng thẳng nhất trong thế hệ trước, những người cha, mẹ đã sống qua cái thời đảo điên khi Cộng Sản chiến thắng tại Việt Nam. Kết quả là các nhóm làm công tác nhân đạo cho Việt Nam thường âm thầm. “ Thật có nhiều người Mỹ gốc Việt trẻ đã trở về để giúp đỡ, nhưng họ vẫn ngại nói cho người khác biết ”, một người trong đoàn y tế, bác sĩ nhi khoa Trần Khánh Mai nói, “ thật đáng xấu hổ ”. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều người Mỹ gốc Việt trẻ quan tâm tới sự giúp đỡ cho tương lai đất nước nhiều hơn là về một cuộc chiến đã đi qua. “ Cha tôi không nói chuyện với tôi nữa trong sáu tháng trời, sau lần đầu tôi về Việt Nam năm 1994. Nhưng bây giờ mỗi năm tôi về một hay hai

lần ”. Trần nói. “ Tôi rất yên tâm rằng việc tôi làm là giúp đỡ người khác. ” Bác sĩ Kiều thì cho rằng điều làm cô thanh thản tham gia là tình trạng y tế quá tệ hại trên đất nước. “ Trước tỷ số trẻ em tử vong ở đó, chúng tôi biết rằng không thể đợi được nữa. Chúng tôi chấp nhận khả năng bị chụp mũ thân Cộng. ”

Chuyến công tác mười ngày do tổ chức Medical Mission Foundation đỡ đầu, tổ chức không vụ lợi này chuyên gửi các đoàn y tế tới các nước nghèo. Đoàn kỳ này có 26 người, trong đó một nửa tới từ quận Cam. Họ gồm đủ cả bác sĩ giải phẫu, bác sĩ nhi khoa, bác sĩ gây mê và y tá. Họ đã gửi đi trước một nghìn thùng thuốc và dụng cụ do các nhóm quyên góp trên khắp nước Mỹ gom lại, trong đó có Bệnh viện-Trung tâm y khoa Fountain Valley, Social Assistance Program for Vietnam (chương trình trợ tá xã hội cho Việt Nam), và tổ chức “ Đối tác ” (Counterpart).

Khi đoàn tới bệnh viện Ninh Bình, một bệnh viện với 350 giường để phục vụ cho một tỉnh 2 triệu dân, thì đã có cả một dãy các gia đình đứng đợi. Phần lớn các thân chủ của họ là trẻ em, tất cả đều bị dị dạng trên mặt, nếu không chữa sẽ ảnh hưởng đến suốt đời các em. “ Một vài trường hợp như là không thực, tưởng chỉ có trên màn ảnh, ” y tá Debra Clark nói, đó là một trong bốn người của Fountain Valley. “ Trường hợp các em đáng lẽ phải được xử lý từ lâu rồi. Những điều chúng tôi làm sẽ đổi cuộc đời các em . Thực kỳ diệu khi nghĩ rằng chính bạn đã tạo nên sự khác biệt ”. Qua năm ngày, đoàn y tế đã giải phẫu 52 ca, cắt ung bướu và chỉnh hình cho các gương mặt bị méo mó vì sút môi hay sút vòm miệng. Làm việc trong một môi trường khá chậm tiến, họ đã buộc phải tự ứng biến với những thiết bị hạn hẹp. Clark nói “ Những gì chúng tôi vẫn coi là đương nhiên có, như máy theo dõi (monitor), máy điện tâm đồ, bình oxy ... thì đơn giản là chẳng có ”. Đoàn cũng để thời gian làm việc với các bác sĩ và y tá của bệnh viện, lên lớp về những kỹ thuật y khoa mới. Kiều nói “ chúng tôi muốn đưa tới họ những công cụ để họ tự vận dụng sau khi chúng tôi đi ”.

Với y tá Mary Ann Alvarez của Fountain Valley, cô đã dùng ngày nghỉ thường niên của mình để tham gia, thì những dòng nước mắt cảm ơn của các em bệnh nhân và cha mẹ là phần thưởng cho chuyến đi. Người cha của một em bị méo vòm miệng đã tới gặp cô, cô kể lại, “ Môi đầu tôi không hiểu ông ấy nói gì. Rồi có người bảo tôi rằng ông ấy cảm ơn tôi đã đem lại nụ cười trên gương mặt con ông. Em bé đã viết hai chữ thank you bằng tiếng Anh đưa tôi ... tôi thật nóng lòng đợi chuyến đi năm tới ”. Chính vì đã trải qua những kinh nghiệm sống như vậy nên bác sĩ nhi khoa Trần thấy rằng nhất thiết cần tiếp tục công việc cô đang làm tại Việt Nam, mặc cho những chỉ trích của một số người trong cộng đồng. Cô nói : “ Tôi nghĩ rằng dần dần cộng đồng người Việt sẽ dễ chấp nhận hơn. Nhưng cũng cần thời gian. Tôi hy vọng cộng đồng sẽ nhận thức đúng công việc của chúng tôi, sẽ cởi mở và đón tiếp những người như chúng tôi muốn về làm việc tại đó ”.

(H.T. chuyển ngữ)

Festival Điện ảnh 3 Châu lục

Lá thư Nantes

Kiến Văn

Đối với người Việt Nam, Nantes gọi lên trước hết là những chiếc bánh bích qui LU nổi tiếng. Những ai theo dõi lịch sử khoa học kỹ thuật và mê truyện khoa học dự tưởng thì chắc biết Nantes là quê hương của nhà văn Jules Verne, và của hai anh em Montgolfier đã sáng chế ra quả khinh khí cầu đầu tiên, nên người Pháp đã gọi quả cầu bay đó là *montgolfière*. Cũng vì thế mà giải thưởng lớn của Liên hoan Điện ảnh 3 Châu lục ở Nantes được gọi là *montgolfière d'or, khí cầu vàng*.

Buổi đầu của chủ nghĩa thực dân, cũng như Bordeaux, Nantes đã đóng một vai trò không mấy vinh quang : hải cảng đầu mối của nghề buôn “gỗ mun”, nghĩa là buôn nô lệ người da đen từ châu Phi sang châu Mỹ (tàu buôn đi theo hành trình tam giác : vải vóc và thủy tinh sặc sỡ chở từ Pháp sang châu Phi đổi lấy “gỗ mun”, chở “gỗ mun” sang châu Mỹ đổi lấy vàng ngọc, gia vị...). Nhưng cũng chính ở Nantes, cách đây đúng 150 năm, trong những ngày cách mạng 1848, sinh viên đã xuống đường hô hào sự bình đẳng giữa các chủng tộc và đòi huỷ bỏ chế độ nô lệ. Đi đầu đoàn biểu tình, một cậu tú, sau này sẽ trở thành nhà văn mà tên tuổi gắn liền với Công xã Paris : Jules Vallès.

Để hiểu tại sao ông Jean-Joel Barrau, chủ tịch Liên hoan Nantes, đã nhắc lại sự kiện này trong buổi lễ khai mạc Festival lần thứ 20 (tối 24.11.1998). Đối với ông Barrau, Liên hoan 3 Châu lục hiển nhiên là kế thừa truyền thống của J. Vallès : ra đời năm 1979, nó nhằm mục đích khám phá và giới thiệu những “châu lục xa lạ” của điện ảnh và trợ giúp các nhà điện ảnh của thế giới thứ ba ; nói khác đi, nó có mục tiêu hỗ trợ điện ảnh các nước này kháng cự lại cỗ xe “hủ lô” khổng lồ của công nghiệp điện ảnh Hollywood, bảo vệ sự tồn tại của một nền điện ảnh nghệ thuật bên cạnh sản phẩm “kiểu Mỹ” của chính các nước ấy.

20 năm, khoảng 1000 cuốn phim của 3 châu, thực ra là 4 châu : ngoài các châu Á, châu Phi và châu Mỹ La tinh, hai anh em Jalladeau, ngay từ năm 1979, đã giới thiệu cả điện ảnh của người da đen Bắc Mỹ mà trước đó hầu như không ai được biết. Á, Phi, Mỹ Latinh... nghe như tên tổ chức đoàn kết chống đế quốc thời mô ma chủ nghĩa xã hội hiện thực. Đúng là ở cuối thập niên 70, phong trào giải phóng dân tộc còn mạnh, và Liên hoan điện ảnh Nantes đương nhiên có tính chất tiến bộ. Nhưng nếu nó chỉ đơn thuần là một tổ chức “đoàn kết”, dù là trong lãnh vực nghệ thuật thứ bảy, thì chắc ngày nay nó đã mờ nhạt đi rồi, hay đúng hơn, “sè sè nắm đất bên đường” chẳng ai còn nhớ tới nữa. May thay, trước hết nó là một liên hoan điện ảnh, là đứa con đẻ của một đam mê điện ảnh hiếm có.

Đó là đam mê của hai anh em Philippe và Alain Jalladeau. Anh (Philippe) năm 1979 đi dạy học tại một trường kỹ thuật

sau khi tốt nghiệp công nghệ học ở California (đồng thời theo học khoá điện ảnh của Trường đại học California). Em (Alain) tốt nghiệp luật học, và ngồi cạo giấy tại một văn phòng thừa phát lại. Nhưng đam mê của hai anh em Jalladeau là điện ảnh : họ là những đứa con tinh thần của Henri Langlois, người đã dành trọn cuộc đời cho việc sưu tập và lưu trữ phim ảnh, người đã sáng lập ra Phim viện của Pháp (*Cinémathèque française*) – có dịp, tôi sẽ trở lại viện phim này, nay chỉ xin mở ngoặc để nói rằng ở đây còn lưu trữ được một vài cuốn phim Việt Nam hồi đầu thập niên 50 mà chính đạo diễn và hãng sản xuất cũng không còn trong tay nữa. Cả một thế hệ thanh niên Pháp đã làm sống những câu lạc bộ điện ảnh, chiếu những tác phẩm kinh điển của điện ảnh thế giới mà phần lớn các nhà điện ảnh Việt Nam hiện nay chưa được xem, dù là trên màn ảnh nhỏ.

Hai mươi năm qua, Philippe và Alain Jalladeau đã chia nhau đi khắp bốn châu để tuyển chọn các bộ phim dự thi hoặc chiếu giới thiệu. Sự chọn lựa của họ tất nhiên không theo chủ nghĩa “cơ cấu” của Mặt trận Tổ quốc, hay dựa vào sự “gợi ý” của chính quyền nào, mà nhằm phát hiện những tác phẩm nghệ thuật, những tác giả. Kết quả, như mọi người đều biết : những tên tuổi của điện ảnh 3 châu đã được các liên hoan phim nổi tiếng như Cannes, Venise, Berlin... thừa nhận trong thập niên vừa qua, phần lớn đều đã được “phát hiện” trước đó tại Nantes. Chỉ xin đơn cử một vài ví dụ : Y. Chahine (Ai Cập), Trần Khảica (Chen Kaige, Trung Quốc), S. Cissé (Mali), Hâu Hiếuhiên (Hou Hsiao-hsien, Đài Loan), S. Imamura (Nhật), A. Kiarostami (Iran), Sài Minhlượng (Tsai Ming-liang, Đài Loan), Vương Giavê (Wang Karwai, Hongkong)...

Nhưng nói đến Nantes, không thể không nói tới công chúng của Liên hoan phim. Trong suốt 7 ngày, từ ba đến bốn chục ngàn người sắp hàng để xem phim, bỏ phiếu, thảo luận với các đạo diễn hay diễn viên... (năm 1996, chính công chúng Nantes đã bình bầu *Thương nhớ đồng quê* của Đặng Nhật Minh là phim hay nhất). Từ một tháng trước, các trường trung học trong tỉnh đã “chuẩn bị” tham gia liên hoan bằng những bài thuyết trình, những hồ sơ về điện ảnh của một nước. Trong tuần lễ liên hoan, bên cạnh hai ba số báo của Liên hoan, học sinh và giáo sư ra một tờ báo riêng, tuyển chọn phim và đăng những bài phê bình cây nhà lá vườn...

Để đánh dấu 20 năm liên hoan, ban tổ chức đã có sáng kiến là ngoài 40 phim tuyển chọn (trong đó có 9 phim dự thi), đề ra một chương trình “hợp tuyển” độc đáo : 17 đạo diễn khách mời đặc biệt (trong đó có những người đã kể tên ở trên), mỗi người chọn hai tác phẩm : một của mình và một của một đồng nghiệp hoặc một bậc thầy mà mình ngưỡng mộ. Nhờ đó mà năm nay, công chúng được dịp xem lại chẳng hạn kiệt tác *Hoàng thổ* (Terre Jaune) của Trần Khảica và *Rashomon* của Akira Kurosawa (cây đại thụ của điện ảnh Nhật Bản, vừa từ trần tháng 9 vừa qua), do họ Trần đề nghị. Còn đạo diễn Nelson Pereira dos Santos (Brasil) thì chọn phim *Como era gostoso o meu francês* (Tây Pháp của tôi ngon thịt quá, 1971) của ông và giới thiệu phim *Central do Brasil* (của Walter Salles, vừa đoạt giải *Con gấu vàng* năm 98 tại Berlin, hiện đang chiếu ở Paris, rất hay)...

(xem tiếp trang 26)

điểm phim Việt Nam

Hải Nguyệt

Kiến Văn

Có thể nói vui và chắc nịch, không sợ ai phản đối : đây là cuốn phim truyện hay nhất trong năm 1998 của Việt Nam. Lý do khá đơn giản : đó là cuốn phim (nhựa) điện ảnh duy nhất đã làm xong từ đầu năm 1998 tới nay (ít nhất là dựa trên những tin tức của chúng tôi ; còn Thông tấn xã Việt Nam đã đưa một con số lớn hơn, nhưng các phim mà bản tin TTXVN kể tên lại toàn là những phim sản xuất năm 1997 như *Ai xuôi vạn lý*, *Giải hạn...*). Ta cũng không nên vội rút ra kết luận quá bi quan từ con số 1 thê lương này, vì một số phim trong kế hoạch 1998 bị chậm trễ vì lý do kỹ thuật, chắc sẽ hoàn thành vào đầu năm 1999. Tuy nhiên, với ngân sách 9 tỷ đồng cho năm 1998 (thay vì 12 tỷ cho năm 1997), sản xuất điện ảnh của Việt Nam chỉ có thể sụt xuống so với năm trước (6 phim).

Một lần khác, cũng cản trở lại cuộc khủng hoảng của điện ảnh Việt Nam, phân tích những nguyên nhân chung (cho cả vùng Đông Nam Á) cũng như những nguyên nhân đặc thù của nó. Ở đây, nhân dịp năm mới chỉ xin cầu mong điện ảnh Việt Nam sớm vượt qua cơn hiểm nghèo, bởi vì mặc dầu còn non kém nhiều mặt, nó xứng đáng tồn tại, và không những thế, nó chuyên chở nhiều hứa hẹn. Kỳ trước, chúng tôi đã giới thiệu hai phim tài liệu giá trị : *Trở lại Ngụ Thủy* của Lê Mạnh Thích và *Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai* của Trần Văn Thủy. Kỳ này, xin nói riêng về phim truyện *Hải Nguyệt* của đạo diễn Trần Mỹ Hà, vừa được trình chiếu ở Bruxelles (tháng 10.98), Liên hoan Phim 3 Châu lục ở Nantes (11.98), Liên hoan Phim Châu Á Thái Bình Dương ở Đài Bắc (12.98).

Nói *Hải Nguyệt* là cuốn phim hay nhất năm 98 của Việt Nam, như ở trên, là một lời khen không mấy tốn kém, và rất oan cho nó. Thực ra, và cũng đáng mừng, đây là một cuốn phim giá trị, nhất là nó lại lại là tác phẩm điện ảnh đầu tay của Trần Mỹ Hà.

Sinh năm 1956, Trần Mỹ Hà cùng tuổi với Lưu Trọng Ninh (*Canh bạc*, *Hãy tha thứ cho em*, *Ngã ba Đồng Lộc*) và Lê Hoàng (*Luôi dao*, *Ai xuôi vạn lý...*). Anh làm việc ở Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh và đã thực hiện nhiều phim tài liệu và hai phim truyện truyền hình.

Bước vào điện ảnh, Trần Mỹ Hà đã chinh phục khán giả bằng con mắt ống kính của anh : anh đã khéo chọn các diễn viên, chỉ đạo diễn xuất của họ, cũng như anh đã tỏ rõ tài năng trong bố cục của mỗi hình ảnh. Cố nhiên, tác phẩm đầu tay này còn nhiều nhược điểm, đặc biệt trong hai khâu dựng phim và âm nhạc (Phú Quang là tác giả những bài ca hay, nhưng nhạc phim có những đòi hỏi về ngữ pháp mà anh chưa làm chủ được). Mặc dầu những hạn chế về kỹ thuật và những nhược điểm vừa kể, *Hải Nguyệt* cho người xem cảm thấy rõ tác giả của nó là người mê nghề, và tin rằng anh sẽ đi xa.

Cuốn phim được phục vụ bởi một kịch bản tốt của Nguyễn Thị Minh Ngọc. Hải Nguyệt là tên nhân vật chính trong phim : cô con gái một gia đình làm nước mắm ở Phan Thiết, sau năm 1975 khi gia đình vượt biển (như hầu hết các chủ nhà lều nước mắm) quyết định ở lại. Hải Nguyệt ở lại không do một chọn lựa chính trị (chị cô mới là người có cảm tình với phía cách mạng, mà rút cuộc cũng bỏ đi) mà có thể nói là do nhân cách. Cô là một cá tính mạnh mẽ, và cô quyết chí tiếp tục sự nghiệp của bà cố, người đã lập ra cơ ngơi của dòng họ, cả cuộc đời gắn bó với nghề nước mắm như một chủ ruộng nho của Pháp thân thiết với rượu vang). Với cá tính ấy, cố nhiên Hải Nguyệt sẽ *lãnh đủ* dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, ít nhất trong thời kỳ hợp tác hoá xã hội chủ nghĩa, đó là không kể rằng đại diện của chủ nghĩa xã hội ở đây lại là những con người cụ thể, có quan hệ tình cảm yêu/ghét khá mãnh liệt (Phi và Nụ).

Về một mặt nào đó, có thể nói *Hải Nguyệt* là cuốn phim khá mạnh dạn : có lẽ đây là cuốn phim đầu tiên có cảnh vượt biên, có cảnh đập phá những thùng nước mắm không đúng lập trường (và đập luôn cả sản xuất nước mắm của Phan Thiết, báo hại chúng ta bao năm phải ăn nước mắm Thái Lan)... Người biết rõ thực tế Phan Thiết những năm 1975-90 cũng có thể chê là cuốn phim còn nhẹ tay. Nhưng thực ra, điều này không mấy quan trọng : chủ đề cuốn phim không phải là một câu chuyện xã hội - chính trị, mà là lịch sử một gia đình, hành trình của một cá tính được khẳng định qua những thử thách. Đó là giá trị nhân bản, là mặt mạnh của *Hải Nguyệt*. Có tiếc chằng là nhiều khi cá tính ấy thể hiện chưa mạnh mẽ đủ liều lượng, câu chuyện đôi lúc hơi *mê li mê lô*, hơi *cải lương* một chút. Đôi lúc thôi, chứ nhìn toàn cục, tác giả đã làm chủ được các tình huống và các diễn viên đã nhập vai khá tự nhiên, không rơi vào lối diễn xuất khá cải lương của nhiều phim sản xuất ở thành phố. Nổi bật là Hồng Ánh (diễn viên múa, đóng vai Hải Nguyệt lúc lớn) và các diễn viên thủ vai bà cố, ông Ngừ (người viết bài xin lỗi không kịp ghi tên) .

Địa chỉ điện tử (Email) của Diễn Đàn :
diendan@wanadoo.fr

Từ nay, bạn đọc có thể đọc một số bài Diễn
Đàn trên mạng INTERNET ở địa chỉ :
<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Diễn Đàn kính chúc bạn đọc một
năm mới Kỳ Mão 1999
sức khoẻ, hạnh phúc
và thành công

(tiếp theo trang 24)

Bảng vàng năm nay của Nantes ra sao ? Anh em Jalladeau cho rằng năm nay điện ảnh 3 châu lục không được mùa : họ chỉ tuyển chọn 9 phim dự thi (thay vì 10, 12 phim như mọi năm). Ban giám khảo đã trao tặng giải *Khí cầu vàng* cho hai phim : *Xiao Wu* (Tiểu Vũ) của Jia Zhangke (Giả Chươngkha, Trung Quốc) và *After Life* (Sau cuộc sống) của Kore-eda Hirokazu (Nhật Bản).

Trên nguyên tắc, *Xiao Wu* (Tiểu Vũ) sẽ được chiếu trong tháng 1.99 tại Paris. Xin mời bạn đọc đi coi trước. Tạm thời, chỉ xin cung cấp một vài thông tin liên quan tới tác phẩm đầu tay này của Giả Chươngkha (sinh năm 1970, vừa tốt nghiệp Trường điện ảnh Bắc Kinh năm 1997). Phim này được thực hiện với một ngân sách rất nhỏ : 50 000 USD (tất nhiên còn đắt hơn *Hải Nguyệt* của Trần Mỹ Hà : 30 000 USD, nhưng đại khái là tương đương với ngân sách trung bình của phim Việt Nam hiện nay). Nó rất rẻ so với những phim do nhà nước Trung Quốc tài trợ (trung bình 300 000 USD) : *Tiểu Vũ* do vốn tư nhân, đạo diễn phải chạy vốn lấy, diễn viên đều là nghiệp dư, bạn bè của tác giả. Một thị trấn nhỏ thời mở cửa, một tay anh chị nhỏ, ăn cắp vặt, trong khi thằng bạn đồng nghiệp cũ đã trở thành doanh nhân vai vế trong vùng. Bạn lấy vợ mà không thèm mời mình, Tiểu Vũ chôn nỗi buồn ức trong mối tình hờ với cô gái hát *karaoke*... Câu chuyện đơn giản, nhưng là cả một bức tranh hiện thực của xã hội Trung Quốc, khá gần với xã hội Việt Nam. Một cuốn phim khiêm tốn nhưng rất hiệu quả.

After Life là cuốn phim truyện dài thứ nhì của Kore-eda Hirokazu (sinh năm 1962). Chủ đề và ngôn ngữ độc đáo : trong một trạm “trung chuyển” giữa cõi trần và thượng giới, những người vừa từ trần được tiếp đón bởi một êkíp chiêu đãi viên. Êkíp này có nhiệm vụ hỏi chuyện với từng người để mỗi người chọn lấy một kỷ niệm đáng nhớ nhất trong đời, rồi làm thành một cuốn phim video để mang sang thế giới bên kia. Câu chuyện tưởng tượng ấy cố nhiên chỉ là một cái cớ để tác giả nhìn vào *thế giới bên này*, nhìn vào cả cái *thế giới con con* của điện ảnh.

Kiến Văn

Thông báo của Hội Cam Tuyền

TRỢ GIÚP SINH VIÊN CAO HỌC

Số báo tháng 5 vừa qua của ASIaweek có đăng một bài nghiên cứu dài về các trường đại học châu Á và châu Úc, và dựa trên nhiều tiêu chuẩn, xếp hạng các trường. Trong bảng này, Đại học Quốc gia Việt Nam đứng hàng 62 trên 65 đại học liệt kê, sau cả những đại học nhỏ của Malaysia, Sri Lanka, Phi Luật Tân...

Dù nhìn về khía cạnh nào, kết quả trên cũng là tiêu biểu cho tình trạng hiện hữu của Đại học Quốc gia Việt Nam nói riêng và của nền giáo dục Việt Nam nói chung. Tình hình hiện nay là :

- thiếu giáo sư giỏi để giảng dạy trong các trường đại học
- thiếu sinh viên có khả năng chọn đi theo ngành giáo dục.

Nếu kéo dài, tình trạng này sẽ là một cản trở lớn cho sự mở mang công nghiệp, kinh tế và khoa học của Việt Nam.

Chương trình trợ giúp sinh viên cao học của Hội Cam Tuyền (do cố giáo sư Hoàng Xuân Hãn sáng lập) có mục đích đóng góp vào việc đào tạo giáo sư đại học. Hiện có hai chương trình :

1. Chương trình học bổng cho nghiên cứu sinh

Đây là chương trình hướng dẫn làm luận án tiến sĩ chung (co-tutelle) giữa các đại học Việt Nam và Pháp. Hội có nhiệm vụ bắc cầu hợp tác giữa các giáo sư ở Pháp và ở Việt Nam, cấp học bổng [4000 F/năm] để nghiên cứu sinh có tạm đủ phương tiện sinh sống.

Trong mấy năm qua, Hội đã giúp 2 nghiên cứu sinh :

- anh Đặng Đình Trọng (dưới sự đồng hướng dẫn của các giáo sư Đặng Đình Ấng và Alain Damlamian) bảo vệ luận án tiến sĩ tại Ecole Polytechnique năm 1996,

- anh Đinh Ngọc Thanh (dưới sự đồng hướng dẫn của các giáo sư Đặng Đình Ấng và Alain Grigis) bảo vệ luận án tiến sĩ tại Trường đại học Paris 13 Villetaneuse năm 1998.

[Chi phí máy bay khứ hồi do sứ quán Pháp ở Hà Nội và trung tâm CNRS đài thọ]

Hiện nay, Hội đang bảo trợ cho hai người khác :

- Anh Nguyễn Thành Quang, giảng viên Đại học Vinh, chuẩn bị luận án dưới sự hướng dẫn của các gs. Hà Huy Khoái (Viện Toán, Hà Nội) và A. Panchi skin (Viện Fourier, Grenoble)

- Anh Phạm Việt Sơn, giảng viên Đại học Đà Lạt, dưới sự hướng dẫn của các gs. Hà Huy Vui (Viện Toán, Hà Nội) và Lê Dũng Tráng (ĐH Marseille).

Hiện còn hai hồ sơ xin trợ cấp của các anh Hoàng Lê Mai (ĐHQG Hà Nội) và Phan Nhật Tĩnh (ĐH Huế). Như vậy, để bảo trợ 4 nghiên cứu sinh kể trên, hội cần **16 000 FF/năm** cho những năm tới.

2. Chương trình trợ giúp sinh viên tài năng

Một lớp đào tạo đặc biệt lấy tên là **Lớp cử nhân khoa học tài năng** đã được thành lập tại Đại học Quốc gia Hà Nội với mục đích hướng dẫn sinh viên đi tới trình độ tiến sĩ để trở thành giáo sư đại học tương lai. Việc này hoàn toàn phù hợp với chương trình trợ giúp sinh viên cao học của Hội Cam Tuyền. Sự tham gia của Hội nhắm hai điểm chính :

- cấp học bổng cho những sinh viên nghèo
- cung cấp tài liệu giáo khoa

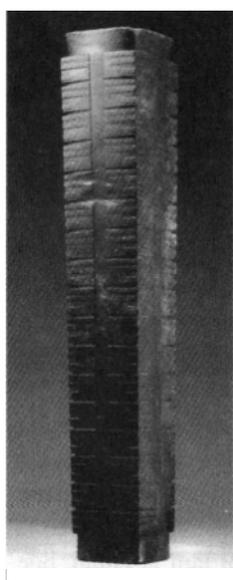
Hội đã nhận giúp 14 học bổng (1200 F/năm) cho 2 năm đầu, tổng cộng là **16 800 F/năm** (dự tính số học bổng sẽ tăng trong những năm tới). Quý vị hảo tâm muốn đóng góp vào hai chương trình trên, xin liên lạc với một trong những người đứng tên dưới đây : **Lê Văn Cường** (CEPREMAP, 140 rue du Chevaleret, 75013 Paris, đt 01 40 77 84 63), **Đỗ Đăng Giu** (LPTHE, Bat 211, Unive rsi té Pa ri s Sud, 91405 Orsay, đt 01 69 15 62 59), **Nghiêm Xuân Hải** (38 rue de Lozere, 91400 ORSAY, đt 01 60 40 42 25), **Phạm Huy Hùng** (Ecole St-Michel, 53 rue de la gare Reuilly, 75012 PARIS, đt 01 40 96 84 49), **Phạm Xuân Yêm** (LPTHE, Tour 16

Triển lãm
nghệ thuật cổ
Trung Quốc
ở Grand Palais, Paris
(từ 22-10-98 đến 25-01-98)

Văn Ngọc

Cuộc triển lãm những bảo vật thuộc bộ sưu tập của hoàng cung Trung Quốc, do Viện bảo tàng quốc gia Đài Bắc phối hợp với các cơ quan văn hoá Pháp ⁽¹⁾ thực hiện ở Grand Palais, một trong những cung triển lãm nổi tiếng nhất của thủ đô Paris, quả là xứng đáng với tầm quan trọng của kho tàng nghệ thuật này.

Hơn 300 hiện vật đã được trình bày và giới thiệu một cách trang trọng và mỹ thuật, bằng những kỹ thuật hiện đại nhất.



Ống ngọc thông

Nhiều bảng chú thích và đồ hình giải thích từ kỹ thuật đúc đồng thau đời nhà Thương, nhà Chu, đến những bí quyết của nghệ thuật thư pháp. Những đồ đồng, đồ gốm, đồ sứ, đều được trưng bày trong các tủ kính có rọi đèn sáng đủ để cho người xem nhìn thấy rõ từng chi tiết nhỏ. Những hoạ phẩm và bút thiếp (thư pháp) được trình bày chung trong những gian phòng lớn, càng cho thấy rõ thêm mối quan hệ mật thiết giữa hai ngành nghệ thuật này.

Đây là lần đầu tiên một bộ phận của bộ sưu tập của hoàng cung Trung Quốc được đem sang Âu châu trưng bày, sau khi được đưa sang Mỹ triển lãm năm 1996.

Bộ sưu tập này có một lịch sử lâu đời vào bậc nhất thế giới. Khởi đầu từ đời vua Vũ đế nhà Hán (140-87 tr. C.N.), nó đã được tiếp tục qua các đời Tuỳ, Đường. Huyền Tông (712-756), đời nhà Đường, là một trong những ông vua đầu tiên đã bỏ ra nhiều công lao cho việc này. Đến đời nhà Tống, bộ sưu tập lại được bổ sung bởi Thái Tông (976-997) và sau đó bởi Huệ Tông (1101-1125), một trong những vị hoàng đế tài hoa nhất của lịch sử Trung Quốc, ông vừa là một hoạ sĩ có tài, lại có nhiều hiểu biết về nghệ thuật cổ đại, đặc biệt về các đồ đồng thau đời nhà Thương, nhà Chu. Sau này, đến đời nhà Thanh, cũng lại có nhiều ông vua khác như Khang Hi, Càn Long, đều là những người quan tâm đến nghệ thuật và đã làm giàu thêm cho bộ sưu tập này ⁽²⁾.

Trải qua hơn hai ngàn năm, bộ sưu tập vẫn được lưu giữ trong hoàng cung, và vẫn chỉ dành riêng cho các vua chúa sử dụng và thưởng ngoạn, cho mãi đến khi vị vua cuối cùng nhà Mãn Thanh bị truất ngôi (1911). Kịp đến cuộc chiến tranh

Trung Nhật (1932), năm 1933, chính quyền Tưởng Giới Thạch cho đóng gói thành 20 000 hòm lớn nhỏ để di chuyển xuống Thượng Hải tránh quân Nhật. Ở đây, trong bốn năm, bộ sưu tập đã được kiểm kê lại. Sau đó, năm 1936, được chuyển xuống Nam Kinh, rồi xuôi sông Dương Tử, tới Hồ Nam, Tứ Xuyên. Năm 1947, khi trở về lại Nam Kinh, còn 13 400 thùng. Nội chiến bùng nổ. Năm 1948, chính quyền Tưởng Giới Thạch cho chuyển những bảo vật này sang Đài Loan. Lúc này bộ sưu tập còn đúng 4 000 thùng. Năm 1965, một Viện bảo tàng quốc gia, mang tên Musée National du Palais, được kiến thiết ở Đài Bắc để bảo quản bộ sưu tập này và bổ sung thêm cho tới ngày nay. Hiện nay, tại Viện bảo tàng này có tới 600 000 hiện vật, trong đó có 4000 hiện vật bằng ngọc thạch, 24 000 hiện vật bằng đồ gốm, 10 000 hoạ phẩm và bút thiếp.

Cuộc triển lãm ở Grand Palais gồm có tất cả 344 hiện vật, trong đó có 238 hiện vật bằng ngọc thạch, đồng thau, gốm, sứ ; 106 hoạ phẩm và bút thiếp.

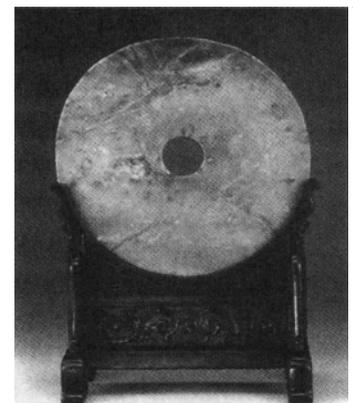
Niên kỷ của những hiện vật bằng ngọc thạch lên đến đời Ngũ Đế (văn hoá Lương Chủ, vùng Giang Tô-Triết Giang, 3200-2000 tr. C.N.), và đời nhà Hạ (2200-1700). Niên kỷ của các đồ đồng thau lên đến đời nhà Thương (1600-1200), nhà Chu (1100-221), nhà Hán (206 tr. C.N.-220 s. C.N.), v.v... Các hoạ phẩm và bút thiếp có niên kỷ từ các đời Đường (618-907), Tống (960-1279), Minh (1368-1644), Thanh (1644-1911).

Theo một trình tự lô gích, cuộc triển lãm mở đầu với những hiện vật cổ nhất và đồng thời cũng là những hiện vật đập vào mắt người xem nhất, bởi vì đối với số đông, đây là lần đầu tiên họ được nhìn thấy tận mắt những hiện vật này.

Đó là những chiếc ống ngọc Thông, những chiếc đĩa ngọc Tất (văn hoá Lương Chủ), những chiếc lệnh bài ngọc Khuê (đời nhà Hạ) ; đó còn là những chiếc lư, chiếc đỉnh bằng đồng thau đời nhà Thương, nhà Chu.

Những hiện vật này xưa vẫn dành cho việc cúng tế trong hoàng cung, và khi vua chết thường được táng theo vào các lăng mộ của nhà vua. Chiếc ống ngọc Thông, tượng trưng Đất, với hình khối đơn giản, tỷ lệ cân đối, rõ ràng là một sản phẩm đã được thực hiện với một sự hiểu biết nhất định về hình học và một trình độ thẩm mỹ tinh tế. Chiếc đĩa ngọc Tất, tượng trưng Trời, cũng thể hiện một quan niệm độc đáo về hình khối. Hai hiện vật này tương phản nhau về ý nghĩa tượng trưng cũng như về hình dạng và chất liệu : chiếc ống ngọc Thông, hình khối vuông vắn, chắc nịch, được làm bằng ngọc thạch màu lục đậm ánh sáng không lọt qua được, trong khi chiếc đĩa ngọc Tất, tròn, và dẹt, lại được làm bằng ngọc thạch màu hổ phách nhạt, nên trông sáng sủa hơn.

Nếu chiếc ống ngọc Thông không gọi cho ta nghĩ đến một hiện vật nào quen thuộc, thì chiếc đĩa ngọc tất, ngược lại có thể là tổ tiên của chiếc “ đĩa ” hình mặt trăng, hay hình hòn ngọc,



Đĩa ngọc tất

nằm giữa hai con rồng châu trên mô típ “ Lưỡng long châu nguyệt ”, hay “ Lưỡng long tranh châu ”, thường gặp trên tranh tượng truyền thống, hoặc trên các mái đình, chùa (3).

Hiện vật thứ ba bằng ngọc thạch màu ngà, có niên kỷ muộn hơn (đời nhà Hạ, 2200-1700), là tấm lệnh bài ngọc Khuê, một hiện vật thể hiện quyền lực của nhà vua. Người ta cho rằng hình dạng của chiếc lệnh bài này có nguồn gốc từ lưỡi rìu đá Việt tượng trưng cho uy quyền của người tù trưởng ngày xưa.

Bên cạnh những hiện vật bằng ngọc thạch với hình khối đơn giản, thanh nhã kể trên, những chiếc lư, chiếc đỉnh bằng đồng thau đời nhà Thương, nhà Chu, ngược lại, thuộc một quan niệm thẩm mỹ khác hẳn.

Với kiểu dáng đồ sộ, đôi khi nặng nề, những hiện vật này toát ra một mãnh lực huyền bí, gây ấn tượng mạnh mẽ nơi người xem. Chất liệu và màu sắc của đồng thau cũng góp phần gây nên ấn tượng này. Các mô típ đắp nổi và các đường khắc chìm tạo nên sự tương phản giữa những chất liệu khác nhau, thể hiện một quan niệm nghệ thuật rất gần gũi với những quan niệm hiện đại. Người ta thường cho rằng nghệ thuật đời nhà

Thương đã chịu ảnh hưởng của nghệ thuật các dân tộc du mục ở các vùng thảo nguyên phía tây Trung Quốc. Ngoài ra, thời đại nhà Thương, nhà Chu là một thời đại chiến tranh, giặc giã, liên miên, nên ngoài tính chất huyền bí có nguyên nhân từ những tín ngưỡng nguyên thủy, nền nghệ thuật này còn mang một tính chất “ võ biến “ khá rõ rệt. Nhiều hiện vật bằng đồng



Đỉnh đời nhà Thương

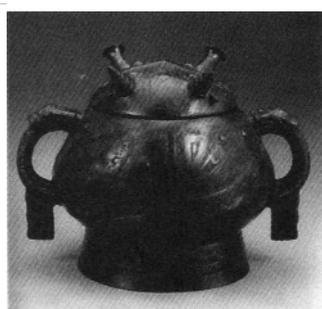
thau của thời kỳ này không khỏi gợi nghĩ đến những chiếc mặt nạ có hình thù dữ tợn, đôi khi có cả sừng, và những bộ áo giáp thờ của những võ sĩ Nhật Bản thời trung cổ.

Trong nghệ thuật đồ đồng thau đời nhà Thương, nhà Chu, còn có một điểm đáng chú ý nữa là sự phân loại rất tỉ mỉ các hình dạng hiện vật, mỗi loại hình dạng mẫu (kiểu dáng) đều mang một tên riêng, chẳng hạn như hình dạng loại bình có ba chân được gọi là *giác*, hình dạng chiếc lư có ba chân gọi là *tôn*, v.v...

Đồ gốm và đồ sứ tuy không chiếm một bộ phận quan trọng trong triển lãm, song vẫn giữ một địa vị xứng đáng do chất lượng của chúng. Những chiếc bình đời Bắc Tống (910-1125),

Nam Tống (1127-1279), cũng như những chiếc bát có chân đời nhà Minh (1368-1644), với những chất men rạn tinh xảo và thanh nhã, quả là những tác phẩm đã đạt tới những đỉnh cao của ngành nghệ thuật này.

Về hội họa và thư pháp, cuộc triển lãm cho thấy nhiều



Đỉnh đời nhà Chu

tác phẩm có giá trị, song cũng ít tác phẩm có niên kỷ xưa hơn đời nhà Đường. Điều này cũng dễ hiểu, phần lớn những họa phẩm hoặc bút thiếp thực hiện trên giấy hoặc trên lụa đều đã bị huỷ hoại qua thời gian và qua các cuộc chiến tranh trong lịch sử Trung Quốc. Ngay cả những công trình kiến trúc bằng gỗ như điện đài, chùa chiền cổ cũng đã như thế rồi.

Hiện nay, những họa phẩm cổ nhất còn giữ được cũng chỉ có niên kỷ không xưa hơn đời Hán (206 tr. C.N.-220 sau C.N.), hoặc đời Lục Triều (220-589).

Bức tranh lụa cổ nhất trong triển lãm là bức tranh *Ngựa và mã phu* của Hàn Cán, được vẽ vào những năm 742-756, đời nhà Đường.

Qua cuộc triển lãm này, người ta lại có một dịp để tìm hiểu thêm về hội họa cổ đại Trung Quốc, và mối quan hệ của nó với thư pháp.

Ảnh hưởng của thư pháp lên hội họa, hay ngược lại, của hội họa lên thư pháp, chắc hẳn đều có, trên cả hai chiều. Đó cũng là lẽ tự nhiên, vì cả hai cùng dựa vào những qui ước thẩm mỹ chung, sử dụng cùng những vật liệu, chất liệu, và dụng cụ, hết đời này qua đời khác. Kỹ thuật cũng có nhiều điểm tương tự. Song, một trong những qui tắc chung quan trọng nhất có lẽ là : vẽ hay viết đều phải xuất phát từ nội tâm là chính, bức tranh hay bức bút thiếp trước hết phải thể hiện được cái ý có sẵn trong đầu của tác giả (cái ý bao gồm cả nội dung tư tưởng lẫn hình thức diễn đạt) ; cũng như nhịp điệu là cốt yếu (do đó các hình thể như núi non, mây, nước, cây cối thường được cách điệu hoá) ; sự hài hoà chung, hay sự đồng nhất của toàn bộ bức tranh quan trọng hơn chi tiết, v.v....

Để minh họa điểm này, chỉ cần nhận xét rằng trên các bức họa phong cảnh, ngoài sự cách điệu hoá ra, trong chi tiết, cách vẽ cây của người xưa đôi khi cũng tương tự như cách vẽ núi đá, lúc đậm lúc nhạt, với những chi tiết đặc thù thể hiện nhịp điệu của chúng, điều này dẫn đến một sự đồng nhất về phong cách trên toàn bộ bức tranh. Đây không phải là một tiểu xảo, mà chính là một qui tắc thẩm mỹ. Nó còn quan trọng hơn cả sự giống hay không giống như thật của cái cây, của tảng đá, hay của vị trí mỗi vật, so với thực tế. Chúng ta có thể thấy được những đặc điểm này trên rất nhiều bức họa, ở nhiều thời kỳ khác nhau : *Tìm đường trong núi vào mùa thu* (Thư Nhiên, 960-980 Bắc Tống), *Cây mùa đông* (Quách Hy, 1001-1090, Bắc Tống), *Nhìn suối chảy dưới gốc tùng* (Vô danh, Nam



Thư Nhiên, *Tìm đường vào núi*



Tống, *Đàm đạo bên bờ nước* (Hà Quý, Nam Tống), *Trừ ma quý trong rừng mùa đông* (Văn Chính Minh, 1470-1559, đời nhà Minh), v.v...

Nhìn sâu vào nội dung tư Bút tích của Huyền Tông (685-762) tưởng của những bức tranh phong cảnh này, người ta có một nhận xét là người xưa tuy vẽ thiên nhiên, mà dường như muốn thể hiện một cái gì bao la hơn, trong đó có thiên nhiên và con người. Cái ý niệm về một sự bao, không nhìn thấy được, không nói lên được ấy, rất có thể đã đượm cái triết lý về Đạo của Lão tử.

Về mối quan hệ giữa thư pháp và hội hoạ cổ đại Á đông, thì thực ra hai ngành nghệ thuật này chỉ gắn liền mật thiết với nhau từ khi có cây bút lông, mà sự ra đời của cây bút lông thì niên đại chưa được xác định một cách rõ ràng lắm. Tuy nhiên, những chứng tích còn giữ lại được cho phép khẳng định rằng tranh lụa được vẽ bằng bút lông bắt đầu từ đời nhà Hán (4), còn chữ viết bằng bút lông có lẽ đã xuất hiện từ sớm hơn nhiều.

Cũng bắt đầu từ đời nhà Hán trở đi, thư pháp biến đổi ngày một nhanh chóng (5) và trở thành một ngành nghệ thuật đứng ngang hàng với hội hoạ.

Bằng con mắt của người ngày nay, chúng ta còn ghi nhận ở thư pháp một điểm lý thú khác. Đó là một nghệ thuật tạo hình giàu tính chất trừu tượng, mặc dầu mỗi chữ viết ra đều bao hàm một ý nghĩa cụ thể. Với những tiêu chuẩn thẩm mỹ của nó, thư pháp thật sự là cả một trường rèn luyện về thẩm mỹ. Một người giỏi về thư pháp không thể nào không nắm vững những khái niệm về nhịp điệu, về sự sống động trong nghệ thuật (cái “thần” trong hội hoạ, hoặc “chữ viết như rồng bay phượng múa” trong thư pháp); về sự tương phản (khái niệm “chấm phá”); về sự cân đối về bố cục của một tấm bút thiếp, cũng như của một bức hoạ.

Nhờ ở cuộc triển lãm này, người ta đã được chiêm ngưỡng bút tích của hai vị hoàng đế Trung Quốc, vị thứ nhất là Huyền Tông (685-762, đời nhà Đường), vị thứ hai là Huệ Tông (1082-1151, đời Bắc Tống).



Chu Đại, *Án sĩ*

Ngoài ra, còn có bút tích của hai nhân vật khác cũng giỏi về thư pháp, đó là các nhà thơ Hoàng Đình Kiên (1045-1105), đời Bắc Tống và Vương Đa (1592-1652), đời nhà Minh.

Về hội hoạ, các bức chân dung nhân vật thường đi theo một truyền thống khá hiện thực từ những thời xa xưa, mặc dầu mỗi thời đều có những nét khác biệt về phong cách: *Người mã phu* của Hàn Cán, đời nhà Đường, *Chân dung hoàng đế Huệ Tông*, Khuyết danh, đời

nhà Tống.

Trường phái thiên, ngược lại, vẫn có một phong cách diễn đạt độc đáo, đặc biệt, cốt thể hiện cái ý *thoát tục* qua những nét bút khoáng đạt, tự phát. Phong cách thiên có lẽ là phong cách gần nhất với thư pháp. Lương Khải (đầu thế kỷ 13) với bức *Án sĩ*, và Chu Đại (biệt hiệu Bá Đại Sơn Nhân, đầu đời nhà Thanh) với bức *Sen và đá*, là hai đại diện xuất sắc của trường phái này, tiếp tục một truyền thống có từ Vương Duy, đời nhà Đường.

Những tác phẩm hội hoạ được trưng bày ở cuộc triển lãm này, tuy không nói lên được đầy đủ mọi khía cạnh của nền hội hoạ cổ đại Trung Quốc, song cũng cho phép chúng ta có một ý niệm về trình độ nghệ thuật và sự phong phú của nó qua các thời đại. Một số tác phẩm đã đạt đến trình độ cổ điển, và đã là những mẫu mực cho nhiều thế hệ hoạ sĩ sau này, như bức *Ngựa và mã phu* của Hàn Cán, cùng những bức thuỷ mặc vẽ phong cảnh như *Tìm đường trong núi vào mùa thu* của Juran, *Cây trong mùa đông* của Guo Xi, đã dẫn ở trên, hoặc như *Tuyệt muộn* (Khuyết danh, đời Nam Tống).

Văn Ngọc

Chú thích :

(1) Các tổ chức Pháp đã tham gia cuộc triển lãm này : Association Francaise d'Action Artistique - AFAA, thuộc Bộ ngoại giao Pháp, chủ tịch là ông Alain Decaux. Réunion des Musées Nationaux - RMN, chủ tịch là bà Françoise Cachin.

(2) Điều này cho thấy rõ một điều là nghệ thuật, nhất là nghệ thuật chính thống, từ đông tây, kim cổ, chủ yếu vẫn thường chỉ là một thứ tiêu khiển, một nhu cầu văn hoá của các tầng lớp trên trong xã hội (vua chúa, quý tộc, phú thương, trí thức). Trên những hiện vật như cái lư, cái đỉnh đời nhà Thương, nhà Chu, cái quan niệm thẩm mỹ của các vua chúa đương nhiên đã có một ảnh hưởng quyết định lên hình dạng của chúng.

(3) Trên một bức tranh lụa (không có trong triển lãm) tìm thấy trong ngôi mộ Hán số 1 ở Trường Sa (tỉnh Hồ Nam - đầu thế kỷ 2 trước C.N.), người ta đã thấy có hình tượng chiếc đĩa ngọc Tất, lỗ có giải xuyên qua và cũng đứng ở vị trí trung tâm giữa hai con rồng. Cũng trên bức tranh đó, người ta còn nhận xét thấy có những đám mây đã được cách điệu hoá. Trên một chiếc đĩa ngọc Tất khác mang niên đại thời Đông Chu (770-221 tr. C.N.), người ta cũng đã bắt đầu thấy những mô típ trang trí chạm nổi hình rồng. Điều này cho thấy hình tượng con rồng hoàn chỉnh, cũng như hình tượng mây được cách điệu hoá, đã xuất hiện từ một niên đại khá xưa. Cũng như, hình tượng sóng, hoặc núi : trên một chiếc bình *tôn* ba chân đựng rượu đời Hán (206 tr. C.N.-221 s. C.N.), người ta đã để ý thấy có hình núi, hoặc sóng cách điệu hoá, không khác gì như trên các tranh tượng dân gian sau này.

(4) Cho tới nay, dấu tích xưa nhất của tranh lụa, là bức hoạ tìm thấy được trong ngôi mộ cổ số 1 ở Trường Sa (Hồ Nam) mang niên đại đầu thế kỷ 2 trước công nguyên (đầu đời nhà Hán). Trên bức tranh thờ này, nét vẽ người và rồng đều rất uyển chuyển, sinh động, và chắc hẳn đã được thực hiện bằng bút lông.

(5) Cách viết theo lối *chữ thảo* được sáng tạo bởi Vương Hy Chi (thế kỷ 4, đời Lục Triều).

Trên đất lạ

truyện ngắn

Vũ Đình Giang

22 tuổi, đang là sinh viên năm cuối khoa mỹ thuật công nghiệp (Trường đại học Kiến trúc), nhưng Vũ Đình Giang đã có được trong tay mình một “gia tài” nho nhỏ những truyện ngắn viết cho các báo học trò. Lại có cả tác phẩm đầu tay là tập truyện *Đỉnh thiên đàng* nằm trong tủ sách tác giả - tác phẩm *Áo Trắng* (NXB Trẻ).

Nhưng thế cũng là chưa đủ với một cây bút trẻ còn muốn đi xa hơn nữa. Những chuyện mộng mơ của thời đi học, cả chuyện com áo của thời đi học Giang đã viết nhiều lắm, lần cùng bạn bè trang lứa trong những camr xúc buồn vui nhẹ nhàng và đơn giản... Mà Vũ Đình Giang lại muốn đi xa thêm: “Tôi muốn nhìn xã hội rộng hơn, không muốn còn bó hẹp ở tuổi áo trắng mơ mộng nữa”. Và đã thử đi xa. Cũng từ một chuyến đi thực tế lên vùng Tây Bắc, rồi qua đèo ở Lào Cai mà bước qua thị trấn Hà Khẩu (Trung Quốc)...

Bọn họ gồm bốn người: một gã đàn ông trung niên dáng lỏng khồng, nước da tái tái; hai gã đàn bà nhỏ con, mặt đầy góc cạnh rất khó đoán tuổi, thoạt nhìn là biết ngay hai chị em ruột, và cuối cùng là một con bé cũng gầy nốt nhưng láu lỉnh. Họ có một điểm chung: đôi mắt lừ đừ nhưng dữ dội, mỗi khi quét tia nhìn vào đối tượng nào là có thể gây cảm giác sợ hãi lẫn khuất phục cho đối tượng đó.

Tất cả cùng ngồi đợi đò, nhìn nước sông đỏ ngầu cuộn cuộn chảy, những cánh rừng chuối xanh ngấn ngát nối nhau điệp điệp trùng trùng, rồi nhìn nhau dò xét. Thật ra tôi và M. sợ thì đúng hơn. Gã đàn ông nhặt một hòn đá thủy đánh tòm xuống nước, đoạn đứng dậy chỉ “đù mẹ” rồi rút bao ba số bật lửa đánh xoè, xong tung về phía gã đàn bà gần nhất. Gã hát hằm: “Chơi một điếu chứ?” và chìa ra một đầu lọc mời gọi. Có thể nghe rõ tiếng thở mạnh bất thường của M., nhưng tôi đã tiến lại gần, thu hết can đảm đón lấy món quà xã giao bằng hai ngón tay cố không run lên vì lo lắng mơ hồ. Gã đàn bà thứ hai nhả ra một ngum khói khét lẹt, liếc đuôi mắt xéch hỏi: “Tụi mày ở phương Nam ra hử?”. Thật khó che giấu được ai thứ giọng Bắc lơ lơ mà tôi cố pha chế, có thể tạo được chỗ tin cậy cho M. chứ không bị được bọn tưng trài này. M. lúc này dựa hẳn vào balô, duỗi dài chân như tỏ thái độ buông xuôi, cô phân trần: “Chúng tôi là sinh viên mỹ thuật, mùa hè muốn đi thực tế...”. Gã cười khanh khách, búng tàn thuốc bay vèo xuống mặt sông, mặt khoằm lại nghi ngờ: “Sao, rừng rú thế này mà vẽ vôi gì? Tụi mày điên à?”. Rồi nhìn hai cái balô to kỉnh: “Hay định buôn một chuyến?”. “Không có! - M cố chống

chế - Chúng tôi chỉ mang theo giấy bút, cọ màu thôi”. Tôi bấm tay M., cố nén tiếng thở dài. Rõ là từ đêm qua chúng tôi luôn là đối tượng theo dõi của bọn bụi đời khi chuẩn bị lên tàu, hai cái balô căng phồng và chất giọng Nam “chon chát” đã kích thích sự thèm muốn của chúng. Trong khi M. ngồi bệt xuống khoảng hiên tối nghỉ mệt, tôi nhanh trí giả vờ kiểm tra hành lại hành lý, rồi xỏ tung vài thứ linh tinh trong balô ra: “Chẳng có gì cả, thấy chưa?” - tôi nháy mắt với M., từ đó chúng tôi được tha bổng.

Giờ thì đến lượt bọn này. Gã đàn ông hết kiên nhẫn, vút toẹt điếu thuốc hút dở, rống lên: “Đù mẹ! Ông thì đốt cả đò chúng mày”. Con bé vẫn thơ ngây nhẩy căng lên vẩy tay rồi rít: “Đò ơi! Đò ơi!”. Cái giọng non nớt không vượt nổi chục mét không gian, lọt thỏm xuống dòng sông mất hút. Bên kia sông, lẫn trong đám chuối rừng âm u, mái tranh loáng thoáng vài vệt nắng hắt lên vàng lựng. Con đò vẫn nằm yên như trêu người. Đồng hồ nhích dần từng phút. Mặt sông loang lổ bóng chiều hắt lên những đôi mắt xéch dài và dữ tợn, những đôi mắt biết lừ đừ khi say thuốc, biết cuộn lên sóng dữ đỏ ngầu và biết xanh một màu rờn rợn của những cánh rừng chuối. M. gần như tuyệt vọng: “Trể rồi”, tinh thần hoàn toàn suy sụp. Hai gã đàn bà vừa bĩu môi vừa quắc mắt giận dữ. “Xong!”, rồi cả bọn lục tục đứng dậy. Con bé của vào tai M. một vết đau điếng: “Mẹ à! Chúng ta về nhà chứ?”.

Chỉ còn tôi và M. ngồi lại trên bờ sông. Mặt trời lúc này như một hòn than đang cảm ghét thong thả buông mình xuống núi. M. khóc, đôi vai run lên vì sợ hãi. Cô trách tôi đầy ư? Chẳng lẽ cô quên rằng trước khi bước qua cổng ga Sài Gòn, cô nói sẵn sàng theo tôi đi cùng trời cuối đất cốt để quên gã đàn ông ấy sao? Chẳng lẽ cô quên rằng đây là mùa hè cuối cùng, rồi sau đó những lo toan bắt tận vì cuộc sống của một sinh viên mới ra trường sẽ không còn cho phép người ta phiêu lưu nữa? Một cơ hội cuối cùng, M. quên rồi sao? M. đã đi cùng tôi thì phải tin tôi chứ? Dù rằng tôi chỉ năm mươi lăm cân cho một mét bảy tư, dốt võ, không biết một thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Việt, nhưng tôi có sự tự tin. Một đêm trên đất lạ thật chẳng là gì đâu!

M. đột ngột thôi khóc, cô ngừng đầu lên khế mỉm cười: “Tôi xin lỗi!”. Có lẽ khi nỗi hoang mang vì cô đơn trôi qua, ý thức được rằng khóc lóc chỉ tổ rối trí người đi cùng, M. bình tĩnh trở lại. Chúng tôi xốc balô lên vai, quyết định: “Ồ lại nhé!”. “Ừ! Cố tìm một chốn trọ”. Rồi bước...

*

Đêm đầu tiên trên đất lạ, tôi và M. rãng va lập cập vì lạnh. Ban ngày trời nóng hầm hập như ở Hà Nội khiến tôi ngây thơ nghĩ rằng mấy cái áo khoác mỏng dính phen này không có dịp làm điều, gờ thì hông to rồi! Cả ngày rong ruổi qua những con phố bán buôn sầm uất, mệt lả người không ngủ được. M. đề nghị: “Chúng ta đi một vòng chứ?”, rồi lồm cồm bò dậy. Cô lục tìm thỏi son trong balô. Tôi kiểm lại số tiền Việt trong túi áo và nghĩ đến ngân hàng ở con phố hướng bắc.

So với ban ngày, phố về đêm rục rờ hẳn. M. nắm chặt tay tôi tìm hơi ấm, hỏi: “Có giống trong phim không?”. Tôi đã phần chần hần: “Nếu có hàng cây ở trục lộ giữa thì hết Lê Lợi của Sài Gòn nhỉ?”. Hai đứa nhìn lên những toà cao tầng đến chóng cả mặt, bước qua khu phố ăn uống nhộn nhịp người,

món ăn bày la liệt trên những chiếc bàn phủ vải hoa đầy vẻ mời mọc. Ấn tượng hơn cả là những con chuột quay vàng rộm chễm chệ trên mâm bạc sáng choang. Ở thị trấn biên giới hẻo lánh này hoá ra tiện nghi hiện đại vô cùng. Nhưng người ta đi lại bằng một thứ xe “ba trong một” rất kỳ lạ. Nó là sự pha trộn giữa động cơ và diện tích của thứ ba gác máy, cấu trúc và tiếng nổ của một chiếc Lambretta và không khí của một cỗ xe ngựa thời phong kiến. Cũng có thể xem nó như một chiếc xe vua miệt Cần Thơ, Long Xuyên...giấy đấy, nhưng “động cơ chân” được thay bằng một chiếc xe gắn máy chuyên trị những vùng đồi núi, có nguồn gốc từ các nước Đông Âu cũ.

Cứ khoảng năm phút lại có một chiếc “ba trong một” tành tạch lướt qua, toàn là “bác tài nữ”. M. kéo tay tôi băng qua đường, thoát khỏi khu phố thơm lừng mùi xào nấu, tiến về một “bác tài nam” đang hút thuốc bên kia đường. Phải nói anh ta khá điển trai. Sống mũi cao, da trắng, tóc chải ngược, đôi mắt một mí đặc trưng. Anh ta nói tiếng Việt lơ lớ: “Hai lái hai đồng” và đưa hai ngón tay ra hiệu. Một chị người Việt đẩy xe đạp chở một một rọ đào đây ừ đi ngang qua, ngựa mồm phiên dịch: “Nó nói hai cái hai đồng nghĩa là mỗi người phải trả hai nhân dân tệ đấy!”. Anh ta bẽn lẽn cười, trông thật đáng mến.

M. kéo ô cửa sổ nhỏ bằng ba bàn tay, hai đứa châu đầu nhìn phố xá, tay vẫn nắm chặt để truyền hơi ấm. Chiếc xe chỉ vừa đủ hai người nhưng vẫn quá lạnh, xe lại đang chạy dần ra hướng bờ sông. Gió thổi phất qua mấy tua vải nhựa trang trí bên mái hông xe gợi nhớ những chiếc kiệu rườm rà trong những phim kiếm hiệp. Nhờ ánh điện lọt vào qua khe hở cửa sổ, tôi bắt gặp một dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên mặt M.. Có lẽ cô nhớ đến gã đàn ông ấy. Từ ngày cô hiểu ra rằng mình mất gã, M. thôi để tóc dài và già biệt gương mặt mộc. Cô cắt tóc ngắn, thay mô-đen theo trào lưu và trang điểm đậm khi đi học. Màu son tùy hứng, lúc nâu, lúc đỏ tươi, lúc tím, lúc hồng cánh sen, nung mắt thì không giấu vẻ mỗi mệ. Hình như cô làm thế để xoá hình ảnh người đàn ông ấy. Hết như tôi, rất thèm khát được nổi loạn cốt giấu kín nỗi cô đơn trong lòng. Mà có ai quên được đâu?

Mùa hè hai năm trước, chúng tôi cũng háo hức trong chuyến đi dài đầu tiên trong đời. Dọc Sài Gòn ra miền Trung, chúng tôi ăn uống trên xe và hò hát suốt ngày đêm. Xe băng qua những cánh đồng cát trắng khắc nghiệt, những đèo dốc mờ mịt khói sương, những bờ biển xanh rì rầm sóng vỗ... Hồn nhiên, mơ mộng, yêu đời... Những đêm ngủ lại quán trọ dọc đường, mà nào có ai ngủ được đâu? Suốt đêm chúng tôi kéo nhau ra biển ngắm sao, nhìn trời đất rồi đuổi bắt nhau và bàn luận về một cuộc sống quên đi chuyện áo cơm vật vãnh. Trong chuyến đi ấy, M. đã gửi lại nơi phố cổ một mối tình cùng gã tài xế từng trải, để rồi ít tháng sau tôi gặp M. phờ phạc trong quán cà phê trước trường. Đám bạn xôn xao: “Thất tình đấy! Cha tài xế rữ hết, bảo không phụ được vợ con, thôi đành quên em vậy”.

Cũng được hai năm rồi. Trong lớp vài đôi khoác tay nhau thành cặp. M. cứ “lùng lờ con cá vàng”, còn tôi bị chê “sao khô khan đến vậy”. Công việc cuốn tôi đi, thỉnh thoảng ngồi trong lớp nhìn ra thấy M. đứng nhìn trời đất vu vơ trông chẳng biểu lộ tình cảm gì, nhưng tôi biết trong lòng thì buồn bã lắm. Những khoảnh khắc kỷ niệm ủa về, cả M. và tôi làm sao quên

được. Tôi nói: “Hay chúng ta đi một chuyến nữa?”. M. sáng rực cả mắt. “Ừ nhỉ! Và lại sang năm làm tốt nghiệp, biết có còn cơ hội?”. Hôm chúng tôi ra ga, vài đứa bạn thân đưa tiễn, chúng nhấp nháy mắt: “Chúc hai người những tình yêu đẹp!”

Mà nào đã gặp gì đâu? Suốt mấy hôm ở Hà Nội, chúng tôi la cà các phố, các bảo tàng, các hồ, các chùa..., ký họa mỗi cả tay, quên bém mắt người đi cùng mình mang giới tính khác. Được năm ngày, M. kiểm lại số tiền trong túi, hỏi: “Chẳng lẽ ở đây mãi sao?”. Tôi móc sơ đồ của ông anh ghi chỉ chít địa danh vùng Tây Bắc, bảo: “Thôi được! Chúng ta dành mỗi người một vé tàu Bắc Nam, còn lại tiêu hết nhé!”.

...Kết quả là đêm nay co ro trên đất lạ. Xe dừng lại rồi đây. Người đàn ông cầm hai tờ tờ bạc lên ánh điện sẫm soi rồi nói một câu tiếng Hoa làm chúng tôi ngo ngác, nhưng cũng cố mỉm cười gật gật. Tôi đoán anh ta hỏi chùng nào về để anh ta còn chờ xe ở đầu phố, nhưng M. đã khoát tay ra dấu không cần.

Chúng tôi đi dọc bờ sông, M. vẫn để tay cho tôi nắm. Lúc này cũng chẳng nghĩ ngợi gì nhiều. Chỉ thấy phố đẹp lạ lùng. Nhưng vắng quá. Nhìn sang bên kia biên giới chỉ thấy một màu đen thẫm. Cũng lạ, cách nhau có một con sông mà bên kia là núi rừng, bên này là phố thị. Bên kia là nước Việt, bên này là Trung Hoa. Cách nhau một lần cổng, một lần cầu mà đã gặp một dân tộc khác, và tôi đã mang cảm giác của một khách lạ rồi.

Cứ đi... Thật lâu mới có một chiếc “ba trong một” chạy qua để lại vu vơ một làn khói mỏng. Chúng tôi ngồi xuống một ghế đá, im lặng. Gió thổi rào rạt qua những hàng cây um tùm trong công viên. Sau lưng là sông, trước mặt là phố cao tầng, điện vẫn sáng nhưng sao vắng quá! M. thì thào: “Thôi chúng ta về đi! - mắt cô lộ rõ vẻ sợ hãi - M. linh cảm...”.

Không đợi M. dứt câu, trước mặt tôi lù lù ba cái bóng to lục lưỡng. Gã đi đầu phát ra một câu dường như là ra lệnh, âm sắc rín rít trong gió. Hấn tiến lại gần. Nhanh như cắt, M. hét lên thất thanh và vùng bỏ chạy. Tôi chưa kịp phản ứng gì thì bị ngay một cú thoi giữa mặt, văng vát đầu và nghe môi mẩn chát. Một cú đá nữa. Tôi vật xuống đất, kịp nhìn thấy M. đang giằng co giữa những cánh tay hộ pháp của hai gã còn lại.

*

Người đàn ông có đôi mắt pha trộn giữa màu đỏ của nước sông cuộn cuộn chảy và màu xanh âm u của những cánh rừng chuối, trao cho tôi cốc rượu sảng sảng màu mặt ong và phảng phất mùi bạc hà, gần giọng: “Mày khá lắm, nhưng còn dại! Đàn ông nên học một môn võ nào đó để tự vệ chứ. Không có bọn tao, thử hỏi con nhỏ người yêu mày đã như ra sao?”. M. đỏ mặt, không biết vì rượu hay vì lời nói. Người đàn bà bên cạnh rít một hơi thuốc rõ dài làm bóng tối bóng tối chen đầy trong hai hốc má, gương mặt đã choắt càng thêm choắt, chị ta nhìn chăm chăm vào vết đỏ hằn trên cổ M., hỏi: “Chúng mày nhần hết rồi à?”. Tôi nói ngoài mấy chục nhân dân tệ trong túi và sợi dây chuyền của M. bị cúng cô hồn, tôi còn ít trăm bạc đủ để đón tàu về Hà Nội. May mà để ở nhà trọ, không thì chẳng biết vất vưởng ở đâu.

Đêm thì khuya, quán rượu nhỏ thưa thớt người. Mùi bạc hà nơi cốc rượu không thoát ra khỏi cái màn trúc ngăn với gian khác, mà vị cay thì lọt cả lưỡi. Lúc này tôi có cảm giác là đang

trao hết niềm tin nơi họ. Cũng chẳng nói được nhiều. Gió bên ngoài rít từng đợt hun hút nhắc tôi nhớ đến chai rượu cạn. Tôi đề nghị thêm một chai nữa. Anh ta nói : “Thứ rượu này vô danh, không quý, nhưng chỉ nơi này mới có. Nó được cất từ một loại nếp than trồng trên vùng núi cao thuộc khu tự trị của một vụ vì ngoài mùa xuân ra, còn thì quanh năm sương mù và tuyết phủ. Dân thị trấn đem vải vóc, lương thực đổi lấy rồi pha chế nó với tinh dầu bạc hà để ra được thứ rượu này đây. Mà uống thấy có ngon hơn mấy hiệu Tây nhăng nhít trong Sài Gòn không?”. Anh ta nói xong thì rút tiếp. Bàn bên kia M. nói gì đó với người đàn bà rồi khóc thút thít. Có lẽ cô cảm động. Gặp người Việt ở đây không khó vì họ qua lại buôn bán suốt, nhưng để nghe một tâm sự nào phải dễ đâu ? Huống hồ họ lại là ân nhân của chúng tôi.

Người đàn ông bắt đầu kể, giọng không giấu vẻ tự hào :

- Tao đi suốt, từng leo Vạn Lý, từng vào Tử Cấm thành. Mà tưởng tao không biết đất Sài Gòn sao ? Mụ vợ tao kia có tất thảy chín anh chị em nhưng rải rác mỗi người một nơi, dọc từ Hà Tiên đến Móng Cái. Cũng chẳng hay ho gì, do chiến tranh loạn lạc và cuộc mưu sinh. Chưa bao giờ anh em bà ta tập hợp đông đủ cả, nhưng chỉ cần một bà chị gặp bão, một thằng em bị “tố” hàng là ai cũng biết. Tao đi đâu chẳng gặp người nhà ? Thế mà ở đâu đêch được. Mỗi tháng tao đánh hai chuyến hàng từ Trung qua biên giới, chủ yếu vượt bằng lối “tiểu ngạch”. Mẹ nó, bọn biên phòng ở đây tao nhỉnh tất. Mà sao chúng mày biết đường này mà đi ? Bọn địa phương chỉ à ? Ừ, thật ra bọn dân ở đây cũng láo lăm, toàn con buôn tứ xứ đổ về. Con đường mày đi ban sáng cách chục năm làm gì được gọi là đường, không ma nào thêm tới ở, các bãi rác bây giờ ngày xưa là bãi mìn. Mìn giăng khắp nơi như dây dại, lâu dần dân đến đây lập nghiệp phát đất trồng cây và gỡ mìn dần. Khỏi người chết và tàn tật. Thằng em trai tao đã banh xác trong một lần cồng hàng vì mìn. Rồi đến đứa con gái lớn của tao một lần qua sông mùa lũ, gặp chỗ xoáy mạnh đã không tìm thấy xác. Tao có một căn tập thể ở Giảng Võ, mấy năm gần đây khám khá xây thêm một cái ở rìa tây thị trấn, cũng không đến tôi. Nếu chúng mày thích thì đến đây chơi ! Vợ chồng tao đã quyết ở đây, mùa học gửi con bé về Hà Nội. Mỗi một chuyến hàng qua đò sang bên kia, mụ vợ tao lại nhớ con, nói đó đang đi lạc đâu đây, thôi thì suốt đời chúng ta không đi đâu nữa. Không thể nào đi nữa...

Người đàn ông gục mặt xuống lòng tay, cốc rượu tràn trên môi tôi đắng chát. Hèn gì mắt họ đều giống nhau, đỏ cuộn nước sông và xanh âm u của núi rừng. Phải chăng họ không ra đi vì nơi đây lưu giữ linh hồn người thân của họ, dù họ biết họ đang hành cái nghề phạm pháp ? Cũng có thể vì thói quen hoặc vì tất cả. Đây là lần hiếm hoi thứ mấy họ kể chuyện đời mình cho khách lạ ? Lần thứ mấy người đàn bà buông rơi điếu thuốc để nước mắt tự nhiên rơi, người đàn ông gục đầu xuống gối ? Tôi định nói một câu gì đó để an ủi, nhưng không ! Có thể gọi họ là giang hồ, mà người của giới giang hồ kể chuyện đời mình chả cần ai thương xót. Cứu người cũng chẳng cần đền đáp. Họ muốn tồn tại trong mắt kẻ khác như con sông dữ không sợ đá ghềnh. Có thể vì rượu chẳng mà người đàn ông kể nốt một câu chuyện dài ? Hay vì bận lao qua những năm tháng sóng gió, những lọc lõi mưu mẹo tận cùng của một con buôn,

họ quên rằng đã đánh mất khá nhiều điều. Để rồi đêm nay họ sống thật trong khoảnh khắc. Cũng có thể chúng tôi gọi lại hình ảnh năm xưa của họ. Những tháng ngày ấy tránh sao khỏi những lúc ngờ nghệch, bị trấn lột, bị rượt đuổi.

*

Sáng hôm sau, chúng tôi vác balô xuống bến, lòng không khỏi lo lắng vì số giấy tờ tùy thân còn nằm nơi căn chòi tranh bên kia sông. Sáng sớm sương còn lãng đăng quanh triền núi, mặt sông đục ngầu cuộn sóng toả khí lạnh ngút trời. Con đò bên kia sông khởi động, lừ đừ tiến qua bờ bên này chờ theo máy chị phụ nữ nhếch nhác áo quần và xe đạp đầy bụi đỏ.

“Bọn *tàu* này đánh hàng sớm nhỉ?”. Tôi và M. quay lại : một người đàn ông và hai người đàn bà. Thuốc đỏ rực môi. Trông họ khác hẳn đêm qua. Hệt như lần đầu tiên cùng chờ đò. Vì họ đang sống một đời sống khác. Một đời sống khác. Một đời sống cũ ! Tôi lúng túng móc bút chì và giấy. Người đàn bà quắc mắt khi tôi tiến gần đề nghị được ký hoạ một bức. Tôi nói rằng tôi muốn đền đáp ân nhân nhưng tôi chẳng có gì ngoài vốn liếng mấy năm ở trường hoạ. M. cũng loay hoay rút tập giấy đánh roạt. Người đàn ông có vẻ giận dữ : “Chẳng lẽ đó là cái cách bọn dân phố tụi mày làm sao ? Tao chẳng cần mấy tờ giấy bản thù đó”. M. có vẻ chột dạ, xoay cây bút chì ngân ngại. Còn tôi thì cố quyết tâm vẽ, dù người đàn ông ngẩng mặt hút thuốc không thèm nhìn. Tôi sẽ đem về Sài Gòn chân dung của họ để không có cơ lãng quên, để nhắc rằng mình từng một lần được sống.

Đò quay mũi. Họ đón nhau lẫn vào con đường tắt mất rồi. Chỉ còn tôi và M. chờ vợ giữa đò cùng gã lái bạm trợn, cố không nhìn sang bờ kia nữa. Nơi ấy có con đường rộng thênh thang chạy dọc bờ sông, nơi những toà nhà cao tầng đứng nghiêm nghị và nhiều thành phần con người hỗn tạp vì đặc trưng vùng cửa khẩu.

Đò đã ra giữa sông. Nước sông cứ cuộn lên đỏ lừ lừ. Tôi và M. nhìn nhau rồi nhìn xuống chỗ nước xoáy cực mạnh. Nhỡ không may lúc này mà chết chắc phải nắm tay nhau để khi xuống địa ngục còn có người đi chung cho đỡ cô đơn, M. nhỉ ?

Vũ Đình Giang

(*Tuổi Trẻ Chủ Nhật*, số 38, 9-98)

Diễn Đàn *forum*

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đổ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 7 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La- Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063, địa chỉ điện tử

ldloc@friko6.onet.pl

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, PDT, ABC,...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)